NAVIBANK Securities

Số: 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;*
- *Giấy phép hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16/05/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28/04/2023;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *Biên bản họp số 01/2024/NVS/BBH-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5. Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6. Thông qua Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8. Thông qua ban hành Quy chế quản trị công ty

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 9. Thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 10. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 12. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 13. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 14. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 14;*
- *Lưu P.HC-NS.*

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

Số: 01/2024/NVS/BBH-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) được tiến hành theo đề nghị triệu tập của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

I. Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK (NVS)

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, sửa đổi lần thứ hai ngày 06/09/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3724 5999 Fax: 024.3724 5775 Website: www.nvs.vn

II. Thời gian, địa điểm họp:

- Thời gian: 8h30 ngày 28 tháng 06 năm 2024.
- Địa điểm: Tại Hội sở của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank – Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

III. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Nguyễn Thùy Dương báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp:

- Tổng số cổ đông được gửi thông báo mời họp Đại hội là 06 cổ đông, nắm giữ tổng số 25.200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Tổng số đại biểu có mặt tham dự đại hội là 04 đại biểu (gồm cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông), đại diện hợp pháp và hợp lệ cho 25.200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết, gồm các ông/bà có tên sau đây:
  + Ngân hàng TMCP Quốc Dân ủy quyền cho bà Nguyễn Việt Anh Thư tham dự
  + Bà Quách Thị Nga ủy quyền cho ông Lê Chí Phúc tham dự
  + Bà Phạm Thị Yến ủy quyền cho ông Lê Chí Phúc tham dự
  + Bà Lê Thị Anh ủy quyền cho ông Ngô Văn Doanh tham dự
  + Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân ủy quyền cho ông Phan Anh Tuấn tham dự

+ Ông Huỳnh Nguyễn Tấn Bách ủy quyền cho ông Phan Anh Tuấn tham dự

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với thành phần và số lượng cổ phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

IV. Bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu:

Đại hội đã biểu quyết bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu như sau:

1. Đoàn chủ tịch:
   - Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Chủ tọa Đại hội
   - Ông Lê Chí Phúc – Thành viên HĐQT
   - Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kế toán trưởng
2. Thư ký cuộc họp:
   - Bà Nguyễn Thùy Dương
   - Bà Phan Thị Mỹ Hà
3. Ban kiểm phiếu:
   - Bà Thế Thị Minh Hồng – Trưởng Ban kiểm phiếu
   - Bà Nguyễn Thị Thơm – Thành viên Ban kiểm phiếu

V. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:

Đoàn chủ tịch đã chủ trì thảo luận các ý kiến đóng góp và Đại hội đã nhất trí thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Nội dung chi tiết Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng giám đốc
- Nội dung chi tiết Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội

Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

3. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023

- Người báo cáo: Ông Lê Chí Phúc – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Chủ tịch UBKT đã gửi đến công ty Báo cáo của UBKT. Tuy nhiên do lịch trình công việc ông Lê Nguyễn Hoàng Anh không thể tham dự họp, ông Lê Chí Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện Hội đồng quản trị đọc Báo cáo của Ủy ban kiểm toán được gửi đến Hội đồng quản trị.
- Nội dung chi tiết Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023

- Người báo cáo:

  Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chức vụ: Kế toán trưởng – Báo cáo Đại hội Báo cáo tài chính kiểm toán 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

  Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng Giám đốc – Báo cáo Đại hội Báo cáo thường niên năm 2023
- Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo thường niên 2023 đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo thường niên 2023 với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

5. Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024

- Người báo cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chức vụ: Kế toán trưởng
- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty trong năm 2024 theo Tờ trình thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024 của Tổng Giám đốc.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định đánh giá, lựa chọn một trong các công ty kiểm toán tại Tờ trình nêu trên để thực hiện soát xét và phát hành Báo cáo tài

chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng đầu năm và của năm với tiêu chí uy tín, an toàn và chi phí thích hợp.

- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua phương án với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

6. Thông qua Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Nội dung chi tiết Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023 của Tổng Giám đốc đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Tờ trình với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

7. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Nội dung chi tiết Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

8. Thông qua ban hành Quy chế quản trị công ty

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Nội dung chi tiết Tờ trình đề xuất ban hành kèm theo dự thảo Quy chế quản trị công ty đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua ban hành Quy chế quản trị công ty với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

9. **Thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Nội dung chi tiết Tờ trình đề xuất ban hành kèm theo dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

10. **Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần**

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị cùng toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty thương tiếc thông báo Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đã từ trần ngày 26/08/2023. Do đó, Hội đồng quản trị đề nghị thông qua miễn nhiệm đương nhiên chức vụ thành viên Hội đồng quản trị - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Sơn. Hội đồng quản trị đã thay mặt Công ty bày tỏ sự chia buồn đối với gia đình ông.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

11. **Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân**

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Dựa trên Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 của cổ đông Lê Thị Anh ngày 24/06/2024 và Tờ trình bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân được đề cử bởi cổ đông Lê Thị Anh.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

12. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Dựa trên Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 của cổ đông Lê Thị Anh ngày 24/06/2024 và Tờ trình bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong được đề cử bởi cổ đông Lê Thị Anh.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp và ông Phan Anh Tuấn đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Biên bản này được lập hồi 10h20 ngày 28/06/2024.

Đại hội kết thúc vào hồi 10h30 cùng ngày.

Thư ký cuộc họp	Chủ tọa cuộc họp
NGUYỄN THÙY DƯƠNG	PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

Số: 01/2024/NVS/BBKP-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
(Ngày 28 tháng 06 năm 2024)

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Hôm nay, vào lúc ..9h35... ngày 28 tháng 06 năm 2024,

Tại Hội sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank – Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Đại hội đã chỉ định Ban kiểm phiếu gồm các thành viên:

- Bà Thế Thị Minh Hồng – Trưởng Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Thị Thơm – Thành viên Ban kiểm phiếu

Theo chương trình Đại hội, những vấn đề cần được Đại hội biểu quyết thông qua là:

a. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị;
b. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc;
c. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;
d. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023;
e. Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024;
f. Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023;
g. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung;
h. Thông qua Quy chế quản trị công ty;
i. Thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

j. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần;

k. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân.

l. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong.

Đại hội đã nhất trí thông qua những nội dung đã trình nêu trên và tiến hành biểu quyết.

Số đại biểu cổ đông đã tham dự biểu quyết có 06.. cổ đông, đại diện cho ..25.200.000..... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm ..100%.. vốn điều lệ.

I. Phương thức biểu quyết

Đánh dấu vào Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết

1. Tổng số phiếu phát ra: ...06..... **phiếu**, đại diện cho .25.200.000. **cổ phần**, tương đương .....100%..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Tổng số phiếu thu về: ...06..... **phiếu**, đại diện cho .25.200.000.... **cổ phần**, tương đương ...100%... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trong đó:
   - Số phiếu hợp lệ là ...06..... **phiếu**, đại diện cho 25.200.000 **cổ phần**, tương đương .....100%..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
   - Số phiếu không hợp lệ là .....0..... **phiếu**, đại diện cho .....0..... **cổ phần**, chiếm .....0..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

III. Kết quả biểu quyết trên số phiếu hợp lệ

STT	Vấn đề biểu quyết	Tỷ lệ đồng ý (%)	Tỷ lệ không đồng ý (%)	Tỷ lệ không có ý kiến (%)
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	100%	0	0
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	100%	0	0
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	100%	0	0
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	100%	0	0
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	100%	0	0
6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	100%	0	0
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	100%	0	0

8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	100%	0	0
9.	Thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100%	0	0
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	100%	0	0
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	100%	0	0
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	100%	0	0

Ban kiểm phiếu xin xác nhận kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã thông qua tại Đại hội.

Biên bản được lập vào lúc .....9h40..... ngày 28 tháng 06 năm 2024 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn các đại biểu!

ĐẠI BIỂU CỔ ĐÔNG GIÁM SÁT

Nguyễn Việt Anh Thư

BAN KIỂM PHIẾU

Phù Thị Minh Hồng

Nguyễn Thị Thơm

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**

- Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Huỳnh Nguyễn Tấn Bách**
- Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **049094003664 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 11/1/2022**
- Số lượng cổ phần sở hữu: **700.000 cổ phần**
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

- Người được ủy quyền (nếu có): Phan Anh Tuấn

Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 001075005980

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 17/05/2021

2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Anh Tuấn

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**

- Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Quách Thị Nga**
- Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **020357411 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/05/2014**
- Số lượng cổ phần sở hữu: **4.280.000 cổ phần**
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

- Người được ủy quyền (nếu có): Lê Chí Phúc

Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 001079017752

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Ngày cấp: 29/11/2019

2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Chí Phú

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**

- Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Phạm Thị Yến**
- Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **số 025174520 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/2009**
- Số lượng cổ phần sở hữu: **4.215.000 cổ phần**
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

- Người được ủy quyền (nếu có): Lê Chí Phúc

Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 001079017752

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Ngày cấp: 29/11/2019

2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Chí Anh

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**

- Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Nguyễn Hoàng Kỳ Lân**
- Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **079096006245 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2021**
- Số lượng cổ phần sở hữu: **7.735.000 cổ phần**
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

- Người được ủy quyền (nếu có): Phan Anh Tuấn

Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 001075005980

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 17/05/2021

2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Anh Tuấn

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**
   - Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Lê Thị Anh**
   - Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **044176011916 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/07/2021**
   - Số lượng cổ phần sở hữu: **6.500.000 cổ phần**
   - Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

   Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: .....

   Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....
   - Người được ủy quyền (nếu có): Ngô Văn Doanh

   Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 025079001932

   Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội Ngày cấp: 04/04/2021
2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Văn Danh

NAVIBANK Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung thuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. **Thông tin cổ đông:**

- Họ và tên cổ đông/Tên tổ chức: **Ngân hàng TMCP Quốc Dân**
- Số CMND/CCCD/GPHĐ/ĐKDN: **00057/NH-CP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/09/1995**
- Số lượng cổ phần sở hữu: **1.770.000 cổ phần**
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): Bùi Thị Thanh Hường

Số CMND/CCCD của người đại diện theo pháp luật: 036180006173

Nơi cấp: CCSQLHCVTTXH Ngày cấp: 25/07/2021

- Người được ủy quyền (nếu có): Nguyễn Việt Anh Thư

Số CMND/CCCD của người được ủy quyền: 001185010663

Nơi cấp: CCSQLHCVTTXH Ngày cấp: 07/04/2022

2. **Nội dung biểu quyết:** [*đề nghị Quý cổ đông chọn một (1) trong ba (3) ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu ✓ vào một (1) trong ba (3) ô dưới đây cho từng mục*]

STT	Nội dung chương trình làm việc	Ý kiến biểu quyết
1.	Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
2.	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
3.	Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2023;	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
4.	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
5.	Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6.	Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
7.	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
8.	Thông qua Quy chế quản trị công ty	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
9.	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
10.	Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Sơn do đã từ trần	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
11.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến
12.	Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Huy Phong	☑ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Việt Anh Thư

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình thực hiện Kế hoạch kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2023, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Khái quát chung về Công ty

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Chứng khoán Việt Nam:

- Trụ sở tại: Tầng 6, Tòa nhà Handiresco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội;
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/05/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, sửa đổi lần thứ hai ngày 09/06/2023.

1.2. Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 252.000.000.000 đồng.

1.3. Tổ chức của Công ty gồm

- Hội đồng quản trị (HĐQT): 04 thành viên
    - Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch
    - Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch – đã từ trần ngày 26/08/2023
    - Ông Lê Chí Phúc – Thành viên
    - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên.
- Ban Giám đốc điều hành và bộ phận giúp việc như dưới đây:

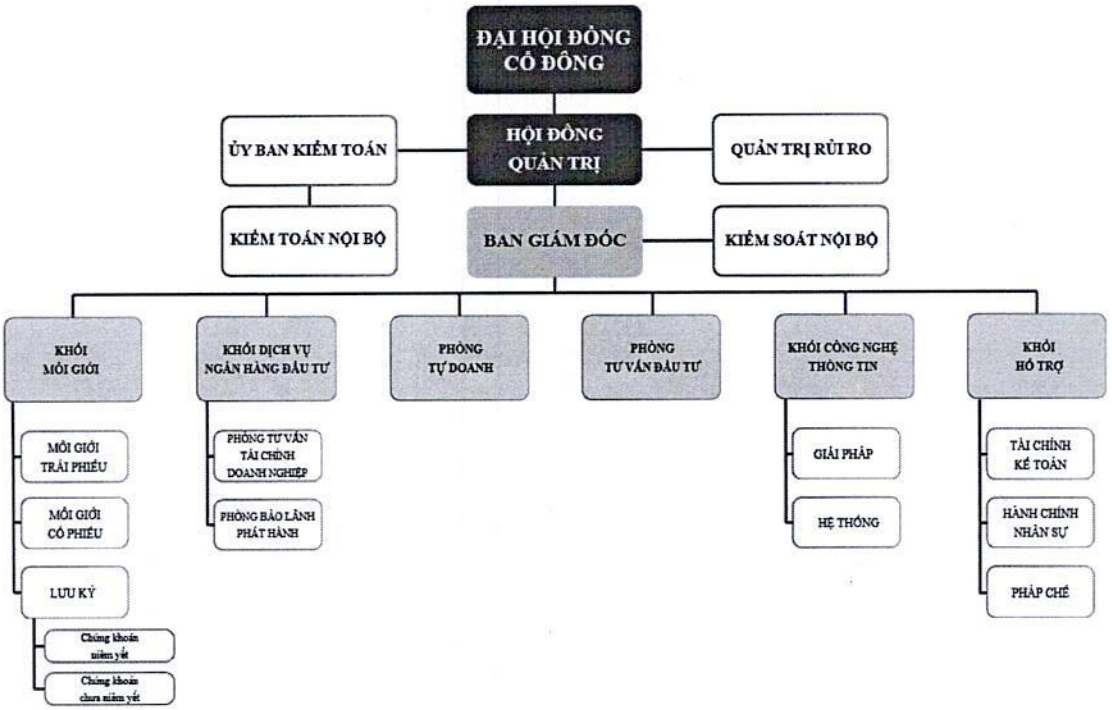

2. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2023

Trong năm vừa qua, nền kinh tế thế giới đã chứng kiến sự giảm tốc, nhiều sự kiện xung đột xảy ra tại nhiều nơi trên thế giới như tại Trung Đông, Nga – Ukraine, và việc thực hiện các chính sách tiền tệ được thắt chặt bởi nhiều NHTW lớn trên thế giới. Theo ước tính của IMF, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 3,0%, giảm 0,5% so với mức tăng trong năm 2022. Trong đó, tăng trưởng GDP trung bình năm 2023 của các nước phát triển đạt 1,5% và mức tăng trưởng GDP trung bình của các nước đang phát triển đạt 4,0%. Lạm phát thế giới được ước tính ở mức tương đối cao là 6,9% trong năm 2023, và được kỳ vọng bắt đầu vào chu kỳ cuối của lạm phát. Đáng chú ý trong năm vừa qua, Cục dự trữ liên bang Mỹ - Fed tiếp tục phát tín hiệu "diều hâu" với 4 lần thực hiện nâng lãi suất trong năm đã gây nhiều tác động trái chiều đến việc quyết định và thực hiện chính sách tiền tệ của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Năm 2023, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ sự giảm tốc trong tăng trưởng kinh tế chung của toàn cầu, các cuộc xung đột chính trị và sự bất ổn đến từ nội tại. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng quy mô GDP của Việt Nam trong năm 2023 được ước tính đạt 430 tỷ USD, tăng 5,05% so với năm 2022. Nhìn chung, mức tăng trưởng của nền kinh tế vẫn chứng kiến mức tăng thấp hơn mức tăng trung bình trong giai đoạn 2010 – 2019 là 6,6%. Song song với sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu dùng của các nước lớn trên thế giới, các hoạt động sản xuất công nghiệp chủ đạo cũng chứng kiến sự giảm tốc và kim ngạch xuất – nhập khẩu sụt giảm nhẹ trong năm vừa qua.

Bên cạnh đó, lạm phát cũng được kiểm soát với mức tăng trưởng CPI bình quân đạt 3,25% trong năm 2023. Với mức lạm phát được kiểm soát tốt, điều này đã tạo điều kiện để NHNN thực hiện chính sách nới lỏng một cách linh hoạt trong năm vừa qua. Cụ thể, NHNN đã

thực hiện 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, và lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các NHTMCP vốn Nhà nước giảm mạnh từ 7,4%/năm tại thời điểm T12/2022 về 4,95%/năm tại Tháng 12/2023. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng lại diễn biến khá chậm chạp trong năm khiến thanh khoản dư thừa, cộng thêm việc thực hiện lệch pha trong chính sách tiền tệ giữa Việt Nam và thế giới đã gây áp lực lên Tỷ giá trong giai đoạn nửa cuối năm. Trong môi trường lãi suất thấp và tỷ giá chịu áp lực lớn, NHNN đã thực hiện nghiệp vụ OMO một cách linh hoạt để bơm/hút tiền từ hệ thống và tác động gián tiếp đến thanh khoản và lãi suất chung của thị trường tài chính trong nước tùy từng thời điểm, đặc biệt trong nửa cuối năm 2023. Những sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính đã khiến Thị trường Chứng khoán có sự biến động mạnh vào nửa cuối năm và kết thúc năm với mức tăng của chỉ số VN – Index đạt 12,2% so với thời điểm đầu năm.

Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu cũng ghi nhận tổng giá trị phát hành đạt 324 nghìn tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm 2022. Trong đó, chủ yếu là Trái phiếu Ngân hàng đạt 151 nghìn tỷ đồng, chiếm 61,2% tổng giá trị phát hành; Trái phiếu Bất Động Sản đạt 46 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7%. Tuy nhiên, phân khúc tư vấn phát hành đang trở nên cạnh tranh khi 75% thị phần về giá trị phát hành mảng này được tư vấn bởi các CTCK hàng đầu có thế mạnh về vốn, công nghệ và hệ thống như TCBS, VPBank Securities, PSI, MBS. Đặc biệt, TCBS chiếm 53% thị phần về tổng giá trị phát hành trong năm vừa qua.

Trước những thách thức và thay đổi của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và sự cạnh tranh gay gắt nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2023. Với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự nhất trí của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, NVS vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động đạt 91.901 triệu đồng (giảm 32,08% so với năm 2022);
- Lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 37.934 triệu đồng (tăng 3053,28% so với năm 2022);
- Tổng tài sản đạt 386.732 triệu đồng (giảm 10,18% với năm 2022);
- Vốn chủ sở hữu đạt 321.557 triệu đồng (tăng 13,37% so với năm 2022).

(Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động… theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

- Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.
- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định của Nhà nước.

- Các văn bản quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý kinh doanh.
- Tuy doanh thu năm 2023 có sự sụt giảm nhẹ, nhưng đồng thời chi phí hoạt động của năm 2023 cũng giảm đi đáng kể, so với năm 2022 đã giảm 68%. Do vậy, so với mức giảm của doanh thu thì chi phí hoạt động cũng đã giảm gấp đôi so với mức giảm của doanh thu, dẫn đến kết quả lợi nhuận của năm 2023 được tăng lên.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023

3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư nâng cấp hạ tầng, các vấn đề về nhân sự và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban giám đốc kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị đã giám sát, đôn đốc Công ty thực hiện thành công việc đăng ký trở thành thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- Phối hợp bộ phận Quản trị rủi ro để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị.
- Số lượng Nghị quyết ban hành trong năm 2023: 04 Nghị quyết.

3.2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, các chế độ khác đối với người lao động.
- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kinh doanh hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.
- Trong năm 2023, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động trong công tác chiêu mộ nhân tài, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Hội đồng Quản trị đánh giá năm 2024 sẽ là một năm phục hồi và đón nhận những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế thế giới, tình hình lạm phát bước vào chu kỳ cuối khiến các NHTW các nước cân nhắc thực hiện các chính sách tiền tệ nới lỏng. Tuy nhiên, vẫn còn đó những rủi ro cần theo dõi như những cuộc xung đột đang leo thang tại khu vực Trung Đông, xung đột Nga – Ukraina, sự trầm lắng của thị trường Bất Động Sản Trung Quốc cần phải theo dõi và đánh giá. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng ở mức 6,0% trong năm 2024, chi tiêu công, chi tiêu tiêu dùng được kỳ vọng phục hồi và chính sách tiền tệ nới lỏng sẽ tạo tiền đề để

nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, mặc dù vẫn còn những ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn từ yếu tố tỷ giá.

Đánh giá từ tín hiệu tích cực trong dài hạn của nền kinh tế vĩ mô, Hội đồng Quản trị chủ trương việc chuẩn bị chiến lược và kế hoạch thực hiện để đón đầu những cơ hội và tạo động lực để công ty phát triển trong dài hạn. Định hướng theo chủ trương đó, Hội đồng Quản trị dự kiến đề ra các chiến lược phát triển như:

- Đa dạng hóa sản phẩm nghiệp vụ, đẩy mạnh và phát triển nghiệp vụ môi giới: Với quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng thay đổi liên tục và đòi hỏi hoạt động môi giới cần phải thay đổi và phát triển theo xu hướng hiện tại để đáp ứng với những thay đổi về nhu cầu của khách hàng. Do đó, Công ty chủ trương nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình nghiệp vụ, đầu tư thay đổi hạ tầng công nghệ để đem đến khách hàng những trải nhiệm giao dịch một cách tốt nhất. Thêm vào đó, công ty tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự có trình độ với tinh thần cao để phát triển và mở rộng mạng lưới khách hàng và tạo đà phát triển của nghiệp vụ môi giới.
- Tập trung đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ dịch vụ khách hàng tổ chức, bằng việc: Nắm bắt theo đà phục hồi của thị trường vốn trong thời gian tới, Công ty định hướng hoạt động tiếp cận và tư vấn phát hành với các khách hàng là các doanh nghiệp hàng đầu, có uy tín và tiềm tài chính vững mạnh; Mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp những giải pháp, dịch vụ và các sản phẩm cấu trúc toàn diện, linh hoạt tùy theo nhu cầu khách hàng; Công ty định hướng, nghiên cứu và mở rộng các mảng tư vấn đầu tư Trái phiếu, đầu tư vốn cổ phần (thông qua các hoạt động đầu tư vốn tư nhân – PE và M&A). Các nghiệp vụ trên có lợi thế là không cần yêu cầu quá nhiều vốn. Tuy nhiên, việc tuyển dụng nhân sự và chính sách tuyển dụng nhân sự là điều kiện cần thiết để phát triển động ngũ nhân sự chất lượng cao và mở rộng mạng lưới kinh doanh trong lĩnh vực này.
- Tập trung đầu tư hạ tầng và chuẩn hóa quy trình mảng tự doanh: Với kinh nghiệm và thế mạnh của công ty trong việc quản lý hoạt động đầu tư và cho vay của mình, mảng hoạt động này đã và đang đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của công ty. Phát triển theo xu hướng thị trường, việc các công ty chứng khoán đầu tư và phát triển hoạt động tự doanh đang ngày càng mở rộng thông qua nghiệp vụ cho vay margin. Các hoạt động cho vay của các công ty chứng khoán đã và đang ghi nhận những kết quả tích cực khi quy mô thị trường ngày càng phát triển, lượng nhà đầu tư đang gia nhập thị trường ngày càng tăng qua các năm. Do đó, các hoạt động trên cần bổ sung một lượng vốn lớn, cùng với hạ tầng công nghệ đồng bộ và đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao để thực hiện các công tác quản trị rủi ro và cung cấp nền tảng quy trình và dịch vụ thuận tiện tới khách hàng và hỗ trợ thanh khoản cho các khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin được cảm ơn sự cố gắng của cán bộ nhân viên trong Công ty; sự ủng hộ và tin tưởng của các Quý cổ đông, các đối tác trong năm qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự động viên, giúp đỡ của các quý cổ đông và các đối tác trong năm 2023.

Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ngày càng phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HC-NS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới đã trải qua nhiều sự kiện, biến động lớn có tác động sâu sắc đến tăng trưởng kinh tế trên thế giới và khu vực, trong đó có nền kinh tế Việt Nam. Hàng loạt nhân tố phát sinh đến từ những cuộc xung đột địa chính trị tại khu vực Trung Đông, giá cả hàng hóa thế giới biến động mạnh và chính sách tiền tệ thắt chặt của nhiều quốc gia lớn trên thế giới đã và đang tác động sâu sắc đến sự giảm tốc trong tăng trưởng kinh tế và mức tăng lạm phát của các nước. Năm 2023, cũng là năm chứng kiến mức tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 5,05%, đây là mức tăng thấp hơn mức tăng 8,0% của năm 2022 và thấp hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2010-2019.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng có những biến động mạnh và đánh dấu sự hồi phục nhẹ trong năm. Tổng kết năm 2023, các chỉ số chính của thị trường đều ghi nhận nhận mức tăng trưởng tích cực như: Chỉ số VN-Index đạt 1130 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022; Chỉ số HNX đạt 230 điểm, tăng 12,6%; Và chỉ số Upcom đạt 86,9 điểm, tăng 21,26%.

Diễn biến của thị trường trong năm cũng chứng kiến sự biến động mạnh. Theo đó, nửa đầu đầu năm 2023, thị trường diễn biến giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Theo đó, chỉ số VN Index diễn biến giao dịch trong khoảng từ 1020 điểm đến 1139 điểm, thanh khoản trung bình các phiên trong giai đoạn này đạt 13646 tỷ đồng, giảm 45,17% so với cùng kỳ. Thị trường giai đoạn này chủ yếu do sự suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, lạm phát dai dẳng cùng với chính sách tiền tệ thắt chặt của các nền kinh tế lớn. Tuy nhiên, bước sang nửa cuối năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam lại có sự dao động mạnh do tác động của sự nới lỏng chính sách tiền tệ. Thị trường chứng khoán Việt Nam thiết lập mức đỉnh với chỉ số VN-Index đạt 1245 điểm, tăng 23,67% so với cuối năm. Mức đỉnh thiết lập không duy trì được lâu khi vào cuối tháng 09, thị trường đã chịu áp lực điều chỉnh giảm và xác lập mức

đáy của giai đoạn này đạt 1060 điểm, giảm 14,5% từ mức đỉnh và tiếp dục dao động trong khoảng từ 1087 – 1126 điểm đến hết năm. Giá trị giao dịch bình quân trong giai đoạn nửa cuối năm đạt 21394 tỷ đồng, tăng 56% so với nửa đầu năm.

Trong bối cảnh thị trường diễn biến dao động mạnh trong năm vừa qua, Ban Giám đốc cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty đã luôn chủ động, dự phòng những phương án và giải pháp phù hợp để triển khai linh hoạt và đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra một cách an toàn và bền vững trước những sự biến động mạnh của thị trường.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Kết quả kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023	Thay đổi (%)
Kết quả kinh doanh chính (Triệu đồng)			
Doanh thu hoạt động	135.303	91.901	-32,08%
Chi phí hoạt động	124.468	39.230	-68,48%
Lợi nhuận trước thuế	1.522	47.184	3000,13%
Lợi nhuận sau thuế	1.203	37.934	3053,28%
Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)			
Tổng tài sản	430.580	386.732	-10,18%
Vốn chủ sở hữu	283.623	321.557	13,37%
Các chỉ tiêu tài chính			
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	0,42%	12,54%	12,12%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – đồng	48	1505	3035%

1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Doanh thu hoạt động trong năm 2023 của NVS đạt 91.901 triệu đồng chủ yếu đến từ nghiệp vụ Tự doanh và Môi giới chứng khoán, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2023 *(Triệu đồng)*	Tỷ trọng *(%)*
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	80.551	87,65%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6.924	7,53%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	763	0,83%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	0,00%
Doanh thu nghiệp vụ Môi giới chứng khoán	1.579	1,72%

Doanh thu nghiệp vụ Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	750	0,82%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.329	1,45%
Thu nhập hoạt động khác	4	0,00%
Tổng doanh thu	**91.900**	**100%**

Doanh thu hoạt động của NVS năm 2023 có sự giảm đi so với năm 2022 đến từ các nguyên nhân sau:

- Diễn biến thị trường ảm đạm, mặc dù có giai đoạn biến động mạnh trong nửa cuối năm 2023. Thanh khoản thị trường năm 2023 diễn biến ở mức thấp với giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 15.120 tỷ đồng, giảm 11,07% so với năm 2022, dẫn đến doanh thu phí môi giới cổ phiếu suy giảm kéo theo. Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong chính sách tiền tệ trong nước và các yếu tố tác động từ thị trường thế giới đã tác động tới sự biến động của thị trường cổ phiếu. Những sự kiện thanh tra, khởi tố và xét xử một số lãnh đạo các tập đoàn cũng đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến tâm lý của nhà đầu tư dẫn đến một số đợt bán tháo do tâm lý lo ngại, thận trọng.
- Bên cạnh đó, trước những rào cản pháp lý dự án và thay đổi về quy định phát hành trái phiếu cũng ảnh hưởng sâu sắc đến các doanh nghiệp phát hành, dẫn đến tổng khối lượng phát hành bị ảnh hưởng, đặc biệt là các đợt phát hành của doanh nghiệp Bất Động Sản từ đầu năm đến hết quý 03/2023. Tổng giá trị phát hành trái phiếu trong năm đạt 324.234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm 2022. Trong đó, nhóm ngành Ngân Hàng có tổng giá trị phát hành lớn nhất trong năm với tổng khối lượng đạt 151 nghìn tỷ đồng, chiếm 61,2%, tăng 0,28% so với cùng kỳ; nhóm ngành Bất Động Sản đạt 46 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7%, và tăng 156% so với cùng kỳ. Năm 2023, các hoạt động phát hành chứng khoán diễn ra vô cùng ảm đạm, gần như bị tạm dừng, dẫn đến doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành vốn là át chủ bài trong kết quả hoạt động mọi năm cũng đã bị ảnh hưởng mạnh. Chưa kể đến, trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt của các Công ty Chứng khoán, gần 75% thị phần tư vấn phát hành (ngoại trừ trái phiếu Ngân hàng) thuộc về một số CTCK lớn trên thị trường như: TCBS, HDBS, VPBank Securities, PSI, MBS. Đặc biệt, TCBS chiếm hơn 52% tổng tư vấn phát hành trái phiếu (ngoại trừ trái phiếu ngân hàng). Điều này cho thấy sự cạnh tranh gay gắt giữa các CTCK vừa và nhỏ với các CTCK lớn trong mảng tư vấn và bảo lãnh phát hành.
- Thị trường trái phiếu thứ cấp gặp nhiều khó khăn do niềm tin của nhà đầu tư bị giảm nghiêm trọng sau khi cơ quan quản lý Nhà nước chỉ ra một loạt các sai phạm của doanh nghiệp phát hành. Tâm lý thận trọng, ngại rủi ro gia tăng, cùng với đó là những vướng mắc pháp lý của các dự án, tài sản đảm bảo và một số thông báo sự kiện vi phạm của các TCPH lớn đã khiến các hoạt động giao dịch trầm lắng hơn trong năm qua.
- Mặc dù vậy, Công ty ghi nhận sự tăng lên từ doanh thu của hoạt động Lưu ký chứng

khoán. Đạt được kết quả này là do trong năm qua, NVS đã không ngừng đẩy mạnh và cung cấp thêm các dịch vụ liên quan đến lưu ký Trái phiếu.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trích từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

Chỉ tiêu *(Triệu đồng)*	**Tại ngày 31/12/2022**	**Tại ngày 31/12/2023**
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	420.230	376.861
I. Tài sản tài chính	419.956	376.647
II. Tài sản ngắn hạn khác	274	214
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	10.350	9.871
I. Tài sản tài chính dài hạn	2.241	2.233
II. Tài sản cố định	3.688	2.767
III. Chi phí xây dựng cơ bản	0	95
IV. Tài sản dài hạn khác	4.420	4.775
TỔNG TÀI SẢN	**430.580**	**386.732**
A. NỢ PHẢI TRẢ	146.957	65.176
I. Nợ phải trả ngắn hạn	146.957	65.176
II. Nợ phải trả dài hạn	0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	283.623	321.557
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252000	252000
II. Lợi nhuận chưa phân phối	31.623	69.557
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**430.580**	**386.732**

Trong bối cảnh thị trường đầy biến động, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng kết quả kinh doanh của Công ty vẫn cho thấy những tín hiệu rất tích cực, cụ thể:

- Việc danh mục sản phẩm thu nhập cố định như tập trung chủ yếu vào các sản phẩm có chất lượng cao được đánh giá theo quy trình đầu tư chặt chẽ và các tài sản được đảm bảo bởi các tài sản chất lượng, đã giúp cho các khoản đầu tư của công ty có được lợi nhuận khả quan và an toàn từ mảng kinh doanh này;
- Danh mục cổ phiếu niêm yết phải trích lập dự phòng mạnh do biến động từ thị trường cổ phiếu nói chung nhưng vẫn là danh mục có chất lượng tốt do lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp được xem là có nhiều cơ hội khởi sắc trong các năm tới, trong bối cảnh dòng vốn FDI vẫn tiếp tục xu hướng tăng trưởng trong thời gian vừa qua. Do vậy khả năng hoàn nhập dự phòng của danh mục này được kỳ vọng là khá cao trong các năm tới giúp đóng góp vào lợi nhuận của công ty trong tương lai;
- Năm 2023 cũng là năm NVS tập trung đầu tư vào hệ thống, hoàn thiện kiện toàn nhân sự, tiếp tục mở rộng quy mô và tối ưu các quy trình kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động để từng bước hướng tới và đạt mục tiêu phát triển các hoạt động ổn định và bền

vững.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Ban giám đốc đánh giá năm 2024 sẽ là một năm phục hồi và đón nhận những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế thế giới, tình hình lạm phát bước vào chu kỳ cuối khiến các Ngân hàng Trung ương các nước cân nhắc thực hiện các chính sách tiền tệ nới lỏng. Tuy nhiên, vẫn còn đó những rủi ro cần theo dõi như những cuộc xung đột đang leo thang tại khu vực Trung Đông, xung đột Nga – Ukraina, sự trầm lắng của thị trường Bất Động Sản Trung Quốc cần phải theo dõi và đánh giá. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng ở mức 6,0% trong năm 2024, chi tiêu công, chi tiêu tiêu dùng được kỳ vọng phục hồi và chính sách tiền tệ nới lỏng sẽ tạo tiền đề để nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, mặc dù vẫn còn những ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn từ yếu tố tỷ giá.

Đánh giá từ tín hiệu tích cực trong dài hạn của nền kinh tế vĩ mô và thực hiện nhất quán chiến lược phát triển của Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Giám đốc chủ trương việc chuẩn bị chiến lược và kế hoạch thực hiện để đón đầu những cơ hội và tạo động lực để công ty phát triển trong dài hạn. Định hướng theo chủ trương đó, Ban Giám đốc dự kiến đề ra các kế hoạch như:

Về kế hoạch phát triển doanh thu Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

Dựa trên sự tích lũy từ việc khai thác các thị trường, đối tác từ năm 2023, năm 2024 Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư tiếp tục triển khai và hoàn thiện việc cung cấp các dịch vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), các dịch vụ thị trường vốn (IPO, phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành và niêm yết chứng khoán), các dịch vụ thị trường nợ (thu xếp và phát hành Trái phiếu) và các dịch vụ khác như tái cấu trúc, định giá, IR, CBTT, tổ chức ĐHĐCĐ. Ngoài ra công ty không ngừng triển khai, tìm kiếm những đối tác và dự án mới, nhằm phát triển hoạt động của khối và tăng thêm doanh thu.

Năm 2024, Công ty dự kiến mở rộng thêm các hoạt động tư vấn như cổ phần hóa, niêm yết, phát hành chứng khoán để duy trì phí hoạt động của khối; Tập trung việc thu xếp các nguồn vay cho các doanh nghiệp trên cơ sở tận dụng các đối tác đã xây dựng được; Tập trung tìm kiếm các công ty có kết quả kinh doanh tốt định hướng tư vấn niêm yết tại các thị trường nước ngoài. Năm 2024 Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư sẽ triển khai làm báo cáo đầu tư cho các đối tác ngước ngoài về thị trường điện tại Việt Nam và kỳ vọng sẽ đem lại doanh thu hàng tháng cho khối, đảm bảo chi phí thường xuyên của khối.

Doanh thu dự kiến ghi nhận 2024 sẽ là từ hoạt động tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) cho tập đoàn Huaneng của Trung Quốc, dự kiến nếu chính sách của chính phủ về điện được cải thiện sẽ có doanh thu ghi nhận từ mảng điện này. Hiện nay, Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư đang làm việc với một đối tác Thái Lan để đi đến hoàn thiện dự án, dự kiến sẽ có thể hoàn thành trong năm 2024. Công ty cũng dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ M&A cho công ty bao bì Goldsun và dự kiến hoàn thành ngay năm tới. Ngoài ra Khối đang triển khai, khai thác mạnh các dự án Logistic và các dự án rác với đối tác Israrel.

Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư đặt kế hoạch năm 2024 sẽ đạt được kết quả doanh thu là 1.539.200.000 đồng, trong đó:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2024
1	Mua bán & Sáp nhập (M&A)	259.200.000
2	Thị trường vốn: IPO, phát hành, bảo lãnh phát hành và niêm yết	360.000.000
3	Thị trường Nợ: thu xếp và phát hành Trái phiếu	100.000.000
4	Dịch vụ khác Khác: tái cấu trúc, định giá, IR, CBTT, ĐHĐCĐ…	820.000.000

Về kế hoạch phát triển doanh thu môi giới cổ phiếu:

Năm 2024, Khối Môi giới đặt ra mục tiêu doanh thu đối với hoạt động của bộ phận môi giới cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung	Kết quả năm 2023	Mục tiêu Năm 2024	Tăng trưởng (%)
1	Giá trị khớp lệnh (đồng)	841.688.941.290	980.000.000.000	16
2	Phí giao dịch (đồng)	1.377.571.803	1.600.000.000	16
3	Số lượng cp khớp lệnh (cổ phiếu)	44.021.307	51.000.000	16
4	Cho vay GDKQ (đồng)	36.199.637.065	42.000.000.000	16
5	Lãi vay GDKQ (đồng)	676.291.000	790.000.000	16
6	Cho vay ứng trước (đồng)	216.628.103.300	253.000.000.000	16
7	Lãi vay ứng trước (đồng)	194.486.842	226.000.000	16
8	Phí lưu ký (đồng)	426.237.615	510.000.000	20
9	Số lượng tài khoản mở mới	55	64	16
10	Số lượng tài khoản hoạt động	133	155	16

Sở dĩ có thể đặt ra mục tiêu này là vì:

- Dựa trên triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước từ cận biên lên mới nổi, từ đó đón được tâm lý từ nhà đầu tư, kỳ vọng có nhiều dòng tiền đổ vào từ nước ngoài.
- Hiện nay lãi suất huy động tại các ngân hàng đang xuống thấp chưa từng thấy, khiến nhiều nhà đầu tư quyết định chuyển hướng đầu tư để khoản tiền nhàn rỗi có thể sinh lời hiệu quả, trong đó thị trường chứng khoán là một hướng đầu tư khá triển vọng và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chứng khoán mới và chuyên nghiệp.
- Cả Mỹ và châu Âu đều có tin vui về lạm phát, lãi suất có thể sớm giảm.
- Sau một thời gian giảm của thị trường chứng khoán từ năm 2022, hiện nay thị trường

chứng khoán đang bắt đầu quay trở lại với chu kỳ tăng. Điều này dựa vào sự tăng trưởng lợi nhuận, sự khả quan từ kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết đang dần phục hồi trở lại sau đại dịch Covid và nhiều biến động thị trường.

Mục tiêu năm 2024 của Công ty là vừa củng cố nền tảng quản trị vận hành hiệu quả, linh hoạt song song với việc chuẩn hóa và tạo tiền đề cho các kế hoạch phát triển trong dài hạn. Trong điều kiện kinh doanh còn nhiều hạn chế và tiềm ẩn nhiều khó khăn, Ban Giám Đốc đặt ra cho năm 2024 vẫn đảm bảo cải thiện hơn năm 2023 nhưng hướng phát triển vẫn đảm bảo thận trọng cho từng bước phát triển như sau:

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2024 (tỷ đồng)
1.	Doanh thu hoạt động	56,12
2.	Chi phí hoạt động	24,69
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	0,17
4.	Chi phí tài chính	0,19
5.	Chi phí quản lý	14,00
6.	Tổng doanh thu	56,29
7.	Tổng chi phí	38,88
8.	Lợi nhuận trước thuế	17,41

Trên đây là Báo cáo Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

Trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu P.HC-NS.*

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVI BANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2024/NVS/BC-UBKT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN 2023

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023

1. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	2	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	2	100%	100%

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2023

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính Công ty năm 2023

- Năm 2023, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh và trung thực;
- Giám sát đánh giá các hoạt động phân phối trái phiếu, giao dịch tự doanh và các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, đặc biệt kiểm tra có hay không các giao dịch đáng ngờ.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

2.1. Đối với Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Ban Giám đốc đã tổ chức thực hiện nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế và thị trường tài chính

nói chung, kết quả kinh doanh đạt được khả quan vượt lên kế hoạch đã đề ra, Công ty vẫn đảm bảo, duy trì được hoạt động kinh doanh ổn định và có lợi nhuận.

2.2. Đối với Hội đồng quản trị

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các chính sách, quy định về nội dung và tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống toàn Công ty;
- Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, việc kiểm soát được thực hiện từng 6 tháng/năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty;
- Các công việc của Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm 2023 tập trung đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty;
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển cho Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc được phân tích, phản biện và tham vấn từ Hội đồng quản trị nhằm có các giải pháp phù hợp cho Công ty.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2023, Ủy ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ phía Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra trong cuộc họp thường niên;
- Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào trọng yếu;
- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán đúng theo quy định hiện hành.

2. Kiến nghị:

- Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty tiếp tục hỗ trợ, phối hợp và tương tác với Ủy ban kiểm toán để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Rà soát, phân tích, đánh giá và ban hành các chính sách, quy định, nội quy điều chỉnh bổ sung phù hợp trong vận hành, kiểm soát hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục tập trung kiểm soát tuân thủ, kiểm soát chiến lược của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2024;
- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những người điều hành Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2024.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Uỷ Ban Kiểm Toán năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Trân trọng báo cáo ./.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN

LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
*****
Số: 01/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo thường niên năm 2023

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên 2023 *(Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên đính kèm).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên	
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Từ trần ngày 26/08/2023
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Từ trần ngày 26/08/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

S.G.P: 02 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

Số: 290324.070/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 09 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Tuấn Anh	**Nguyễn Trung Kiên**
Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1	Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**376.861.316.819**	**420.230.169.653**
110	**I.**	**Tài sản tài chính**		**376.646.504.071**	**419.955.785.694**
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.006.283.802	145.213.762.021
111.1	1.1	Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
111.2	1.2.	Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	120.190.231.115	205.195.149.201
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	89.000.000.000	10.000.000.000
114	4.	Các khoản cho vay	5	4.173.749.960	19.125.673.000
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	22.629.704.000	22.629.704.000
117	6.	Các khoản phải thu	6	45.450.839.023	17.131.219.163
117.1	6.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		43.179.429.511	13.914.505.050
117.2	6.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.271.409.512	3.216.714.113
117.4	6.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.271.409.512	3.216.714.113
118	7.	Trả trước cho người bán		1.126.413.780	103.063.950
119	8.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	870.719.945	393.842.482
122	9.	Các khoản phải thu khác	6	198.562.446	163.371.877
130	**II.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**214.812.748**	**274.383.959**
133	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	214.812.748	274.383.959
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**9.870.997.264**	**10.349.736.213**
210	**I.**	**Tài sản tài chính dài hạn**		**2.233.488.027**	**2.241.352.628**
212	1.	Các khoản đầu tư	9	3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1	Đầu tư dài hạn khác		3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	10	(1.066.511.973)	(1.058.647.372)
220	**II.**	**Tài sản cố định**		**2.767.357.423**	**3.688.205.723**
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	2.630.995.414	3.418.774.262
222	-	*Nguyên giá*		*10.688.890.175*	*10.345.343.675*
223a	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(8.057.894.761)*	*(6.926.569.413)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	136.362.009	269.431.461
228	-	*Nguyên giá*		*4.980.849.180*	*4.980.849.180*
229a	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(4.844.487.171)*	*(4.711.417.719)*
240	**IV.**	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**95.340.000**	-
250	**V.**	**Tài sản dài hạn khác**		**4.774.811.814**	**4.420.177.862**
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	411.229.036	360.636.400
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	7	348.910.850	288.005.054
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	4.014.671.928	3.771.536.408
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**386.732.314.083**	**430.579.905.866**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**65.175.630.406**	**146.956.906.541**
310	**I.**	**Nợ phải trả ngắn hạn**		**65.175.630.406**	**146.956.906.541**
318	1.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	95.218.858	39.902.669
320	2.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.000.000.000	37.385.551.364
321	3.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	220.600.000
322	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.662.041.913	5.933.091.075
323	5.	Phải trả người lao động		734.850.000	589.708.333
325	6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.883.416	305.034.771
327	7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		240.000.000	90.000.000
329	8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	40.434.636.219	102.393.018.329
340	**II.**	**Nợ phải trả dài hạn**		-	-
356	0.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	-	-
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**321.556.683.677**	**283.622.999.325**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	**19**	**321.556.683.677**	**283.622.999.325**
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
417	2.	Lợi nhuận chưa phân phối		69.556.683.677	31.622.999.325
417.1	2.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		82.669.664.363	44.127.859.811
417.2	2.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
440		**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**386.732.314.083**	**430.579.905.866**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
	A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**			
004	1.	Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	2.	Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000
008	3.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	28.964.390.000	28.964.390.000
012	4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	95.615.030.000	179.712.530.000
	B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**			
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	2.724.840.770.000	1.314.965.070.000
021.1	*a.*	*Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng*		*2.164.107.020.000*	*749.577.320.000*
021.3	*b.*	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*559.200.000.000*	*559.200.000.000*
021.4	*c.*	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*88.750.000*	*88.750.000*
021.5	*d.*	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*1.445.000.000*	*6.099.000.000*
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	1.431.800.000	1.351.270.000
022.1	*a.*	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*1.431.800.000*	*1.351.270.000*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
026	3.	Tiền gửi của khách hàng	24	11.955.154.769	20.459.314.077
027	3.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077
031	4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	11.954.925.626	20.456.640.009
031.1	*4.1*	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*11.954.925.622*	*20.456.640.005*
031.2	*4.2*	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*4*	*4*

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		80.551.398.904	123.899.147.607
01.1		a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	44.916.823.917	67.579.333.625
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.b)	27.496.144.500	39.254.385.500
01.3		c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.c)	8.138.430.487	17.065.428.482
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.c)	6.924.250.959	1.145.463.019
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.c)	763.006.061	1.667.521.049
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	27.c)	-	1.659.903.972
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.579.290.145	4.907.383.657
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		750.000.000	1.113.809.479
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.329.360.741	899.058.174
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác		3.818.181	11.181.813
20		**Cộng doanh thu hoạt động**		**91.901.124.991**	**135.303.468.770**
	II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		28.188.672.873	102.434.214.903
21.1		a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	84.408.173	30.162.029.403
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.b)	28.104.264.700	72.272.185.500
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh		4.568.534.068	14.870.915.317
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.341.910.789	4.615.058.307
28	2.4	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.248.755.387	979.364.167
29	2.5	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		682.808.224	582.458.860
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.175.940.911	933.930.163
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác		23.532.674	52.383.187
40		**Cộng chi phí hoạt động**		**39.230.154.926**	**124.468.324.904**
	III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**28**		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		170.473.099	429.348.529
50		**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**170.473.099**	**429.348.529**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**	29		
52	4.1	Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
54	4.2	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.864.601	16.660.251
60		**Cộng chi phí tài chính**		**8.740.217**	**21.956.825**
62	**VI.**	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**30**	**11.295.644.904**	**9.708.657.710**
70	**VII.**	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**41.537.058.043**	**1.533.877.860**
	VIII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**			
71	8.1	Thu nhập khác	31	5.872.007.827	950
72	8.2	Chi phí khác	32	225.100.511	12.327.211
80		**Cộng kết quả hoạt động khác**		**5.646.907.316**	**(12.326.261)**
90	**IX.**	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**47.183.965.359**	**1.521.551.599**
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện		47.792.085.559	34.539.351.599
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(608.120.200)	(33.017.800.000)
100	**X.**	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**33**	**9.250.281.007**	**318.900.842**
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	9.250.281.007	4.421.535.811
100.2	10.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	-	(4.102.634.969)
200	**XI.**	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**37.933.684.352**	**1.202.650.757**
500	**XIII.**	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	35	1.505	48

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phạn Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp***		***47.183.965.359***	***1.521.551.599***
02	***2. Điều chỉnh cho các khoản***		***1.102.661.918***	***565.090.097***
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.264.394.800	972.481.801
04	- Các khoản dự phòng		7.864.601	16.660.251
06	- Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.473.099)	(429.348.529)
10	***3. Tăng các chi phí phi tiền tệ***		***28.104.264.700***	***72.272.185.500***
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		28.104.264.700	72.272.185.500
18	***4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ***		***(27.496.144.500)***	***(39.254.385.500)***
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(27.496.144.500)	(39.254.385.500)
30	***5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***(100.833.812.295)***	***(53.426.022.461)***
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		84.396.797.886	(59.764.901.605)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(79.000.000.000)	2.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		14.951.923.040	(2.681.904.179)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	41.352.844.488
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(29.264.924.461)	(13.914.505.050)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		945.304.601	(1.367.347.272)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(697.477.463)	136.977.199
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(35.190.569)	44.080.138
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(293.728.156)	(279.617.286)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(296.397.930)	239.599.594
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.334.585)	270.074.348
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.821.464.809)	(1.331.709.493)
44	- Lãi vay đã trả		(629.041)	(7.222.602)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(18.408.901.194)	(44.666.616.502)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.699.865.360)	(1.300.525.167)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		145.141.667	140.624.999
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(61.753.065.921)	27.704.125.929
60	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(51.939.064.818)***	***(18.321.580.765)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(438.886.500)	(1.243.523.500)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		170.473.099	429.348.529
70	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(268.413.401)***	***(814.174.971)***
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	2. Tiền vay gốc		5.900.000.000	7.700.000.000
73.2	2.1 Tiền vay khác		5.900.000.000	7.700.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
80	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		-	***(5.000.000.000)***
90	**IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm**		**(52.207.478.219)**	**(24.135.755.736)**
101	**V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**145.213.762.021**	**169.349.517.757**
101.1	- Tiền		66.213.762.021	160.349.517.757
101.2	- Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	9.000.000.000
103	**VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	4	**93.006.283.802**	**145.213.762.021**
103.1	- Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
103.2	- Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		435.152.284.560	1.397.934.657.860
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(342.451.586.610)	(1.033.420.543.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(100.776.344.439)	(373.720.500.637)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(428.512.819)	(512.936.021)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.093.020.992	2.573.096.267
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.093.020.992)	(2.573.096.267)
20	***Tăng/giảm tiền thuần trong năm***		**(8.504.159.308)**	**(9.719.321.798)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**20.459.314.077**	**30.178.635.875**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		20.459.314.077	30.178.635.875
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		20.459.314.077	30.178.635.875
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**	**24**	**11.955.154.769**	**20.459.314.077**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		11.955.154.769	20.459.314.077
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2022		Năm 2023			
		01/01/2022	01/01/2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2022	31/12/2023
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		30.420.348.568	31.622.999.325	1.202.650.757	-	37.933.684.352	-	31.622.999.325	69.556.683.677
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		14.010.044.023	44.127.859.811	30.117.815.788	-	38.541.804.552	-	44.127.859.811	82.669.664.363
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		16.410.304.545	(12.504.860.486)	(28.915.165.031)	-	(608.120.200)		(12.504.860.486)	(13.112.980.686)
TỔNG CỘNG		**282.420.348.568**	**283.622.999.325**	**1.202.650.757**	**-**	**37.933.684.352**	**-**	**283.622.999.325**	**321.556.683.677**

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 252.000.000.000 đồng; tương đương 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 30 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tương đối khởi sắc so với năm ngoái. Trong năm nay, Công ty ghi nhận chênh lệch lãi/lỗ về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL tăng 32,41 tỷ đồng; chênh lệch lãi/ lỗ về bán các tài sản tài chính FVTPL tăng 7,41 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí môi giới của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm ngoái do khối lượng trái phiếu giao dịch qua môi giới giảm dẫn đến chi phí hoạt động tự doanh giảm 69,28% so với cùng kỳ năm trước. Do đó lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

2.6 . Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: phản ánh số tiền hoặc giá trị tài sản mà các doanh nghiệp/công ty đem đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại các doanh nghiệp, hoặc các tổ chức khác trong các quan hệ kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

Các khoản tiền, tài sản đem cầm cố, thế chấp ký quỹ, ký cược phải được theo dõi chặt chẽ và kịp thời thu hồi khi hết thời hạn cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Trường hợp các khoản ký quỹ, ký cược Công ty được quyền nhận lại nhưng quá hạn thu hồi thì doanh nghiệp được trích lập dự phòng như đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.

Công ty theo dõi chi tiết các khoản cầm cố, thế chấp ký cược, ký quỹ theo từng loại, từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Khi lập Báo cáo tài chính, những khoản có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là tài sản ngắn hạn; Những khoản có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là tài sản dài hạn.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là:

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

2.20 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

2.21 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	**9.979.619**	**5.075.797.985.646**
- Trái phiếu	9.979.619	5.075.797.985.646
Của nhà đầu tư	**44.021.307**	**841.688.941.290**
- Cổ phiếu	44.021.307	841.688.941.290
	54.000.926	**5.917.486.926.936**

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	62.697.000	4.394.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	66.443.586.802	66.209.368.021
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	79.000.000.000
	93.006.283.802	**145.213.762.021**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,30%/năm đến 4,75%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	51.818.802.200	64.931.782.886	52.426.922.400
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	67.161.416.009	67.161.416.009	152.768.226.801	152.768.226.801
Trái phiếu niêm yết (**)	1.210.012.906	1.210.012.906	-	-
	133.303.211.801	**120.190.231.115**	**217.700.009.687**	**205.195.149.201**

(*) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2020 có giá gốc là 41.858.324.579 đồng có thời hạn là 04 năm kể từ ngày phát hành 15/08/2020 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,5%/năm;

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tonkin Land có giá gốc là 22.238.741.721 đồng, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành 06/05/2022 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,2%/năm;

- Trái phiếu TPNVLH2224006 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Địa ốc No Va có giá gốc là 3.064.349.709 đồng có thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15/03/2022 với lãi suất cố định là 10,50%/năm; Thời gian đáo hạn được gia hạn thêm 2 năm, đến ngày 15/3/2026. Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn sau khi điều chỉnh. Sau điều chỉnh thời gian đáo hạn, lãi suất cố định của lô trái phiếu là 11,5%/năm, toàn bộ tiền lãi trong thời gian điều chỉnh ngày đáo hạn sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

(**) Trái phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2021 có giá gốc là 1.210.012.906 đồng có thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15/09/2021 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 10,5%/năm;

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023

Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư do mã trái phiếu này chưa có giao dịch trên thị trường.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000
	22.629.704.000	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	89.000.000.000	10.000.000.000
	89.000.000.000	**10.000.000.000**

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,9% - 7,0%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	2.440.169.960	13.116.964.000
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.733.580.000	6.008.709.000
	4.173.749.960	**19.125.673.000**

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	**133.303.211.801**	**217.700.009.687**	**120.190.231.115**	**205.195.149.201**	**992.174.666**	-	**(14.105.155.352)**	**(12.504.860.486)**	**120.190.231.115**	**205.195.149.201**
Cổ phiếu niêm yết (*)	64.931.782.886	64.931.782.886	51.818.802.200	52.426.922.400	992.174.666	-	(14.105.155.352)	(12.504.860.486)	51.818.802.200	52.426.922.400
Trái phiếu niêm yết (**)	1.210.012.906	-	1.210.012.906	-	-	-	-	-	1.210.012.906	-
Trái phiếu chưa niêm yết (***)	67.161.416.009	152.768.226.801	67.161.416.009	152.768.226.801	-	-	-	-	67.161.416.009	152.768.226.801
AFS	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**	-	-	-	-	**22.629.704.000**	**22.629.704.000**
Cổ phiếu chưa niêm yết (***)	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	-	-	-	-	22.629.704.000	22.629.704.000
	155.932.915.801	**240.329.713.687**	**142.819.935.115**	**227.824.853.201**	**992.174.666**	-	**(14.105.155.352)**	**(12.504.860.486)**	**142.819.935.115**	**227.824.853.201**

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2023.

(*) "Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư do mã trái phiếu này chưa có giao dịch trên thị trường.

(***) "Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	43.179.429.511	13.914.505.050
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.260.131.932	3.097.664.752
Phải thu lãi hoạt động Margin	11.277.580	119.049.361
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	870.719.945	393.842.482
- *Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư*	*870.719.945*	*393.842.482*
Phải thu khác	198.562.446	163.371.877
- *Phải thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán*	*197.692.795*	*161.683.616*
- *Phải thu khác*	*869.651*	*1.688.261*
	46.520.121.414	**17.688.433.522**

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	929.855	25.223.400
Chi phí thuê văn phòng	200.614.518	194.356.245
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.268.375	54.804.314
	214.812.748	**274.383.959**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	84.861.996	116.880.041
Phí bản quyền phần mềm máy tính	62.391.499	2.694.452
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	43.891.170	-
Cước internet trọn gói	54.306.140	66.608.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.460.045	101.821.603
	348.910.850	**288.005.054**

8 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

b) Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	401.229.036	350.636.400
Đặt cọc thuê taxi	10.000.000	10.000.000
	411.229.036	**360.636.400**

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
	3.300.000.000	**3.300.000.000**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chuyển hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngọc xá lợi.

10 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	1.066.511.973	1.058.647.372
	1.066.511.973	**1.058.647.372**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty này.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	1.611.007.273	8.734.336.402	10.345.343.675
Mua trong năm	-	343.546.500	343.546.500
Tại ngày 31/12/2023	**1.611.007.273**	**9.077.882.902**	**10.688.890.175**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	1.194.830.429	5.731.738.984	6.926.569.413
Khấu hao trong năm	241.651.098	889.674.250	1.131.325.348
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	**1.436.481.527**	**6.621.413.234**	**8.057.894.761**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	416.176.844	3.002.597.418	3.418.774.262
Tại ngày 31/12/2023	**174.525.746**	**2.456.469.668**	**2.630.995.414**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.443.777.720 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Tại ngày 31/12/2023	**4.771.296.680**	**209.552.500**	**4.980.849.180**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	4.501.865.219	209.552.500	4.711.417.719
Khấu hao trong năm	133.069.452	-	133.069.452
Tại ngày 31/12/2023	**4.634.934.671**	**209.552.500**	**4.844.487.171**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	269.431.461	-	269.431.461
Tại ngày 31/12/2023	**136.362.009**	**-**	**136.362.009**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.760.849.180 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.155.994.895	2.074.542.991
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.738.677.033	1.576.993.417
Số dư cuối năm	**4.014.671.928**	**3.771.536.408**

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	17.938.319	
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	77.280.539	39.902.669
	95.218.858	**39.902.669**

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán SmartInvest	20.000.000.000	36.721.044.000
Phải trả các đối tượng khác	-	664.507.364
	20.000.000.000	**37.385.551.364**

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	20.000.000.000	37.326.581.044
Phải trả cho người bán khác	-	58.970.320
	20.000.000.000	**37.385.551.364**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.460.002
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.406.075.827	3.977.259.629
Thuế Thu nhập cá nhân	255.966.086	1.954.371.444
	3.662.041.913	**5.933.091.075**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

a) Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	246.575	-
Trích trước chi phí giao dịch	-	54.269.278
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	8.636.841	250.765.493
	8.883.416	**305.034.771**

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

a) Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	38.890.585.934	102.383.450.047
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.544.050.285	9.568.282
	40.434.636.219	**102.393.018.329**

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
		VND		VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02%	17.700.000.000	7,02%	17.700.000.000
Nguyễn Sơn	0,00%	-	33,47%	84.350.000.000
Quách Thị Nga	16,99%	42.800.000.000	16,99%	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	16,73%	42.150.000.000	16,73%	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79%	65.000.000.000	25,79%	65.000.000.000
Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	30,69%	77.350.000.000	0,00%	-
Huỳnh Nguyễn Tấn Bách	2,78%	7.000.000.000	0,00%	-
	100%	**252.000.000.000**	**100%**	**252.000.000.000**

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận chưa thực hiện	(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
	69.556.683.677	**31.622.999.325**

c) **Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	44.127.859.811	14.010.044.023
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(608.120.200)	(28.915.165.031)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	38.541.804.552	30.117.815.788
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	**82.669.664.363**	**44.127.859.811**

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.964.390.000	28.964.390.000
	28.964.390.000	**28.964.390.000**

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	95.615.030.000	179.712.530.000
	95.615.030.000	**179.712.530.000**

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.164.107.020.000	749.577.320.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	559.200.000.000	559.200.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	88.750.000	88.750.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.445.000.000	6.099.000.000
	2.724.840.770.000	**1.314.965.070.000**

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.431.800.000	1.351.270.000
	1.431.800.000	**1.351.270.000**

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1. Nhà đầu tư trong nước	11.955.154.765	20.459.314.073
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	11.955.154.769	**20.459.314.077**

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1.1. Nhà đầu tư trong nước	11.954.925.622	20.456.640.005
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	11.954.925.626	**20.456.640.009**

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	**2.451.447.540**	**13.236.013.361**
1.1 Phải trả gốc margin	2.440.169.960	13.116.964.000
Nhà đầu tư trong nước	*2.440.169.960*	*13.116.964.000*
1.2 Phải trả lãi margin	11.277.580	119.049.361
Nhà đầu tư trong nước	*11.277.580*	*119.049.361*
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	**1.733.580.000**	**6.008.709.000**
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.733.580.000	6.008.709.000
Nhà đầu tư trong nước	*1.733.580.000*	*6.008.709.000*
	4.185.027.540	**19.244.722.361**

27 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	5.370.790	2.602.513.599.638	2.557.681.183.894	44.916.823.917	84.408.173	67.579.333.625	30.162.029.403
		2.602.513.599.638	**2.557.681.183.894**	**44.916.823.917**	**84.408.173**	**67.579.333.625**	**30.162.029.403**

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2023		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	**64.931.782.886**	**51.818.802.200**	**992.174.666**	**(14.105.155.352)**	**-**	**(12.504.860.486)**	**27.496.144.500**	**28.104.264.700**
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	51.818.802.200	992.174.666	(14.105.155.352)	-	(12.504.860.486)	27.496.144.500	28.104.264.700
	64.931.782.886	**51.818.802.200**	**992.174.666**	**(14.105.155.352)**	**-**	**(12.504.860.486)**	**27.496.144.500**	**28.104.264.700**

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	8.138.430.487	17.065.428.482
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6.924.250.959	1.145.463.019
Từ các khoản cho vay	763.006.061	1.667.521.049
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	1.659.903.972
	15.825.687.507	**21.538.316.522**

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	170.473.099	429.348.529
	170.473.099	**429.348.529**

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	875.616	5.296.574
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.864.601	16.660.251
	8.740.217	**21.956.825**

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	7.180.105.057	5.535.749.966
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	331.068.000	259.760.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.154.676	109.189.525
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	187.550.724	192.677.337
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	9.325.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.903.767.772	2.816.552.590
Chi phí khác	603.998.675	785.403.292
	11.295.644.904	**9.708.657.710**

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	5.872.005.575	-
Các khoản khác	2.252	950
	5.872.007.827	**950**

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	225.015.253	-
Các khoản khác	85.258	12.327.211
	225.100.511	**12.327.211**

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

33.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.183.965.359	1.521.551.599
Các khoản điều chỉnh tăng	46.184.982	20.585.664.067
- *Chi phí không hợp lệ*	*46.184.982*	*72.489.221*
- *Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC*	-	*20.513.174.846*
Các khoản điều chỉnh giảm	(992.246.266)	(40.500)
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(71.600)*	*(40.500)*
- *Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC*	*(992.174.666)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.237.904.075	22.107.175.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**9.247.580.815**	**4.421.435.033**
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	2.700.192	100.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.977.259.629	887.433.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.821.464.809)	(1.331.709.493)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	**3.406.075.827**	**3.977.259.629**

34.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	4.102.634.969
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	-	-

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	-	**(4.102.634.969)**

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	37.933.684.352	1.202.650.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.933.684.352	1.202.650.757
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	25.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.505**	**48**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	120.190.231.115	-	-	120.190.231.115
	120.190.231.115	**-**	**-**	**120.190.231.115**
Tại ngày 01/01/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	205.195.149.201	-	-	205.195.149.201
	205.195.149.201	**-**	**-**	**205.195.149.201**

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.943.586.802	-	-	92.943.586.802
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.000.000.000	-	-	89.000.000.000
Các khoản cho vay	4.173.749.960	-	-	4.173.749.960
Các khoản phải thu	46.520.121.414	-	-	46.520.121.414
	232.637.458.176	-	-	**232.637.458.176**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.209.368.021	-	-	145.209.368.021
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	19.125.673.000	-	-	19.125.673.000
Các khoản phải thu	17.688.433.522	-	-	17.688.433.522
	192.023.474.543	-	-	**192.023.474.543**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	60.529.855.077	-	-	60.529.855.077
Chi phí phải trả	8.883.416	-	-	8.883.416
	60.538.738.493	-	-	**60.538.738.493**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	139.818.472.362	-	-	139.818.472.362
Chi phí phải trả	305.034.771	-	-	305.034.771
	140.123.507.133	-	-	**140.123.507.133**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu hoạt động	2.908.650.886	80.551.398.904	8.441.075.201	91.901.124.991
Chi phí hoạt động	4.517.851.700	32.757.206.941	1.955.096.285	39.230.154.926
Doanh thu không phân bổ				170.473.099
Chi phí không phân bổ				11.304.385.121
Kết quả hoạt động	**(1.609.200.814)**	**47.794.191.963**	**6.485.978.916**	**41.537.058.043**

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.885.391.873	142.819.935.115	138.823.151.429	286.528.478.417
Tài sản không phân bổ				100.203.835.666
Tổng tài sản	**4.885.391.873**	**142.819.935.115**	**138.823.151.429**	**386.732.314.083**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	95.218.858	20.095.218.858
Nợ phải trả không phân bổ				45.080.411.548
Tổng nợ phải trả	**-**	**20.000.000.000**	**95.218.858**	**65.175.630.406**

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc *(Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2022 và năm 2023)*	1.739.000.000	1.738.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

NAVIBANK
Securities

ĐỔI MỚI BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TẦM NHÌN

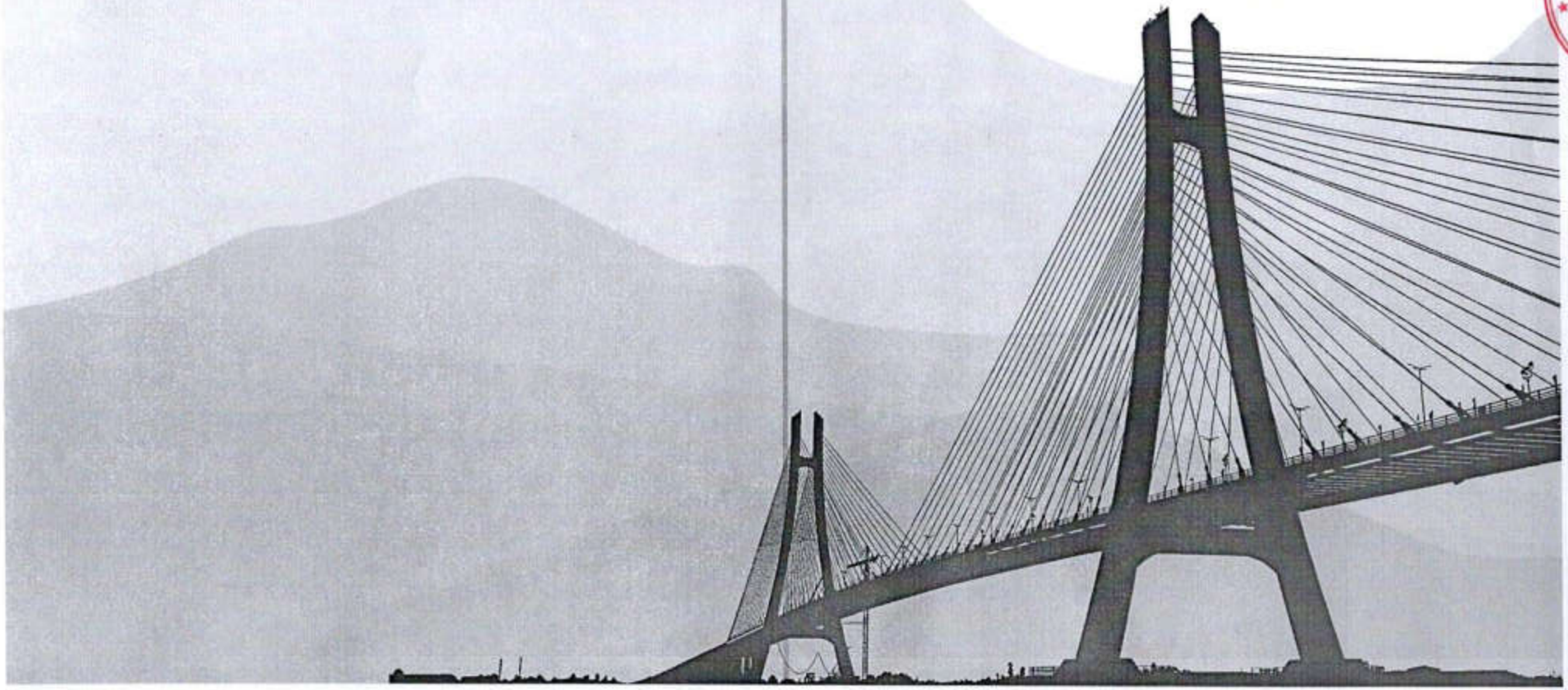

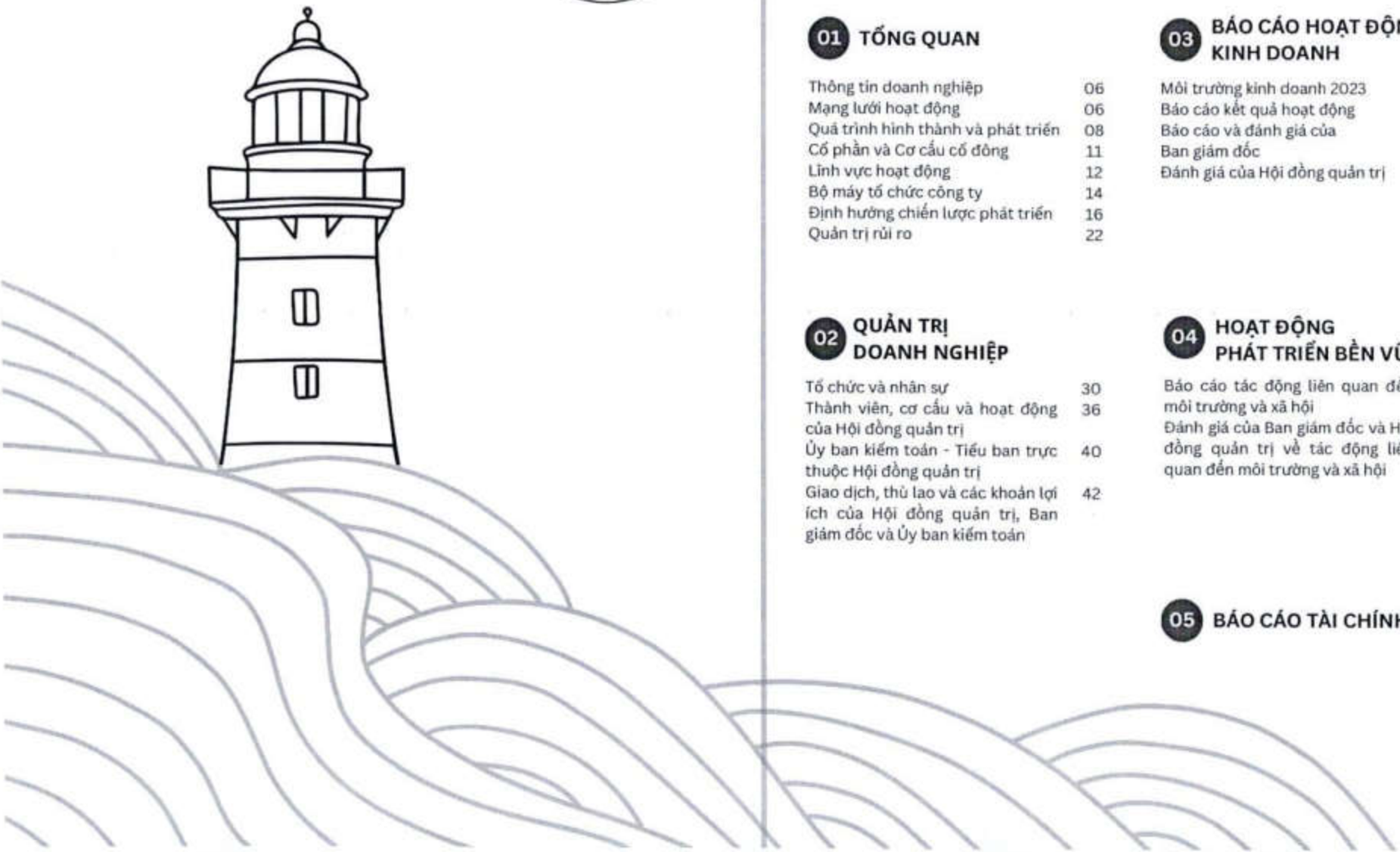

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN

Thông tin doanh nghiệp 06
Mạng lưới hoạt động 06
Quá trình hình thành và phát triển 08
Cổ phần và Cơ cấu cổ đông 11
Lĩnh vực hoạt động 12
Bộ máy tổ chức công ty 14
Định hướng chiến lược phát triển 16
Quản trị rủi ro 22

02 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổ chức và nhân sự 30
Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị 36
Ủy ban kiểm toán - Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị 40
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán 42

03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Môi trường kinh doanh 2023 46
Báo cáo kết quả hoạt động 60
Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc 66
Đánh giá của Hội đồng quản trị 70

04 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội 76
Đánh giá của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị về tác động liên quan đến môi trường và xã hội 78

05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 80

CHƯƠNG 01. **TỔNG QUAN**

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ:
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Website:
www.nvs.vn

Điện thoại:
(+8424) 3724 5999

Fax:
(+8424) 3724 5775

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Mạng lưới hoạt động kinh doanh của NVS trải rộng khắp cả nước, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, và Đà Nẵng

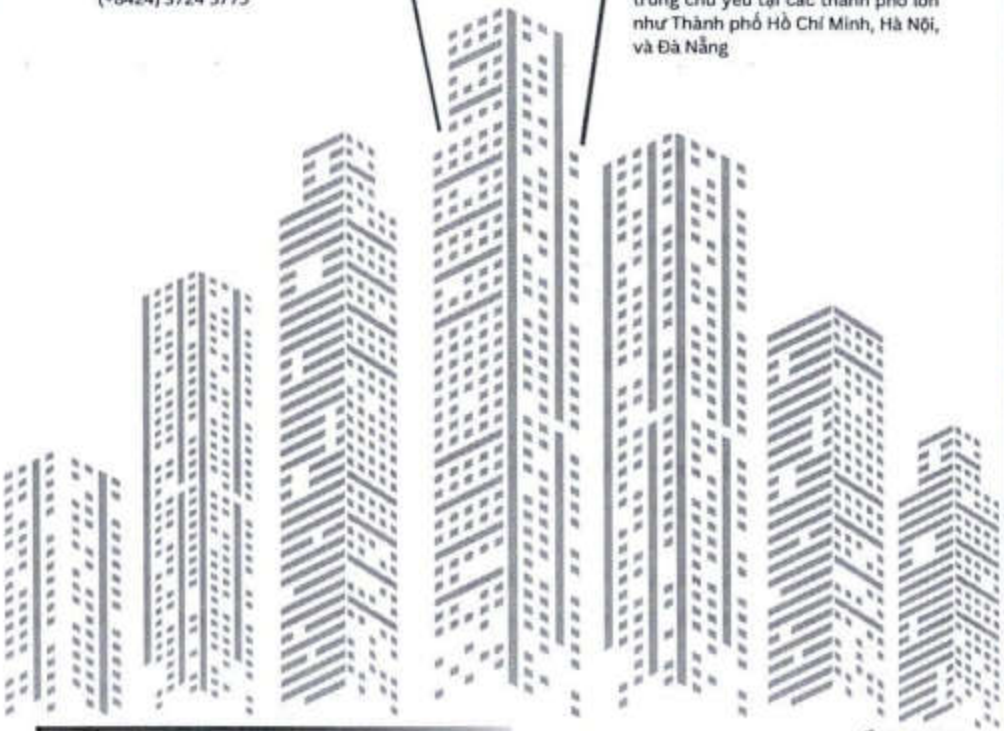

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ("NVS") được thành lập vào năm 2008. Trải qua hơn một thập kỷ hình thành và phát triển, NVS đã chứng minh được năng lực và thế mạnh, sự ổn định và uy tín cao trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam nhiều biến động.

NVS luôn là một trong các công ty chứng khoán có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định ngay cả trong điều kiện khủng hoảng kinh tế. Cho đến nay, NVS đã xây dựng được một nền tảng thông tin và tri thức đầu tư, công cụ hỗ trợ, dịch vụ chuyên biệt và danh mục sản phẩm đầu tư đa dạng cùng với đội ngũ chuyên viên tư vấn có kinh nghiệm nhằm mang đến cho khách hàng các sản phẩm – dịch vụ ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tên tiếng Anh	**NAVIBANK SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt	**NVS**
Người đại diện theo pháp luật	ÔNG **PHAN ANH TUẤN** CTHĐQT kiêm Tổng giám đốc
Giấy phép thành lập và hoạt động	**Số 93/UBCK-GPHĐKD** do UBCKNN cấp ngày **16/05/2008**
Vốn điều lệ *(tại ngày 31/12/2023)*	**252.000.000.000** đồng
Vốn chủ sở hữu *(tại ngày 31/12/2023)*	**321.556.683.677** đồng
Tổng số nhân viên *(tại ngày 31/12/2023)*	**29** nhân viên trong đó **14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

16 tháng 05: NVS được thành lập, đặt trụ sở chính tại Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội và hoạt động với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán.
Vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng.

06 tháng 06: NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

13 tháng 08: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

16 tháng 10: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

05 tháng 07: Công ty được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

16 tháng 11: Công ty chuyển trụ sở chính về địa chỉ Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội. Đây cũng chính là trụ sở chính của NVS cho đến thời điểm hiện tại.

2010

11 tháng 01: Công ty Cổ phần Chứng khoán E- Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

19 tháng 05: NVS nhận được Quyết định của Ủy ban chứng khoán về việc điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.

2011

14 tháng 05: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

2015

13 tháng 10: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 252 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2021

16 tháng 10: NVS được chấp thuận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2022

CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 31/12/2024:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	25.200.000 CỔ PHẦN
SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	25.200.000 CỔ PHẦN
Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	25.200.000 CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024:

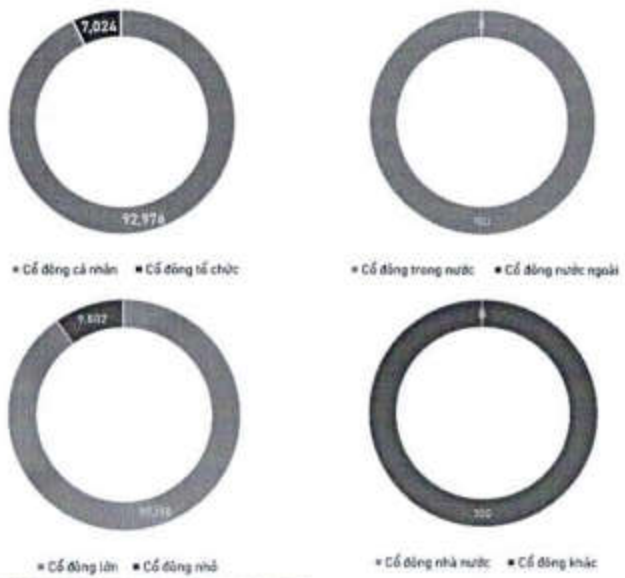

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.

LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỔ PHẦN

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ đồng)	Ghi chú
01	16/05/2008	42	0	Vốn điều lệ ban đầu
02	27/04/2009	35,1	- 6,9	Chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu
03	19/05/2011	161	125,9	Chào bán riêng lẻ
04	14/05/2015	187	26	Chào bán riêng lẻ
05	13/10/2021	252	65	Chào bán riêng lẻ

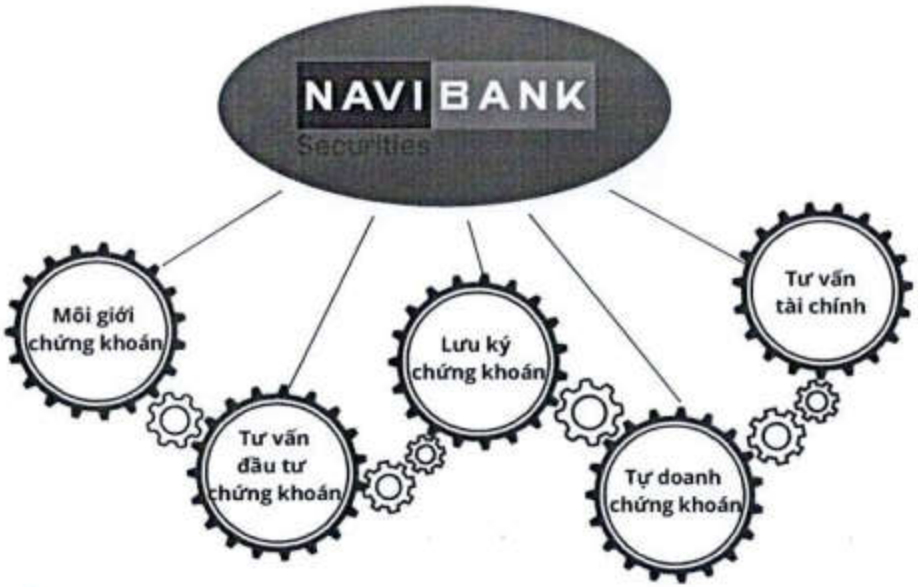

Giá trị cốt lõi

- An toàn
- Năng động
- Sáng tạo
- Hiệu quả
- Chuyên nghiệp

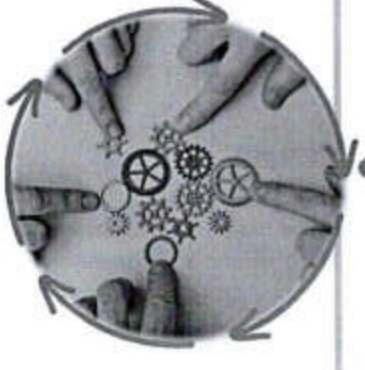

Tầm nhìn

Trong vòng 05 năm tới, NVS đặt mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam cả về quy mô và chất lượng dịch vụ với mong muốn cung cấp cho khách hàng, đối tác và cộng đồng những cơ hội đầu tư với lợi nhuận tốt, đồng thời đóng góp một phần quan trọng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tầm nhìn - Sứ mệnh
Giá trị cốt lõi

Sứ mệnh

NVS hoạt động với sứ mệnh phát triển an toàn, bền vững, cung cấp tới khách hàng các dịch vụ chuyên nghiệp và cơ hội đầu tư tiềm năng trên thị trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;
- TỔNG GIÁM ĐỐC.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

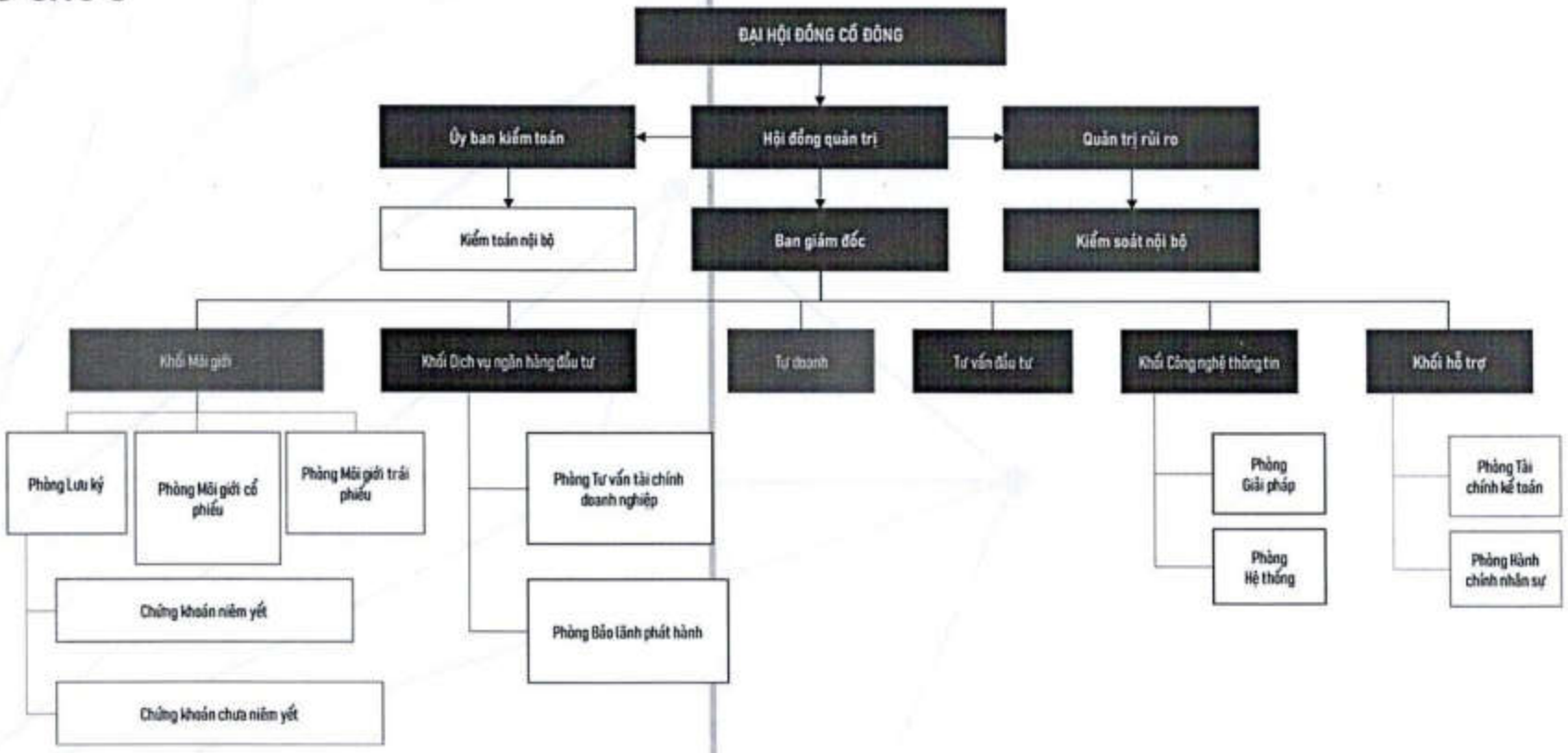

Trong hành trình 15 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank luôn gắn mục tiêu tăng trưởng của Công ty cùng với sự tin cậy, an tâm, lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư và trách nhiệm trọn vẹn với xã hội.

Để hiện thực hóa những mục tiêu kinh doanh đã đề ra, Hội đồng quản trị Công ty luôn cập nhật kịp thời những thay đổi của thị trường nhằm đưa ra được những phương án chỉ đạo, vận hành phù hợp nhất với Công ty trong từng thời kỳ biến động của nền kinh tế. Bên cạnh đó, NVS cũng thường xuyên rà soát các quy trình quản trị, vận hành và hệ thống công nghệ thông tin của Công ty, tích cực triển khai các cuộc đối thoại, tập huấn để cùng trao đổi và thực hiện các phương án phát triển theo định hướng của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo thực hiện các hiệu quả những kế hoạch và đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời, phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty

Duy trì và ổn định hệ thống

Kinh tế Việt Nam ổn định hơn và dần hồi phục trong năm 2023 sau khi trải qua nhiều khó khăn trong năm 2022 chủ yếu do biến động lớn trên thị trường tiền tệ và khủng hoảng trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Trong nửa đầu năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã mua vào khoảng 6 tỷ USD và vì vậy đã bơm một lượng lớn tiền Đồng vào nền kinh tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã cắt giảm lãi suất điều hành trong 4 lần liên tiếp để đưa lãi suất điều hành về mức gần như thấp nhất trong nhiều năm qua nhằm hỗ trợ tăng trưởng.

Với các yếu tố này, các ngân hàng thương mại đã dần điều chỉnh giảm lãi suất huy động và sau đó là lãi suất cho vay. Vào thời điểm cuối năm 2023, lãi suất huy động của các ngân hàng lớn đang ở mức thấp nhất trong nhiều năm. Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định 08/2023 sửa đổi Nghị định 65/2022 cho phép tổ chức phát hành trái phiếu thỏa thuận với trái chủ về việc kéo dài kỳ hạn trái phiếu và từ đó giúp giảm áp lực trả gốc trái phiếu cho các doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền và ổn định tâm lý nhà đầu tư. Chính sách đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ, sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch và mức tăng trưởng tốt của vốn đầu tư FDI là các động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng khác trong năm vừa qua.

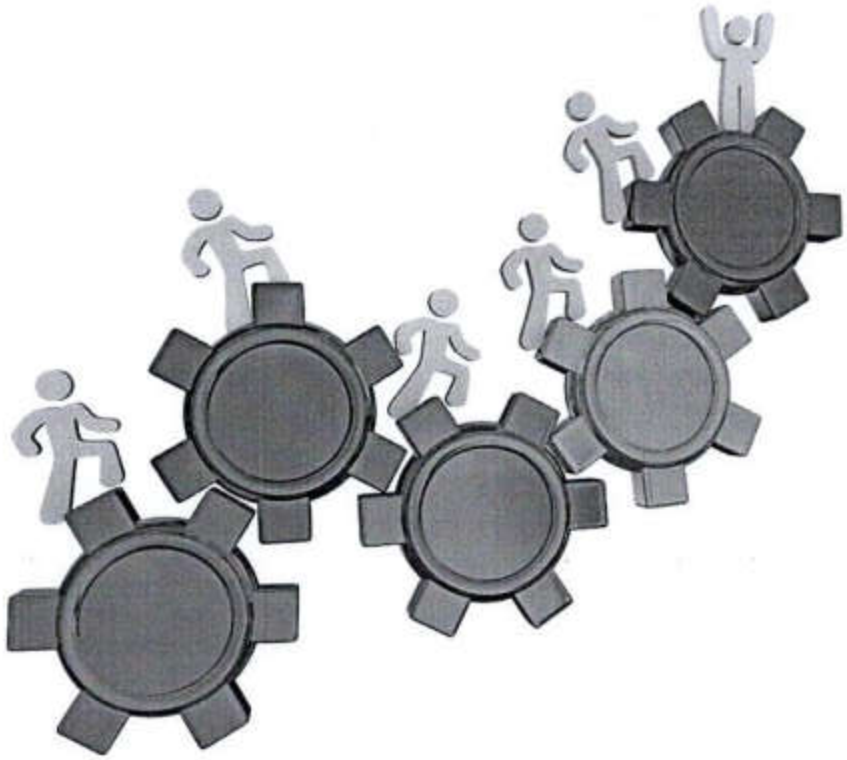

Trước những thay đổi tích cực của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính hiện nay, NVS đặt ra mục tiêu đẩy mạnh sự phát triển Công ty thông qua việc thay đổi chính sách và nâng cấp hạ tầng song hành với nhiệm vụ duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, NVS luôn cố gắng đảm bảo các chính sách đãi ngộ tốt nhất cho nhân viên của Công ty.

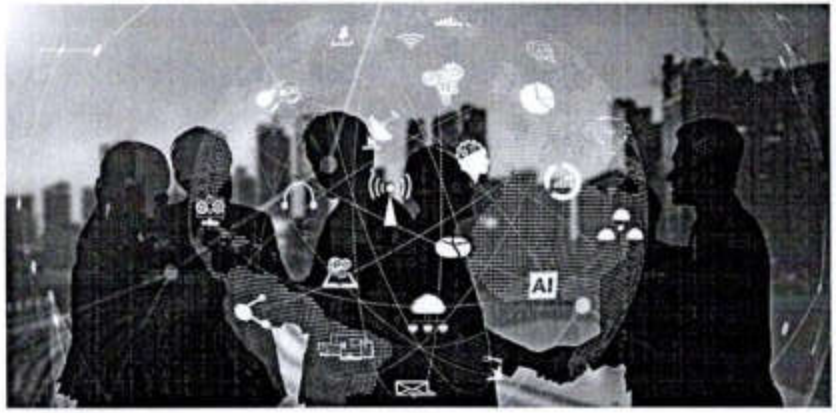

Quan hệ nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu, ... tiếp tục đóng vai trò là cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và Quý cổ đông. Năm 2023, NVS đã thực hiện nhiều lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Công ty hướng đến tiếp tục gặp gỡ và thảo luận với các bên liên quan thông qua các các cuộc đàm phán nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.

Tăng trưởng kinh tế

Trong năm qua, ngoài tiến hành cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, Công ty đã tập trung nguồn lực để phát triển các dịch vụ thuộc khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư và ổn định kinh doanh chứng khoán.

Năm 2023, hoạt động Môi giới và Tự doanh vẫn hướng tới duy trì ổn định, tập trung vào các khách hàng truyền thống với mục tiêu đặt ra là nâng cao chất lượng dịch vụ; kinh doanh an toàn, hiệu quả. Hoạt động khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp sau hai năm đi vào vận hành đã đạt được thành công nhất định và được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty, hứa hẹn đây sẽ là hoạt động trọng điểm của Công ty trong những năm sắp tới.

Bên cạnh đó, năm 2023 cũng là năm NVS bắt đầu đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng và cải tiến hệ thống Công nghệ thông tin với mục tiêu phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến để theo kịp xu thế chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán hiện nay.

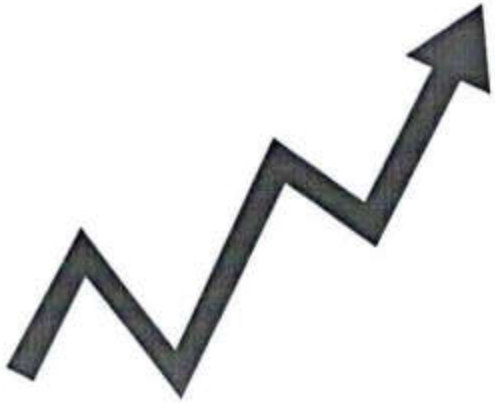

Quản trị rủi ro

Là một công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank luôn chú trọng và đảm bảo thực hiện hoạt động quản trị rủi ro một cách liên tục và thường xuyên. NVS thực hiện Quản trị rủi ro thông qua việc nhận dạng, phân tích, đo lường, đánh giá rủi ro, để từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, nhằm hiện thực hóa mục tiêu bảo đảm môi trường giao dịch và vận hành an toàn của nhà đầu tư với mức chi phí hợp lý và thu được lợi nhuận từ hoạt động này, để hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định.

Phòng Quản trị rủi ro NVS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với đặc thù biến động liên tục của thị trường chứng khoán. Bên cạnh việc liên tục cập nhật và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro của Công ty, NVS còn thường xuyên thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ nhân viên kinh doanh nói riêng và toàn thể Công ty nói chung để hạn chế tối thiểu rủi ro phát sinh.

Nhân sự

Con người là tài nguyên, là động lực phát triển và là nền tảng quan trọng cho mọi thành công mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank có được trong suốt quá trình 15 năm hình thành và phát triển. Do đó, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để NVS thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 29 người với 14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề (tăng 7,7% so với năm 2022). Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%).

Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

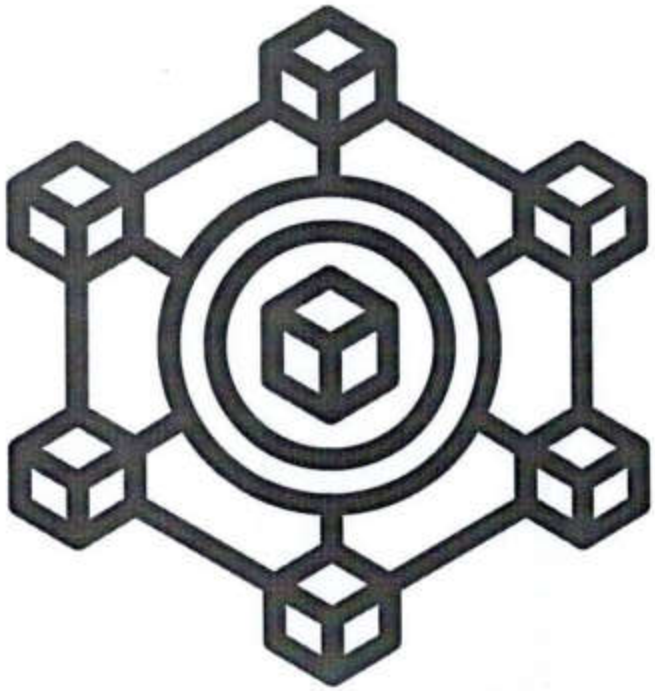

Rủi ro thị trường

Năm 2023, thị trường chứng khoán có nhiều biến đổi bất thường và nhanh chóng. Nửa đầu năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp. Sang quý 3/2023, chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ. Ngày 12/9/2023, chỉ số VN-Index đã đạt mức cao nhất kể từ đầu năm, đóng cửa ở mức 1.245,44 điểm, tăng 24% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên, vào cuối tháng 9, thị trường đã chịu áp lực điều chỉnh giảm nhưng đã dần ổn định trong thời gian gần đây. Tính đến ngày 30/11, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 8,6% so với cuối năm 2022. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 226,15 điểm, tăng 10,2 so với cuối năm 2022.

Không nằm ngoài tình hình biến động chung, các dịch vụ kinh doanh của NVS cũng chịu ảnh hưởng của rủi ro thị trường, đặc biệt là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Nhằm hạn chế đến mức tối thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã đặt ra các biện pháp nhằm quản trị rủi ro như:

- Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường, mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, rủi ro liên quan trước khi được Ban Giám đốc thông qua.

- Phát triển đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp và hiệu quả với hoạt động kinh doanh Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và hoạt động đầu tư trái phiếu, cụ thể như sau:

	Hoạt động cho vay GDKQ	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	Hoạt động đầu tư trái phiếu
Rủi ro	Khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo.	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với Công ty khi đến hạn.	Rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản.
Phương hướng	- Tuân thủ chặt chẽ Quy trình Quản trị rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ; - Xây dựng hệ thống hạn mức chặt chẽ, liên tục kiểm soát, nhận diện các mức cảnh báo để kịp thời xử lý.	Xem xét thận trọng về xếp hạng tín nhiệm của các Tổ chức tín dụng mà Công ty thực hiện hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi.	- Thực hiện chặt chẽ các bước thẩm định, đánh giá Doanh nghiệp, thẩm định trái phiếu trước khi đầu tư; - Chỉ thực hiện đầu tư khi trái phiếu đã được đánh giá chi tiết các khía cạnh, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đề xuất đầu tư.

Rủi ro công nghệ

Với mục tiêu đẩy mạnh công tác giám sát và xử lý kịp thời các phát sinh liên quan đến Công nghệ thông tin trong thời đại 4.0, năm 2023 NVS có các hành động cụ thể để nâng cao nhận thức, cách thức nhận diện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn Công nghệ thông tin đến toàn thể nhân viên trong công ty, xác định những tác động ảnh hưởng đến kinh doanh để xây dựng một loạt các giải pháp đầu tư nguồn lực con người, đầu tư quy trình, đầu tư các phần mềm, thiết bị hỗ trợ lưu trữ, bảo mật dữ liệu, nâng cấp công nghệ áp dụng quản lý dữ liệu, quản trị hệ thống giao dịch trực tuyến kết nối đến các sàn giao dịch.

Ngoài ra, NVS cũng xây dựng hệ thống kịch bản xử lý rủi ro hoạt động nói chung, rủi ro Công nghệ thông tin nói riêng và thường xuyên đánh giá lại khả năng quản lý hiệu quả các chỉ tiêu đo lường rủi ro Công nghệ thông tin, thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình quản lý rủi ro Công nghệ thông tin so với giai đoạn trước đó.

Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được cấp lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế, cụ thể:

- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động;
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý;
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty;
- Tăng cường hơn nữa sự kết nối, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các bộ phận của Công ty để đảm bảo sự năng suất, hiệu quả, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ nội dung những hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót trong các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn của các quy trình vận hành của Công ty, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế những rủi ro pháp lý phát sinh như:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan;
- Xây dựng thư viện văn bản pháp luật của Công ty, với việc cập nhật thường xuyên các quy định mới của pháp luật, các quy trình, quy chế của Ủy ban Chứng khoán, các Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan quản lý khác để toàn bộ nhân viên có căn cứ tuân thủ và thực hiện các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
- Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện;
- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng,... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ bộ phận pháp chế.

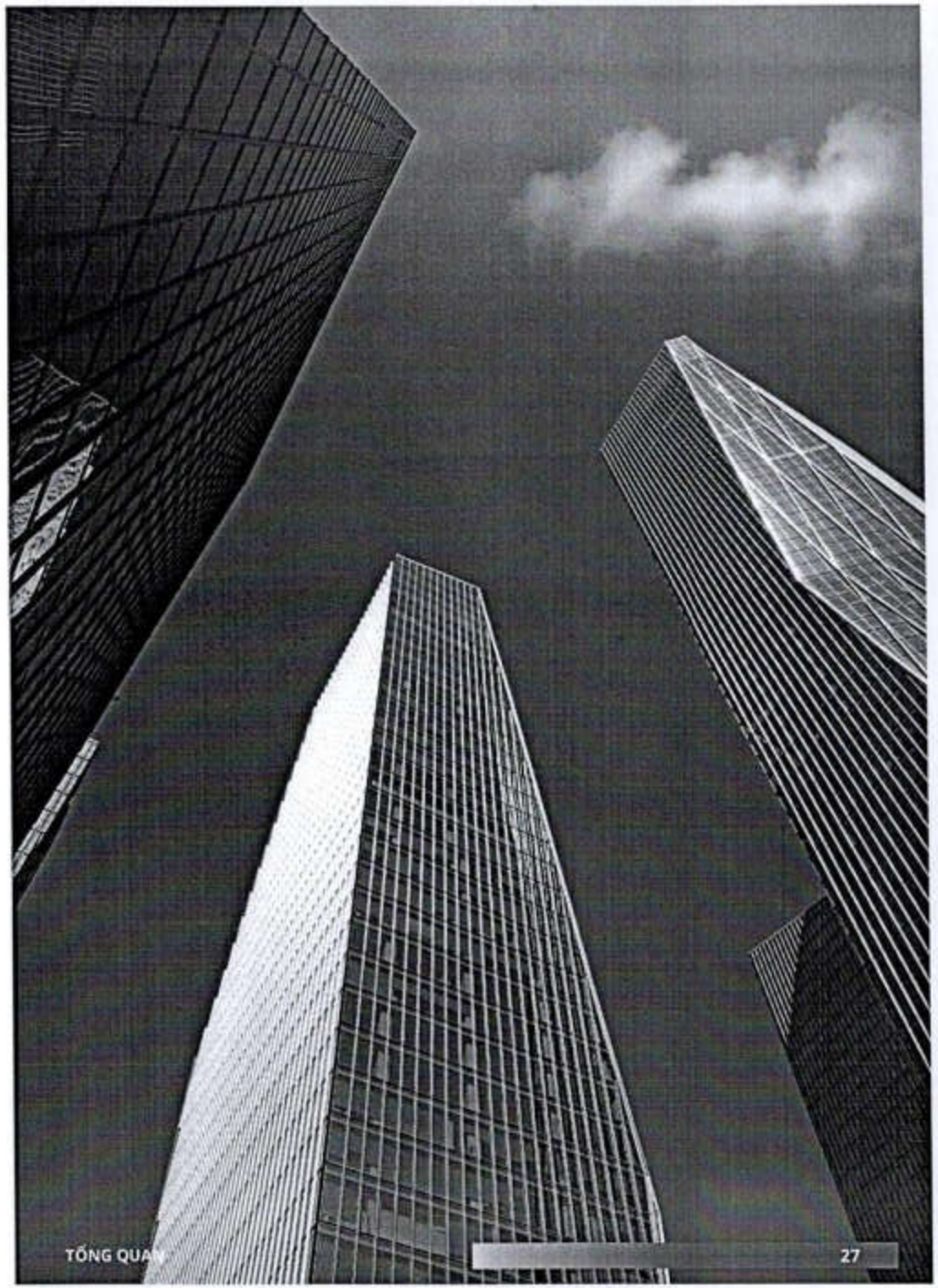

CHƯƠNG 02. **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

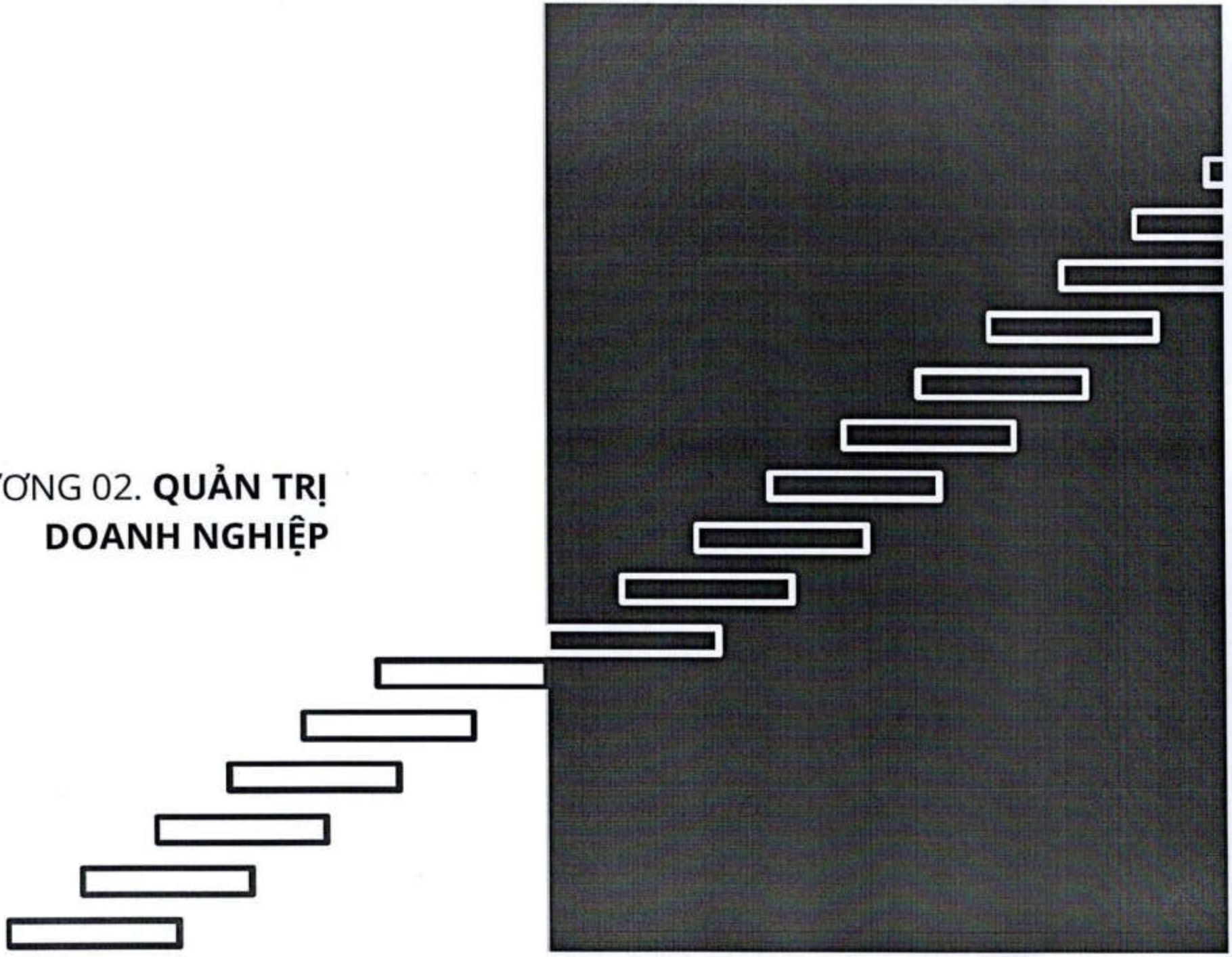

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN ANH TUẤN

Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
Chuyên môn Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

ÔNG NGÔ VĂN DOANH

Giám đốc Khối Môi giới
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

BÀ MAI THỊ HỒNG

Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

ÔNG LÊ XUÂN TRƯỜNG

Giám đốc Khối Công nghệ thông tin
Chuyên môn Cử nhân Công nghệ thông tin

BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng
Chuyên môn Cử nhân Tài chính kế toán

BÀ PHAN MAI QUỲNH TRANG

Trưởng phòng Hành chính nhân sự
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

ÔNG NGÔ ĐỨC THẾ

Trưởng phòng Tư vấn đầu tư
Chuyên môn Cử nhân Kinh tế đầu tư

BÀ NGUYỄN ÁNH QUYÊN

Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ
Chuyên môn Cử nhân Tài chính

BÀ ĐỖ LÊ HẰNG

Trưởng phòng Quản trị rủi ro
Chuyên môn Cử nhân Kinh tế

- Danh sách ban điều hành cập nhật tại ngày 31/12/2023
- Hiện nay, Ban điều hành Công ty đều có tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0%

Nhân sự

Con người là tài nguyên, là động lực phát triển và là nền tảng quan trọng cho mọi thành công mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank có được trong suốt quá trình 15 năm hình thành và phát triển. Do đó, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để NVS thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 29 người với 14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề (tăng 7,7% so với năm 2022). Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%). Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

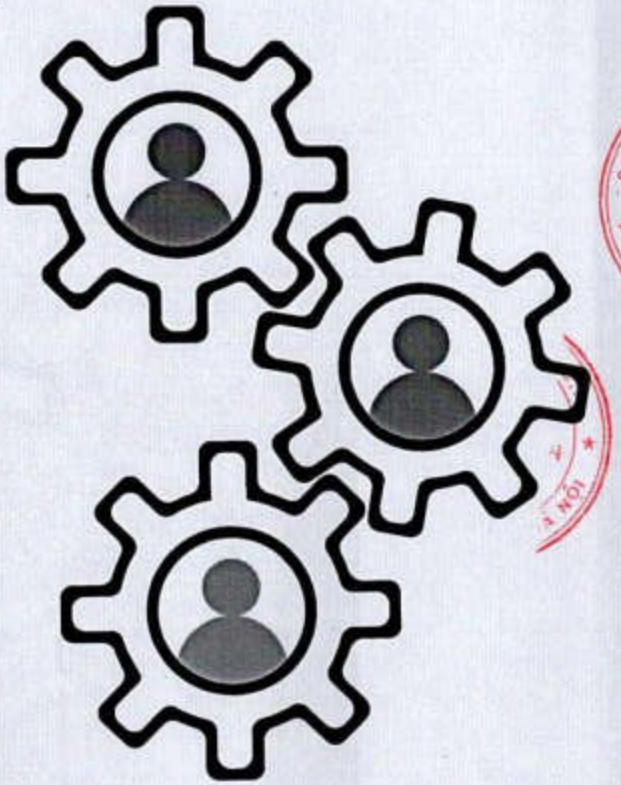

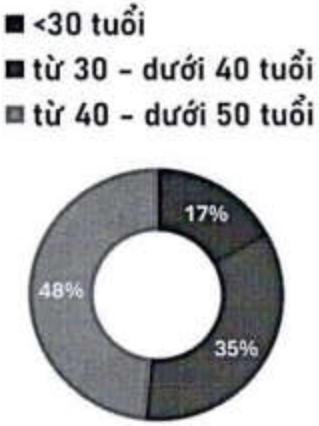

Cơ cấu nhân sự phân bổ theo độ tuổi

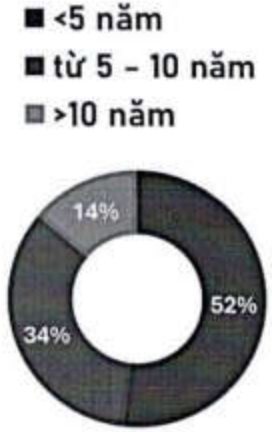

Cơ cấu nhân sự phân bổ theo thâm niên làm việc

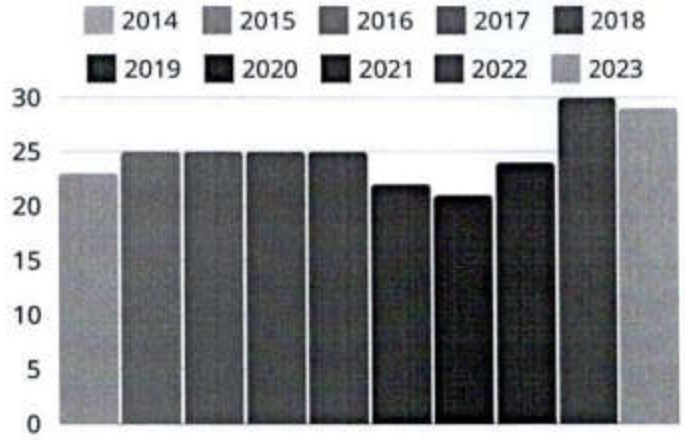

Thay đổi số lượng nhân viên qua các năm

	Số lượng nhân sự	% nhân sự mỗi bộ phận/Tổng nhân sự	Số lượng nhân sự có chứng chỉ hành nghề	% nhân sự có chứng chỉ hành nghề/Mỗi bộ phận
Ban Giám đốc	1	3%	1	100%
Bộ phận môi giới	3	10%	3	100%
Bộ phận tự doanh	3	10%	3	100%
Bộ phận bảo lãnh phát hành	3	10%	3	100%
Bộ phận tư vấn đầu tư	3	10%	3	100%
Bộ phận khác	16	55%	01	6%
Tổng số	**29**	**100%**	**14**	**48%**

Cơ cấu nhân sự phân bổ theo bộ phận

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Năm 2023, Hội đồng quản trị của NVS gồm 04 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị hiện tại được đánh giá giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

ÔNG **PHAN ANH TUẤN**

Chủ tịch HĐQT

Ông Phan Anh Tuấn là Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, bắt đầu tiếp quản vị trí Chủ tịch hội đồng quản trị và đồng hành cùng NVS từ năm 2014.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%
Tỷ lệ: 0%

ÔNG **LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH**

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh là Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh hiện đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của NVS

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%
Tỷ lệ: 0%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông
(**) Tỷ lệ được tính trên 25.200.000 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2023

ÔNG **LÊ CHÍ PHÚC**

Thành viên HĐQT

Ông Lê Chí Phúc là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế, có 15 năm kinh nghiệm tham gia thị trường chứng khoán, hiện là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%
Tỷ lệ: 0%

ÔNG **NGUYỄN SƠN**

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Sơn là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế.
Ông Nguyễn Sơn đã không may từ trần vào ngày 26/08/2023.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%
Tỷ lệ: 0%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị NVS. Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của NVS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của NVS.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị NVS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập.

Chi tiết về các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2023/NVS/NQ -HĐQT	15/03/2023	- Thông qua Báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty. - Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định về việc khen thưởng cho cán bộ, nhân viên Công ty có đóng góp vào kết quả hoạt động năm 2022. - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. - Thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào tháng 4/2023. Chủ tịch HĐQT cùng Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện lên các nội dung và phương án cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
02	02/2023/NVS/ NQ-HĐQT	05/04/2023	- Thông qua các nội dung họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2023. - Thông qua chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2023. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phân công triển khai thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
03	03/2023/NVS/ NQ-HĐQT	28/09/2023	- Thông qua Quy chế hoạt động Ban Giám đốc của Công ty sửa đổi bổ sung. - Thông qua Báo cáo hoàn thành đăng ký bổ sung Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị. - Thông qua đề xuất nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật của Công ty. Hội đồng quản trị thống nhất phân quyền cho Tổng Giám đốc dựa trên tình hình thực tế hoạt động của Công ty, lựa chọn giải pháp nâng cấp phù hợp với Công ty dựa trên Tờ trình về Lựa chọn giải pháp nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật đã trình và được đính kèm theo Nghị quyết này.	100%
04	04/2023/NVS/ NQ-HĐQT	27/12/2023	- Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2023 của Tổng Giám đốc (Báo cáo kèm theo Nghị quyết). - Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc chi trả lương tháng 13 và tặng quà Tết Nguyên Đán cho toàn bộ cán bộ nhân viên, đồng thời khen thưởng cho các cá nhân có đóng góp nổi bật vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định về việc chi trả lương tháng 13 và tặng quà Tết Nguyên Đán cho toàn bộ cán bộ nhân viên, đồng thời khen thưởng cho các cá nhân có đóng góp nổi bật vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị vào quý tiếp theo. - Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chính sách quản trị rủi ro năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Chính sách này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank xem xét, quyết định.	100%

ỦY BAN KIỂM TOÁN - THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC HĐQT

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán:

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Ngày 28/06/2021 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2021 của Công ty	Cử nhân
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Ngày 28/06/2021 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2021 của Công ty	Cử nhân

Cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2022 và sự tham gia của các thành viên

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	2	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	1	50%	100%

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán 2023:

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2023 có 01 giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, chuyển giao 8.435.000 cổ phần tương đương 33,472% vốn điều lệ của Công ty cho ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân và được ghi nhận vào ngày 30/08/2023.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trirủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.

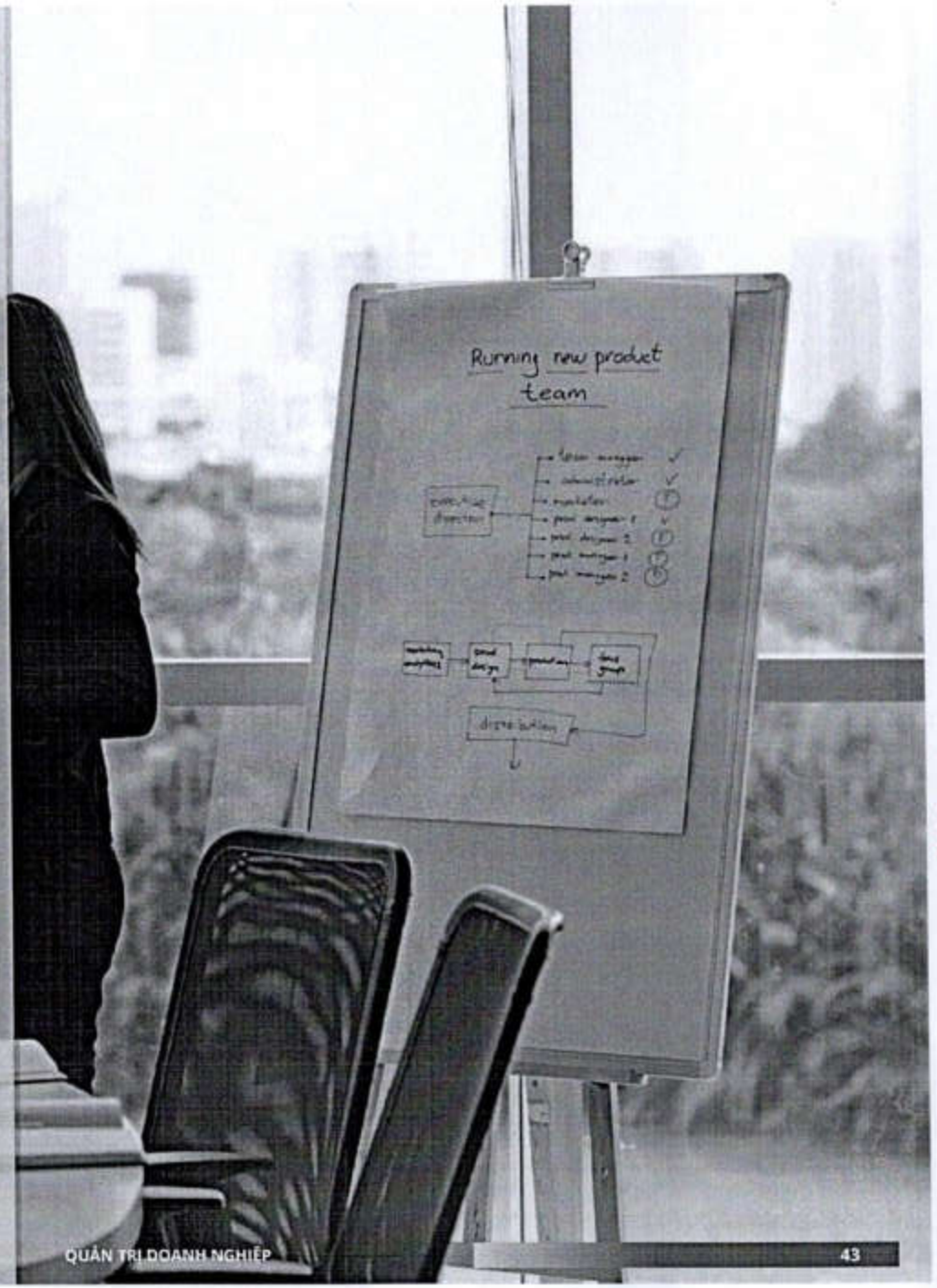

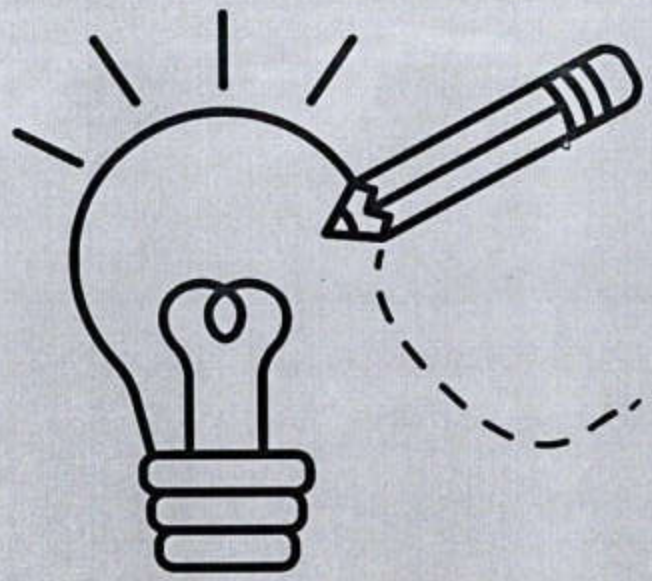

CHƯƠNG 03.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

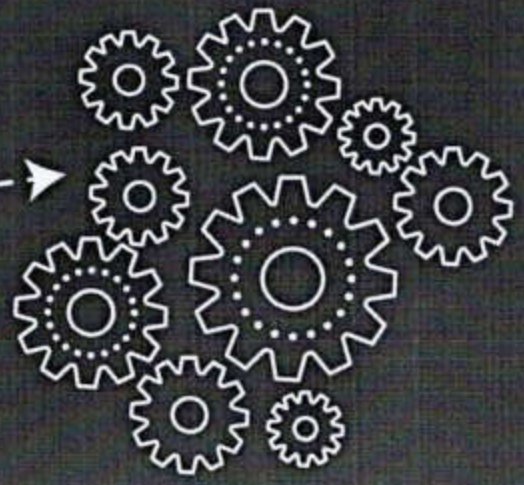

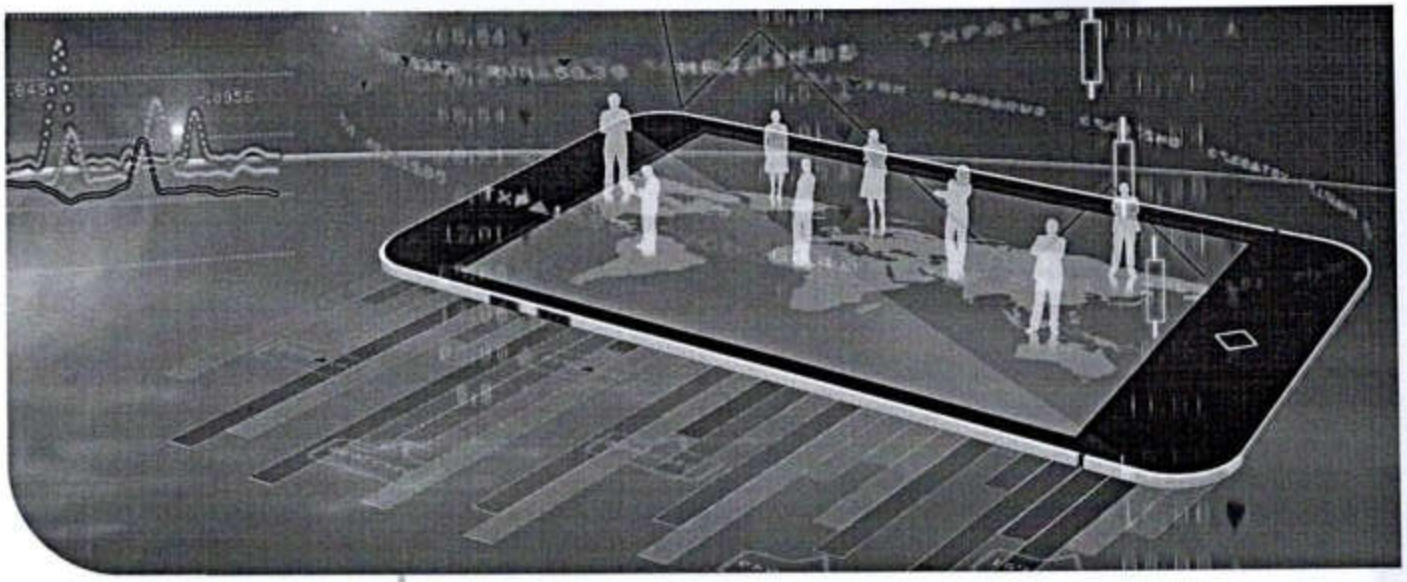

Bối cảnh thế giới 2023

Trong năm vừa qua, môi trường kinh doanh thế giới phải đối mặt với nhiều yếu tố bất định và khó khăn. Các xung đột liên tiếp xảy ra và kéo dài ở nhiều nơi trên thế giới như Trung Đông, Biển Đỏ, xung đột tại Nga – Ukraina. Các tình trạng thời tiết cực đoan, mất mùa, hạn hán kéo dài xảy ra ở nhiều nơi, trong đó có trận động đất kinh hoàng tại Thổ Nhĩ Kỳ - Syria. Trong bối cảnh đó, ảnh hưởng của các cuộc xung đột, thiên tai và những ảnh hưởng còn lại của sau 2 năm đại dịch Covid diễn ra, thế giới bắt đầu bước vào giai đoạn hồi phục, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi những yếu tố bất định, gây nên những ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp lên giá cả hàng hóa, sản xuất kinh doanh và sự suy yếu của cầu tiêu dùng.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc, theo ước tính của IMF tại báo cáo định kỳ tháng 10/2023, ước tính tăng trưởng GDP toàn cầu năm năm 2023 đạt 3,0%, giảm 0,5% so với mức tăng trưởng năm trước đó và thấp hơn mức tăng trưởng trung bình là 3,8% trong giai đoạn từ 2000 đến 2019. Trong năm 2023, Mức tăng trưởng GDP của các nước phát triển đạt 1,5%, giảm 1,1% so với mức tăng trưởng của năm 2022. Tăng trưởng GDP các nước đang phát triển giảm nhẹ và đạt 4,0% trong năm 2023, do phản ánh khủng hoảng lĩnh vực bất động sản ở Trung Quốc.

Tăng trưởng GDP toàn cầu

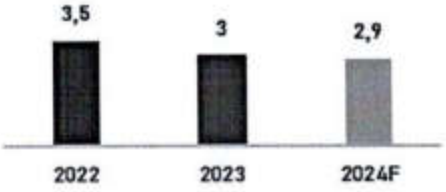

Lạm phát toàn cầu được kiểm soát và có xu hướng suy giảm đều về mức mục tiêu, mức lạm phát toàn cầu được dự báo đạt 6,9% vào năm 2023, và 5,8% vào năm 2024. Trước diễn biến lạm phát giảm và bắt đầu đến giai đoạn cuối cùng của chu kỳ lạm phát. Một số yếu tố rủi ro lớn trên thế giới đang trở nên lạc quan hơn so với trước đó, do nghị quyết giải quyết trần nợ công tại Hoa Kỳ, Chính quyền Thụy Sỹ và Hoa Kỳ đã hành động để giải quyết viễn cảnh rủi ro "hạ cánh cứng" đã qua đi. Tuy nhiên, IMF đánh giá lạm phát cơ bản vẫn còn quá cao ở hầu hết các quốc gia và các chính sách còn có thể dao dẳng kéo dài. Cuộc khủng hoảng Bất động sản tại Trung Quốc có nguy cơ lan rộng, căng thẳng địa chính trị leo thang dẫn đến giá cả hàng hóa và năng lượng, khả năng trao đổi hàng hóa.

Tăng trưởng GDP các nước phát triển

Tăng trưởng GDP các nước đang phát triển

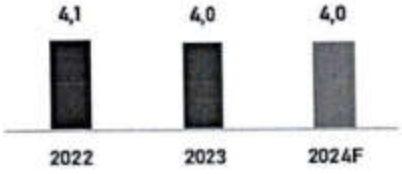

Kinh tế Việt Nam 2023

Tốc độ tăng trưởng GDP 2023 của Việt Nam có sự suy giảm nhẹ và đạt mức 5,05% so với cùng kỳ.

GDP năm 2023 của Việt Nam ước tính đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. Tăng trưởng GDP năm 2023 so với năm 2022 đạt 5,05%, giảm 3,07% so với mức tăng năm 2022, và thấp hơn so với mức kế hoạch năm 2023 Chính phủ đề ra là 6,5%.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm đến từ:

1/ Khu vực dịch vụ tăng 6,82% svck, chiếm tỷ trọng;
2/ khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 3,74% svck, chiếm 37,12% tổng giá trị;
3/ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,38% svck, chiếm tỷ trọng 11,96%;
4/ Thuế sản phẩm từ trợ cấp chiếm 8,38%.

Tương quan tăng trưởng GDP một số nước trong khu vực

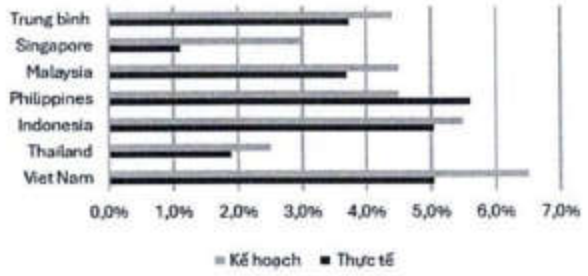

Nguồn: Tổng hợp nhiều nguồn; đơn vị: %

Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010-2023

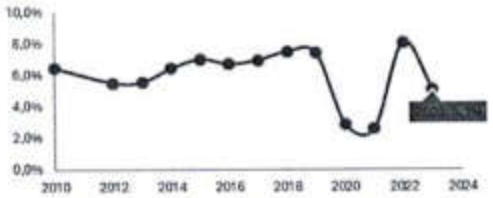

Nguồn: GSO; đơn vị: %

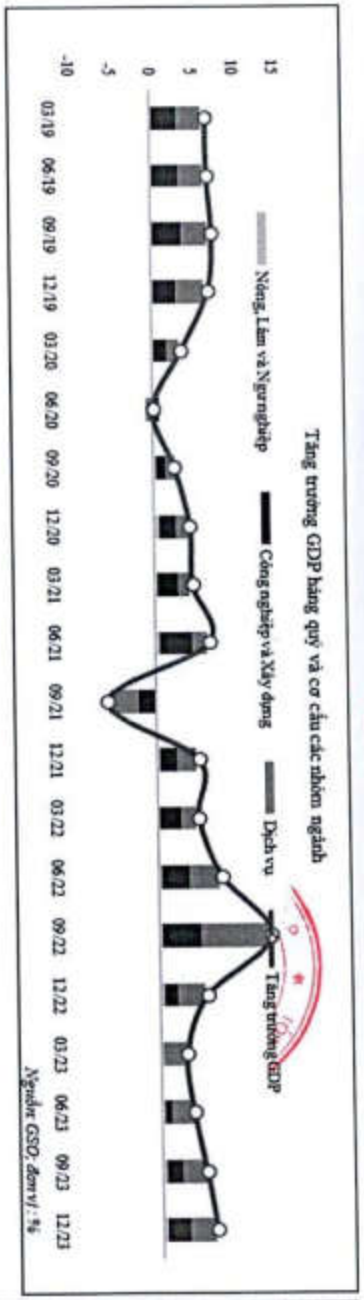

Kinh tế Việt Nam 2023

Môi trường đầu tư tiếp tục mở rộng và kỳ vọng nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, mặc dù nhu cầu suy giảm trong ngắn hạn

Tình hình sản xuất của các doanh nghiệp suy giảm, chỉ số PMI trung bình năm năm 2023 có sự suy giảm mạnh do đơn đặt hàng mới giảm do nhu cầu yếu, dẫn đến sản lượng giảm tương ứng trong khi các hoạt động mua hàng và việc làm của người lao động gần như không thay đổi. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp của Việt Nam trung bình trong năm cũng có sự tăng trưởng trung bình thấp hơn khi so sánh với mức nền năm 2022.

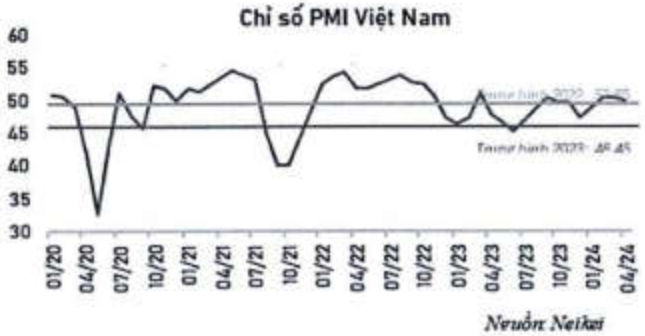

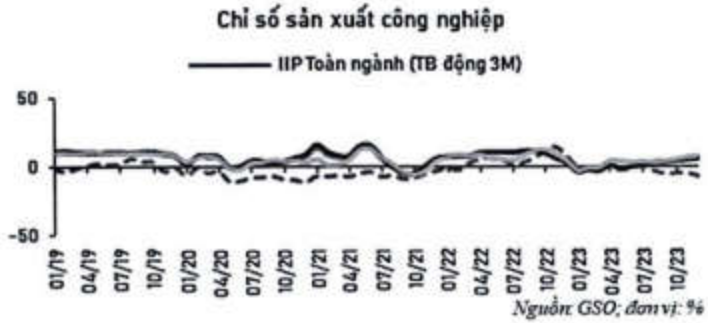

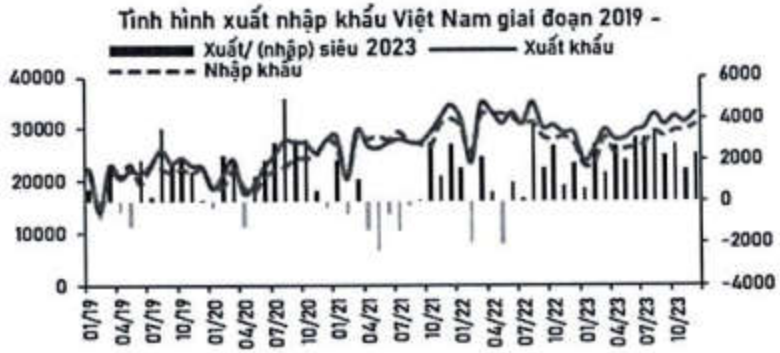

Nguồn: GSO; đơn vị: triệu USD

Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 681 tỷ USD, giảm 6,9% so với năm 2022, giá trị xuất siêu đạt 28,3 tỷ USD, tăng 128% so với cùng kỳ, chủ yếu do lượng nhập khẩu giảm mạnh hơn so với xuất khẩu.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp mới tính chung trong năm 2023 tăng gấp 1,2 lần so với năm 2022

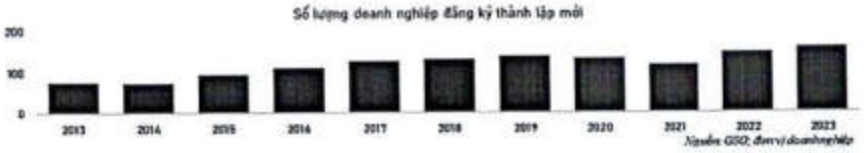

Kinh tế Việt Nam 2023

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong năm ước tính đạt 3423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ.
Trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 14,6%, khu vực tư nhân tăng 2,7% và khu vực FDI tăng 5,4%. Trong đó, vốn FDI đã thực hiện trong năm đạt mức cao nhất trong vòng 5 năm qua, với mức 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% svck. 2/ Giải ngân đầu tư công tiếp tục gia tăng với các dự án hạ tầng trọng điểm như đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông, Dự án sân bay Long Thành, các dự án vành đai trọng điểm tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,...

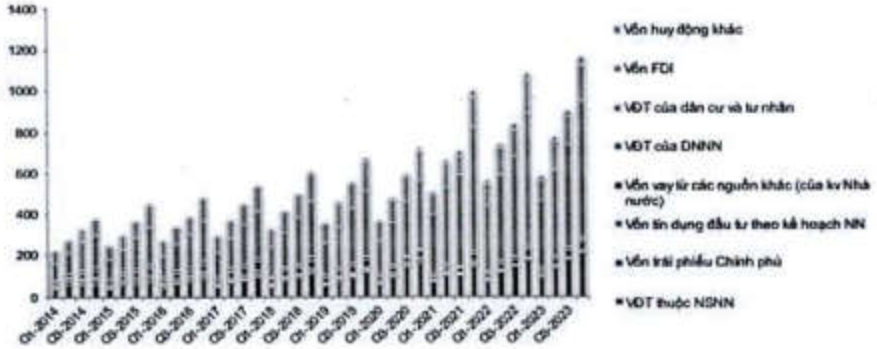

Lạm phát trong nước được kiểm soát, tạo điều kiện nới lỏng chính sách và kích thích tăng trưởng kinh tế.

Trong năm 2023, tăng trưởng CPI bình quân cả năm của Việt Nam tăng 3,25% và đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra tại mức dưới 4,5%. Trong năm, một số điều chỉnh của Chính phủ và thay đổi giá trên thị trường đối với một số nhóm chỉ số giá ảnh hưởng tới mức tăng CPI bình quân, chu yếu do: 1/ Nhóm nhà ở và vật liệu tăng; 2/ Nhóm chỉ số giáo dục; 3/ Nhóm lương thực; 4/ Nhóm điện sinh; và các nhóm khác. Một số nhóm chỉ số giảm theo biến động của thị trường thế giới giúp giảm đà tăng của CPI như: Nhóm Xăng dầu; Nhóm Gas.

Trước những kết quả đạt được trong năm, việc điều hành và kiểm soát lạm phát của nền kinh tế giúp SBV ban hành nhiều chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ và thúc đẩy nền kinh tế bao gồm: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành nghề, và giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8%, ban hành và tháo gỡ các vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản.

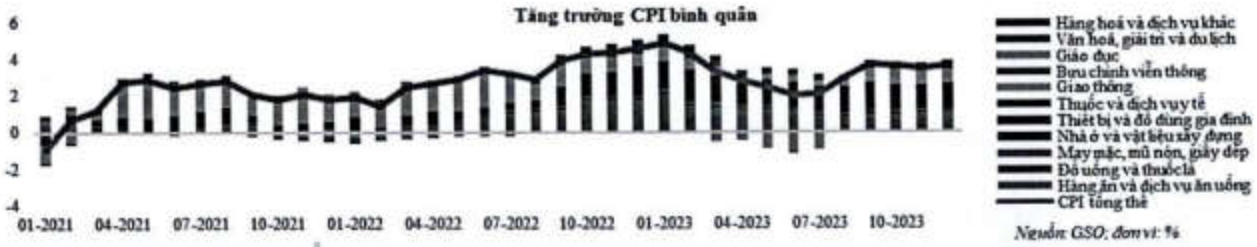

Nguồn: GSO; đơn vị: %

Kinh tế Việt Nam 2023

Mặt bằng lãi suất cho vay giảm mạnh và tăng trưởng tín dụng các tháng thấp hơn so với cùng kỳ.

Với kết quả tích cực trong việc kiểm soát lạm phát, NHNN thực hiện liên tục giảm 4 lần lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao với mức giảm từ 0,5% - 2,0%/năm trong năm 2023 để nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trên thực tế, NHNN đã thực hiện 4 lần giảm lãi suất điều hành trong năm bắt đầu ngày 15/03/2023 đến ngày 19/06/2023. Trong nửa đầu năm, việc giảm lãi suất đã giúp lãi suất huy động giảm tương ứng, lãi suất huy động bình quân 12 tháng của 4 NHTM BIDV, VCB, Agribank và Vietinbank tại tháng 12/2023 ở mức 4,95%, giảm 2,45% từ mức 7,4%/năm tại thời điểm T12/2022.

Tăng trưởng tín dụng năm 2023 các tháng trong năm chậm, mặc dù NHNN thực hiện cắt giảm lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế, khuyến khích nguồn vốn đi vào nền kinh tế và cung cấp vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh.

Năm 2023, tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng đạt khoảng 13,5%. Tuy nhiên, mức trên thấp hơn so với kế hoạch là khoảng 14-15% và tăng trưởng lũy kế các tháng trong năm có mức nền thấp hơn rất nhiều so với hai năm trước đó. Trong tháng 12, tăng trưởng tín dụng tăng mạnh 20 ngày cuối năm với mức tăng lũy kế thêm trong năm là khoảng 4,55%, dư nợ chiếm 20% tổng dư nợ cho vay trong năm. Bên cạnh đó, tăng trưởng huy động lại tiếp tục đạt mức cao, tăng trưởng tín dụng lũy kế đạt 14% trong năm 2023, cao hơn mức tăng trưởng huy động so với năm trước đó là 7,98%.

Áp lực tỷ giá và chính sách ổn định tỷ giá

Song song với định hướng nới lỏng chính sách của Ngân hàng Nhà nước, diễn biến tỷ giá USD/VND có phần ổn định trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, cuối năm 2023, tỷ giá chứng kiến một đợt tăng mạnh kể từ đầu tháng 07/2023 với mức tăng từ 23620 VND lên 24720 tương ứng với mức tăng gần 4,7%. Sự gia tăng mạnh vào nửa cuối năm, chủ yếu là do FED thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ thông qua các hoạt động mua tài sản và tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, điều này giúp giá trị đồng USD tăng mạnh dẫn đến tỷ giá trong giai đoạn bật tăng và việc NHNN thực hiện chính sách tiền tệ lệch pha bằng việc thực hiện nới lỏng dẫn đến thị trường ngoại hối lại chứng kiến bật tăng mạnh của tỷ giá USD/VND.

Để điều tiết thị trường, Ngân hàng nhà nước thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt qua kênh nghiệp vụ thị trường mở OMO để bơm/hút bớt lượng tiền dồi dào trong hệ thống để kiểm soát áp lực tỷ giá đang tăng mạnh. Cụ thể, NHNN đã thực hiện 2 đợt hút tiền trong năm, đợt 1 từ 03/02- 02/03 với giá trị hút ròng 239 nghìn tỷ đồng, đợt 2 từ 21/09 – 08/11 với giá trị 194 nghìn tỷ đồng. Việc kiểm soát và ổn định tỷ giá theo đều sẽ khiến thanh khoản thị trường và lãi suất đều bị ảnh hưởng tiêu cực. Theo đó, LS LNH bật tăng mạnh sau mỗi lần NHNN thực hiện hút ròng khối lượng tiền khỏi hệ thống, cụ thể, lãi suất liên ngân hàng qua đêm bật tăng mạnh trong đợt hút ròng thứ nhất từ 0,92%/năm lên mức đỉnh 7,88%/năm và trong đợt hút thứ 2 tăng từ 0,15%/năm lên mức đỉnh 2,84%/năm. Theo dự báo của IMF, các Ngân hàng TW lớn trên thế giới đều đang ở giai đoạn cuối chu kỳ lạm phát. Do đó, trong năm 2024, áp lực tỷ giá nhiều khả năng sẽ giảm bớt áp lực hơn so với giai đoạn nửa cuối năm 2023.

Tổng quan thị trường tài chính

Thị trường Cổ phiếu niêm yết

Năm 2023 đã đánh dấu một giai đoạn hồi phục đối với thị trường chứng khoán Việt Nam khi chỉ số VNINDEX đạt 1129,9 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022. Mức đỉnh của thị trường trong năm thiết lập tại 1245 điểm trong tháng 9, và mức thấp nhất của thị trường thiết lập tại 1021 điểm trong tháng 2. Tuy nhiên với một năm nhiều sự kiện vĩ mô xảy ra khiến đà hưng phấn của thị trường không diễn ra được lâu. Các yếu tố như sự suy giảm của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng khiến các NHTW các nước tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, dù cho NHNN Việt Nam vẫn cố gắng tiếp tục nới lỏng.

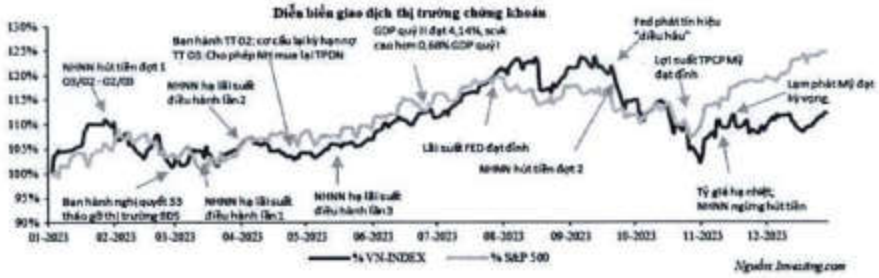

Ảnh hưởng từ những tác động bên ngoài và việc điều tiết chính sách của NHNN bên trong đã tác động mạnh mẽ đến biến động thị trường. Thanh khoản thị trường trong năm 2023 bình quân mỗi phiên đạt 15120 tỷ đồng, giảm 11,07% so với năm 2022. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 736,7 triệu cổ phiếu, tăng 12,62% so với năm 2022. Diễn biến giao dịch có sự khởi sắc trong quý III, khi giá trị giao dịch trung bình trong giai đoạn này tăng mạnh với giá trị trung bình mỗi phiên đạt 23373 tỷ đồng, tăng 71% so với giá trị giao dịch trung bình trong Quý I và Quý II. Thanh khoản đạt kỉ lục trong tháng 09 với tổng giá trị giao dịch trung bình phên đạt khoảng 26,772 tỷ đồng, chỉ số VN Index thiết lập đỉnh trong năm tại mức 1245 điểm.

Mặc dù thanh khoản thị trường có giai đoạn thị trường có sự gia tăng mạnh mẽ, tuy nhiên dòng tiền khối ngoại lại có xu hướng rút ròng trong suốt khoảng thời gian từ tháng 07/202. Cụ thể giá trị ròng lũy kế của khối ngoại rút ra trong năm là 22.808 tỷ đồng. Do lãi suất thị trường đạt đáy theo định hướng của NHNN kể từ tháng 07/2023 dẫn đến lợi suất đầu tư TPCP Việt Nam có mức chênh lớn so với TPCP Mỹ trong thời gian vừa qua. Cụ thể, ngày 25/12/2023, mức chênh được nới rộng ra tới 1,47%, việc này khiến dòng vốn ngắn hạn rút ra khỏi Việt Nam và đầu tư vào những tài sản có mức lợi suất cao hơn. Tuy nhiên, xét theo thanh khoản chung của thị trường, tỷ lệ giá trị mua/bán của khối ngoại chiếm tỷ lệ không đáng kể so với giá trị giao dịch trung bình của thị trường.

Giao dịch khối ngoại trong tháng

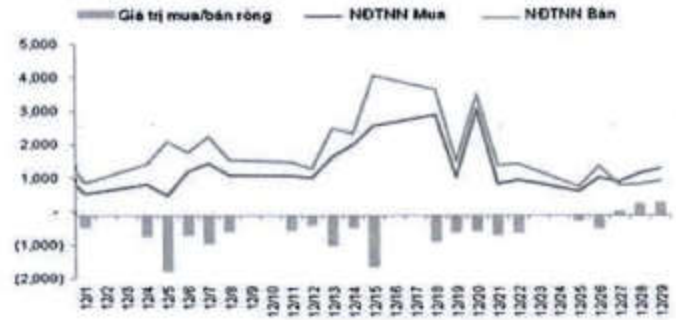

Giá trị giao dịch của NĐTNN lũy kế từ đầu năm 2023

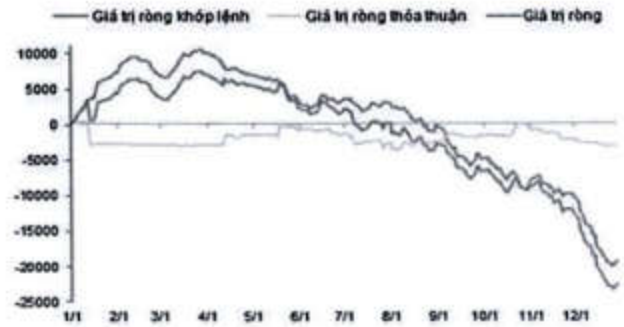

Tổng quan thị trường tài chính

Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tính đến hết năm 2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã xuất hiện tín hiệu phục hồi khi một số nhà đầu tư quan tâm trở lại khi mức lãi suất tốt hơn so với các kênh đầu tư khác. Cụ thể, tổng giá trị phát hành trong năm đạt 324.234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm trước. Điều này thể hiện trên thị trường TPDN khi tại thời điểm quý 1, hầu như không có đợt phát hành nào, sang từ quý 2 trở đi, tháng sau khối lượng phát hành đều cao hơn tháng trước. Đặc biệt trong quý 3, hoạt động phát hành TPDN bật tăng mạnh với giá trị phát hành cao gấp gần 2,7 lần so với quý trước đó và tăng tới 36,2% so với cùng kỳ. Lượng phát hành tăng mạnh tại thời điểm quý 4/2023, tổng giá trị phát hành đạt 324,234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ. Thị trường TPDN có cơ cấu nhà đầu tư chủ yếu là các nhà đầu tư tổ chức chiếm 93,2%, trong đó các ngân hàng thương mại chiếm đến 54,5% số lượng các nhà đầu tư tổ chức. Các nhà đầu tư cá nhân chiếm khoảng 6,8% toàn thị trường. Theo đó, cơ cấu huy động của thị trường chủ yếu tập trung vào phương thức phát hành riêng lẻ, chiếm tỷ trọng khoảng 88,5% tổng giá trị phát hành và phương thức phát hành ra công chúng chiếm tỷ trọng khoảng 11,43%.

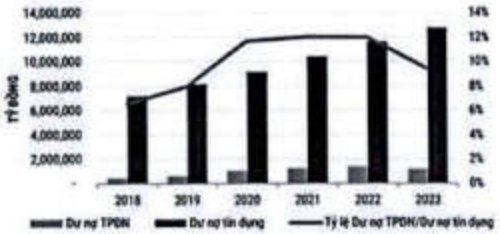

Dư nợ TPDN và Dư nợ tín dụng

Giá trị phát hành TPDN riêng lẻ và ra công chúng

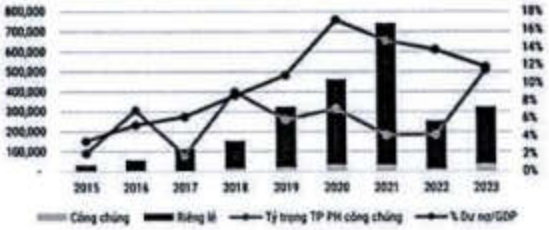

So với cùng kỳ năm ngoái, giá trị phát hành TPDN trong quý 4 đã tăng mạnh hơn 7 lần lên 135,081 tỷ đồng. Xét theo số liệu tổng cả năm 2023, Ngân hàng là nhóm ngành có tổng giá trị phát hành lớn nhất với 151 nghìn tỷ đồng, chiếm 61,2%, tăng 0,28% so với năm trước. Sau đó là nhóm ngành bất động sản với tổng giá trị phát hành đạt 46 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7% và tăng 18,7% so với năm trước.

Lãi suất TPDN bình quân trong 12 tháng năm 2023 đạt 8,3%, cao hơn so với mức trung bình 7,9% của năm 2022. Trong đó, trái phiếu ngân hàng là nhóm có giá trị phát hành cao nhất với khoảng 138.300 tỷ đồng, tăng 1% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng 56,2% so với tổng giá trị. Lãi suất bình quân gia quyền của trái phiếu ngân hàng là 6,7%/năm, kỳ hạn bình quân 4,8 năm.

Trong quý 4/2023, giá trị trái phiếu được mua lại trước hạn là 67,778 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tới hơn 85% là trái phiếu thuộc nhóm Ngân hàng với 57,939 tỷ đồng, tương đương 14.1% dư nợ trái phiếu nhóm này. Có 2 nguyên nhân lý giải do cho vấn đề này, thứ nhất, tài chính của nhóm Ngân hàng dồi dào nên có thể chủ động mua lại trái phiếu, trong khi các doanh nghiệp phi ngân hàng vẫn còn nhiều khó khăn về dòng tiền. Thứ hai, nỗ lực thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư đã hạn chế việc yêu cầu tổ chức phát hành mua lại bắt buộc, thay vào đó là gia hạn hoặc hoán đổi trái phiếu thành tài sản khác.

Áp lực đáo hạn vào năm 2024-2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1-2 năm. Từ đầu năm 2023, khoảng 36,915 tỷ đồng trái phiếu đã được kéo dài thời gian đáo hạn sang giai đoạn 2024 - 2025. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 278,210 tỷ đồng và 294,436 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu bất động sản. 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2023 là một năm kinh tế thế giới và khu vực chứng kiến sự giảm tốc trong tăng trưởng kinh tế, nhiều yếu tố bất định xảy làm tác động sâu sắc đến tính ổn định, sự phát triển và kỳ vọng của thị trường. Kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng đã phải chịu những tác động mạnh mẽ từ những ảnh hưởng lớn dẫn đến sự giảm tốc trong tăng trưởng GDP, suy giảm hoạt động thương mại quốc tế, những sự biến động thị trường biến động lớn đã phần nào ảnh hưởng có trực tiếp đến thị trường chứng khoán trong năm 2023. Nửa đầu năm vừa qua, thị trường cổ phiếu chứng kiến sự trầm lắng trong giao dịch, thị trường trái phiếu sơ cấp ảm đạm với giá trị phát hành tiếp tục duy trì ở mức thấp. Sang đến nửa cuối năm, thị trường có phần sôi động trở lại nhưng vẫn còn đó những yếu tố tiêu cực vẫn hiện hữu làm giảm đà tăng đầy hưng phấn của thị trường trong Quý IV. Trong môi trường đặc thù trên, NVS đã vượt qua những trở ngại và ghi nhận kết quả kinh doanh đầy khả quan.

TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG **97,7** TỶ VNĐ

▼ 27,9% SO VỚI NĂM 2022

LỢI NHUẬN SAU THUẾ **37,5** TỶ VNĐ

▲ 3024% SO VỚI NĂM 2022

Doanh thu thuần **91,7** tỷ

giảm 32,2% so với năm 2022

Doanh thu từ hoạt động tài chính **0,17** tỷ

giảm 60% so với năm 2022

Thu nhập khác **5,8** tỷ

Biên lợi nhuận gộp của NVS được cải thiện mạnh mẽ tăng từ 8,01% vào năm 2022 lên 57,22% vào năm 2023.

Diễn biến doanh thu NVS giai đoạn 2019 - 2023

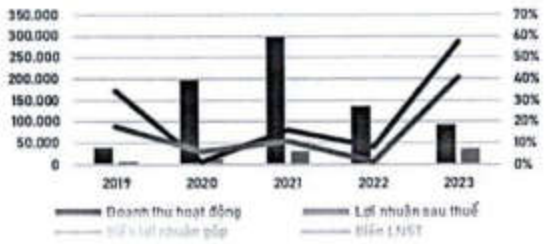

Nguồn: BCTC NVS, đơn vị: triệu đồng

Xét cơ cấu doanh thu theo nghiệp vụ, doanh thu lãi tài sản sản tài chính đạt 87 tỷ đồng, chiếm 89% tổng cơ cấu doanh thu các hoạt động. Trong đó, lãi từ hoạt động FVTPL đạt 80,5 tỷ đồng và lãi từ hoạt động HTM đạt 6,9 tỷ đồng. Tiếp theo là đến hoạt động môi giới và hoạt động lưu ký chứng khoán với doanh thu đạt lần lượt là 1,38 tỷ đồng và 1,32 tỷ đồng, tương ứng chiếm 1,4% mỗi nghiệp vụ. Các nghiệp vụ còn lại có mức doanh thu đạt khoảng 7,5 tỷ đồng, chiếm 7,7% trên tổng doanh thu.

Cơ cấu nguồn thu NVS năm 2023

Nguồn: BCTC NVS

Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu BQ (ROEA) năm 2023 là 12,54%
Tỷ số lợi nhuận ròng/Tổng tài sản BQ (ROAA) là 9,28%

Năm 2023, Công ty không có khoản đầu tư lớn được giải ngân.
Hiện nay, Công ty không có công ty con, công ty liên kết

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (đơn vị: Triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	430,580	386,732	-10.18%
Tài sản ngắn hạn	419,956	376,647	-10.31%
Doanh thu hoạt động	135,303	91,901	-32.08%
Kết quả hoạt động	1,534	41,537	2607.76%
Lợi nhuận khác	-12	5,647	-47158.33%
Lợi nhuận trước thuế	1,522	47,184	3000.13%
Lợi nhuận sau thuế	1,203	37,934	3053.28%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Đơn vị: Đồng)

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2.86	5.78	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0.99	1.43	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.34	0.16	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.52	0.20	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.31	0.22	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0.89	41.28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bq	%	0.42	12.54	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	0.27	9.28	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8.01	57.31	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp)

Kết quả hoạt động theo từng bộ phận trong năm 2023

Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Dịch vụ ngân hàng đầu tư vẫn là hoạt động thế mạnh của NVS trong nhiều năm qua. Thành quả của Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư không chỉ thể hiện ở kết quả trực tiếp ở doanh thu dịch vụ mà còn ở việc giúp tạo ra cả doanh thu cho Khối Môi giới, phòng Tự doanh nhờ hoạt động của Khối.

Trong năm 2023, do ảnh hưởng từ thị trường trái phiếu nên hoạt động tư vấn và thu xếp phát hành trái phiếu của Khối phải tạm dừng. Tuy nhiên, thành quả trong các năm trước từ hoạt động của Khối vẫn tiếp tục đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của công ty thông qua các hoạt động của Khối Môi giới và phòng Tự doanh có được nhờ các giao dịch thu xếp vốn thành công trước đó của Khối. Nhằm đa dạng hóa dịch vụ, năm 2023 Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư đã tập trung khai thác mảng M&A các dự án năng lượng và tư vấn IPO, niêm yết. Tuy nhiên, kết quả còn hạn chế do đặc thù của các giao dịch có giá trị lớn, điều kiện thị trường chưa thuận lợi. Mặc dù vậy Khối cũng đã xây dựng được tập khách hàng và danh mục M&A quan trọng.

Trong năm 2023, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư đã thành công hoàn thành 02 dự án tư vấn lớn là: Tư vấn niêm yết cổ phiếu lên sàn HSX của CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba và Tư vấn niêm yết trái phiếu lên HNX của CTCP Tonkin Land; thành công ký kết 06 Hợp đồng tư vấn với các đối tác: CTCP Tập đoàn Tài Tâm, CTCP Địa ốc An Huy, CTCP Chế biến Thực phẩm và Nước giải khát Việt – Mỹ (Camel), CTCP Licogi 13, CTCP Vgroup, CTCP giải pháp năng lượng gió HBRE. Ngoài ra, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của Công ty hiện đang hợp tác, trao đổi công việc với hơn 19 đối tác lớn nhỏ trong và ngoài nước như: CTCP Tập đoàn Tài Tâm; CTCP Địa ốc An Huy, CTCP Chế biến Thực phẩm và Nước giải khát Việt – Mỹ (Camel), CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (Siba Group), Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP, CTCP Tonkin Land, CTCP Điện cơ (EME), CTCP Đầu tư Xanh Đức Sơn, CTCP Điện tái tạo Miền Bắc, CTCP Licogi 13, CTCP In và Bao bì Goldsun, Công ty TNHH Bao bì Thông minh Intbox, Astro Capital Company Limited, Taisho Vietnam Co.,ltd, China HuaNeng International Engineering & Technology Co.,Ltd, China Gezhouba Group International Engineering Co.,Ltd, Chow Energy Public Company Limited, CTCP Tập đoàn Sao Mai, CTCP Vgroup...

Khối Công nghệ thông tin

Hệ thống Công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng và phần mềm) là một trụ cột quan trọng trong hoạt động của CTCK nói chung và NVS nói riêng. Khối Công nghệ thông tin năm vừa qua đã hoạt động một cách có hiệu quả, với liên tục các hoạt động với các từ khóa như: rà soát, tối ưu, nâng cấp, xây dựng... Bởi hệ thống Công nghệ thông tin chính là một trong những huyết mạch quan trọng của Công ty chứng khoán. Năm 2023, NVS đã có những đầu tư hợp lý và quyết liệt để đảm bảo chuẩn bị cho hoạt động của công ty hiện tại cũng như những kế hoạch phát triển trong thời gian tới. Cụ thể:

Về nhân sự: Năm 2023, NVS triển khai bổ sung và kiện toàn nhân sự Khối CNTT và thành lập Phòng Giải pháp phần mềm nhằm đảm bảo chuẩn bị nhân sự cho việc triển khai các ứng dụng giao dịch cho NVS trong thời gian tới.

Về phần mềm hỗ trợ giao dịch:

-NVS nằm trong số 17 CTCK đầu tiên đạt yêu cầu trong đợt kiểm thử giai đoạn FAT của Hệ thống CNTT KRX.

-NVS đã chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng để phục vụ hoạt động giao dịch trái phiếu riêng lẻ.

-NVS cũng đã rà soát và chỉnh sửa hệ thống để đáp ứng các yêu cầu về pháp luật cho hoạt động giao dịch.

-Ngoài ra, kế hoạch nâng cấp phần mềm phục vụ cho hoạt động NVS trong 03 năm tới của Khối CNTT đã xong sơ bộ, đang trong quá trình đệ trình lên TGĐ để xin ý kiến.

Về hạ tầng giao dịch: Nối tiếp việc nâng cấp hệ thống lưu trữ dữ liệu năm 2022, năm 2023, Khối CNTT tập trung vào rà soát về hệ thống mạng và bảo mật nhằm tối ưu hóa tốc độ và nâng cao khả năng an toàn cho hệ thống. NVS đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng và đặt hàng gói nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật theo như đề xuất được thông qua tại cuộc họp HĐQT Quý 3/2023. Việc nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật dự kiến sẽ triển khai xong trong đầu quý 2 năm 2024. Sau khi hoàn thành, NVS chính thức chuyển đổi xong hệ thống hạ tầng đã bị lạc hậu hơn 10 năm, góp phần đảm bảo cho hệ thống giao dịch hoạt động an toàn, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của cơ quan chức năng.

Khối Môi giới chứng khoán

Năm 2023 tiếp tục là một năm thử thách với hoạt động môi giới cổ phiếu của NVS. Những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, cộng thêm chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển có ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường chứng khoán Việt Nam. Giá trị giao dịch vì thế giảm mạnh so với năm 2022, cụ thể: Giá trị giao dịch toàn thị trường năm 2023 đạt 4.416.691 tỷ đồng, giảm 18,58% so với năm 2022 (5.424.492 tỷ đồng).

Điều này kéo theo giá trị giao dịch cổ phiếu niêm yết của Khách hàng tại NVS cũng bị sụt giảm, cụ thể: Giá trị giao dịch Cổ phiếu tại NVS năm 2023 đạt 842 tỷ đồng, giảm 65,06% so với năm 2022 (2.410 tỷ đồng). Ngoài ra còn có những khó khăn do quy mô vốn của công ty nhỏ, tiềm lực tài chính yếu nên không thể chạy đua về công nghệ và chính sách zero-fee với các CTCK lớn khiến thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết của NVS tiếp tục sụt giảm.

Bất chấp những khó khăn chồng chất, đội ngũ Môi giới cổ phiếu niêm yết vẫn nỗ lực chăm sóc khách hàng trung thành. Bên cạnh đó Môi giới vẫn đảm bảo không phát sinh vi phạm và sửa lỗi giao dịch, tham gia đầy đủ hoạt động test hệ thống KRX góp phần đưa NVS là 1 trong 17 CTCK đầu tiên đạt yêu cầu của đợt kiểm thử.

Mảng lưu ký trái phiếu có sự khởi sắc nhờ hoạt động môi giới trái phiếu riêng lẻ. Trong năm 2023, bộ phận lưu ký trái phiếu đã xử lý tổng giá trị giao dịch trái phiếu lên tới 8.565.014.978.564 đồng. Ngoài ra, bộ phận lưu ký trái phiếu cũng góp phần vào doanh thu của Khối Môi giới thông qua các nghiệp vụ lưu ký khác liên quan tới trái phiếu.

Các khối hỗ trợ

Hoạt động của 03 Khối Công nghệ thông tin, Khối Môi giới và Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư có thể thuận lợi đạt những kết quả nêu trên là nhờ sự hỗ trợ vô cùng quan trọng của các bộ phận backoffice như Bộ phận xử lý giao dịch Tự doanh (thuộc phòng Tự doanh), phòng Tài chính Kế toán, phòng HCNS, phòng Pháp chế và KSNB.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chứng kiến sự giảm tốc trong năm qua, tình hình địa chính trị biến động đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường tài chính Việt Nam, NVS đã triển khai đồng bộ những thế mạnh của mình đến từ sự linh hoạt và nhạy bén, cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo để vượt qua những khó khăn và ghi nhận những kết quả khả quan trong năm 2023

So với năm 2022, doanh thu của các nghiệp vụ Tự doanh, Môi giới chứng khoán, doanh thu đến từ hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành đều có sự sụt giảm. Điều này dễ hiểu bởi chịu ảnh hưởng của diễn biến thị trường chứng khoán xấu, phức tạp và biến động không ngừng, sự biến động về giá chứng khoán dẫn đến hoạt động tự doanh và môi giới chứng khoán bị cản trở và gặp nhiều khó khăn.

Năm 2023, các hoạt động phát hành chứng khoán diễn ra vô cùng ảm đạm, gần như bị tạm dừng, dẫn đến doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành vốn là át chủ bài trong kết quả hoạt động mọi năm cũng đã bị ảnh hưởng mạnh. Tuy nhiên, đặt kết quả kinh doanh của năm 2023 trong bối cảnh thị trường chứng khoán để phân tích, sự sụt giảm này là không thể tránh khỏi, kết quả này vẫn cho thấy công ty vẫn đang hoạt động một cách hiệu quả và khả quan.

Mặc dù vậy, Công ty ghi nhận sự tăng lên từ doanh thu của hoạt động Lưu ký chứng khoán. Đạt được kết quả này là do trong năm qua, NVS đã không ngừng đẩy mạnh và cung cấp thêm các dịch vụ liên quan đến lưu ký Trái phiếu.

Tuy doanh thu năm 2023 có sự sụt giảm nhẹ, nhưng đồng thời chi phí hoạt động của năm 2023 cũng giảm đi đáng kể, so với năm 2022 đã giảm 68%. Do vậy, so với mức giảm của doanh thu thì chi phí hoạt động cũng đã giảm gấp đôi so với mức giảm của doanh thu, dẫn đến kết quả lợi nhuận của năm 2023 được tăng lên.

Tình hình tài sản

Trong năm 2023, tổng tài sản của NVS đạt 386 tỷ đồng, giảm -10,2% so với năm 2022. Với đặc thù là công ty chứng khoán, NVS luôn duy trì cơ cấu tài sản dưới dạng tài sản tài chính nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư và và cũng là công cụ để sử dụng đòn bẩy tài chính, hỗ trợ thanh khoản. Trong năm 2023, cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 97,4% tổng tài sản, với giá trị đạt gần 376,6 tỷ VNĐ, giảm 10,3% so với cùng kỳ.

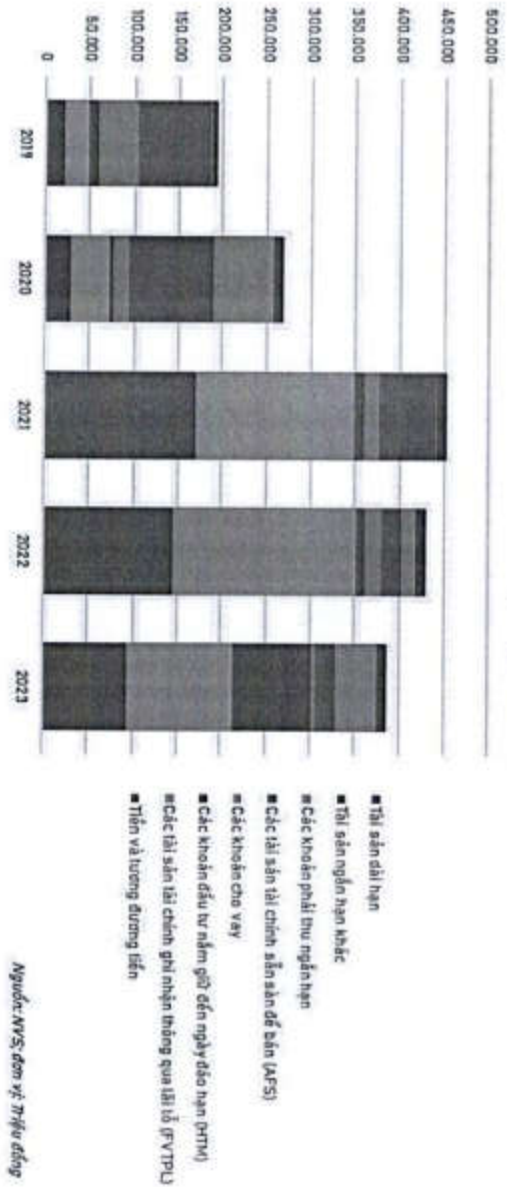

Cơ cấu tài sản NVS giai đoạn 2019 - 2023

Nguồn: NVS; đơn vị: Triệu đồng

Tình hình tài sản (tiếp)

Trong đó, tiền và tương đương tiền ở mức gần 93,027 tỷ VNĐ, giảm 35% so với thời điểm cuối năm 2022. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng cho việc, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản của công ty và thực hiện vai trò trung gian thanh toán giữa Tổ chức phát hành và Nhà đầu tư.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) cuối năm 2023 đạt mức 120 tỷ VNĐ, giảm 41% so với năm 2022 và chiếm 31,9% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Thực hiện đầu tư và quản trị danh mục, NVS đã nhạy bén đánh giá và nắm bắt tình hình thị trường để ra quyết định đầu tư và phân bổ vào các loại tài sản tài chính có tiềm năng tăng trưởng, lợi suất hấp dẫn và có tính thanh khoản cao. Cơ cấu danh mục bao gồm 48,6% được phân bổ vào cổ phiếu, 51,3% được phân bổ vào trái phiếu chưa niêm yết. Quy trình đánh giá và đầu tư trái phiếu của NVS được đánh giá chặt chẽ, được bảo đảm bởi các tài sản có chất lượng cao, doanh nghiệp phát hành uy tín và có tiềm lực tài chính tốt.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) không ghi nhận sự thay đổi trong năm. Tuy nhiên, danh mục tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, giá trị danh mức HTM đạt mức 89 tỷ, tăng 790% so với năm trước đó. Trong hoạt động nghiệp vụ của mình NVS đã tối ưu nguồn vốn ngắn hạn để cải thiện hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trong năm. Các sản phẩm nắm giữ của hoạt động này là các hợp đồng tiền gửi tại các TCTD, do đó có thể đảm bảo về tính thanh khoản khi thực hiện triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của NVS.

Bên cạnh đó, khoản mục phải thu tại thời điểm báo cáo đạt khoản 45,4 tỷ đồng, tăng 165% svck. Trong đó, chủ yếu là khoản mục phải thu do bán tài sản tài chính. Hoạt động cho vay khách hàng cũng của NVS có sự giảm mạnh, với dư nợ cho vay tại thời điểm 31/12/2023 là 4,1 tỷ đồng, giảm 78% so với thời điểm đầu năm.

Tình hình nguồn vốn

Hoạt động hiệu quả quản lý nguồn vốn có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động và phân bổ tài sản đầu tư, giúp NVS cải thiện hoạt động và phát triển một cách hiệu quả.

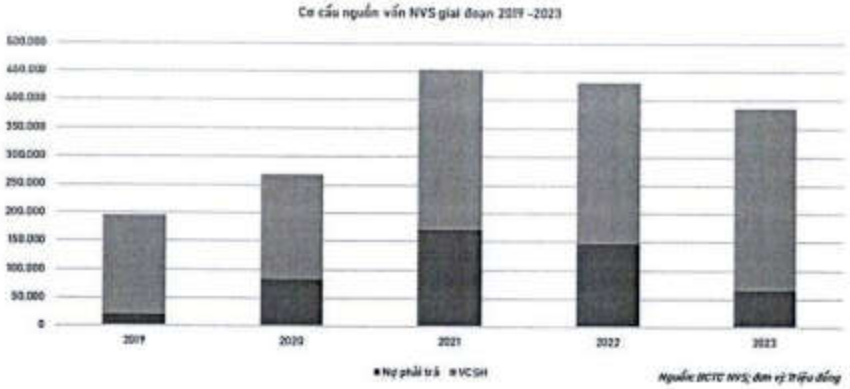

Đối với hoạt động huy động và quản lý nguồn vốn chủ sở hữu của NVS, trong giai đoạn từ 2019 đến nay, NVS đã thực hiện tăng vốn và nâng vốn điều lệ từ 187 tỷ lên 257 tỷ vào năm 2021. Theo đó, tình hình tài chính được tăng cường và tạo tiền đề để NVS mở rộng các hoạt động kinh doanh. Tính đến 31/12/2023, tổng giá trị vốn chủ sở hữu của NVS đạt 321 tỷ đồng với mức tăng trưởng ấn tượng là 13,25% và chiếm 83% tổng cơ cấu nguồn vốn. Theo đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 69 tỷ đồng với mức tăng 116% là kết quả khả qua của NVS sau một năm hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều sự biến động

Với quan điểm thận trọng trong hoạt động kinh doanh, nợ phải trả của NVS được công ty duy trì ở mức thấp trong năm vừa qua. Tổng giá trị khoản nợ phải trả của NVS đạt 65,3 tỷ đồng, giảm 55,5% so với năm 2022. Trong cơ cấu nợ vay, công ty không thực hiện vay nợ dài hạn tại thời điểm báo cáo.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trước những thách thức của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2023. Với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự nhất trí của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, NVS vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi.

Trong năm 2023, tổng doanh thu hoạt động của NVS giảm 32,08% từ mức 135 tỷ xuống còn 91,9 tỷ. Trong đó, doanh thu từ môi giới chứng khoán giảm từ 4,9 tỷ xuống còn 1,6 tỷ đồng.

Nhờ chiến lược hoạt động đúng đắn mà công ty đã vượt qua năm 2023 nhiều sóng gió, trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận, tiếp tục tích lũy kinh nghiệm và nguồn lực cho giai đoạn thị trường hồi phục những năm tiếp theo.

Tại kế hoạch đề ra theo báo cáo của Tổng Giám đốc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, lợi nhuận trước thuế đề ra đạt được là 10,10 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay lợi nhuận trước thuế đạt được là hơn 47 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần so với kế hoạch đã đề ra.

Tuy kết quả ghi nhận doanh thu năm 2023 có sự giảm nhẹ, nhưng chi phí hoạt động đã được giảm đi đáng kể, do vậy đưa đến kết quả lợi nhuận tăng lên.

Xét trong thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 với tính phức tạp, diễn biến khó lường, để một công ty chứng khoán với số vốn điều lệ nhỏ như NVS đạt được mức lợi nhuận tăng mạnh như vậy là sự nỗ lực, cố gắng, phối hợp không ngừng nghỉ từ sự đồng lòng, dốc sức và cố gắng không ngừng nghỉ từ toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong năm 2023.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

-Thông qua cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và năm về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành các tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc Công ty cùng những nỗ lực và đóng góp của toàn thể cán bộ, nhân viên NVS trong việc duy trì kết quả kinh doanh ổn định của năm 2023.

-Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn đánh giá cao những chính sách liên quan đến việc sử dụng lao động, chính sách đãi ngộ và các hoạt động phát triển văn hóa công ty, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong môi trường làm việc, cùng việc đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh Công ty trên thị trường chứng khoán.

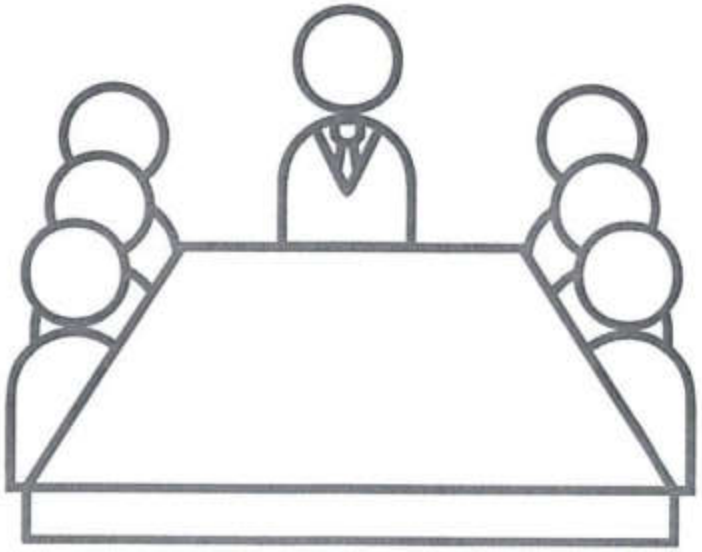

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Triển vọng môi trường kinh doanh 2024

Bức tranh kinh tế vĩ mô năm 2023 mang gam màu khá trầm: các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ duy trì tăng trưởng ổn định, trong khi công nghiệp và xây dựng suy yếu, phản ánh những thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh do lượng đơn hàng sụt giảm trong bối cảnh kinh tế quốc tế không thuận lợi. môi trường kinh tế vĩ mô và dấu hiệu trì trệ của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng bền vững được quan sát trong mỗi quý báo hiệu một triển vọng tích cực, cho thấy triển vọng phục hồi kinh tế trong tương lai gần.

Vào năm 2024, nhiều tổ chức dự báo các dấu hiệu phục hồi kinh tế sẽ quay trở lại, chủ yếu nhờ sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu, dẫn đến tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tăng đầu tư công, chính sách tài khóa mở rộng, chính sách tiền tệ thích ứng và sự phục hồi của người tiêu dùng trong nước thông qua kích thích nhu cầu. Sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô nhiều khả năng sẽ được duy trì và cải thiện hơn nữa trong năm 2024, lạm phát và tỷ giá hối đoái ít chịu áp lực.

Dự báo chỉ số vĩ mô Việt Nam 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024F
Tăng trưởng GDP	% YoY	5,05%	6,0%
CPI trung bình	% YoY	3,25%	3,50%
Tăng trưởng tín dụng	% YTD	13,50%	13,5%-14,5%
Lãi suất huy động 12 tháng	%/năm	5,13%	4,85%-5,35%
Tỷ giá	VND	24269	24600

Nguồn: KBSV

Kế hoạch và chiến lược phát triển

Trong những năm vừa qua, công ty đã và đang hoạt động phát triển theo chiến lược và kế hoạch nhất quán được đề ra bởi Ban Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty. Với sự kiên định và chiến lược hoạt động phù hợp đã giúp NVS vươn lên và vượt qua những biến động của thị trường và ghi nhận được những kết quả nhất định trong thời gian vừa qua. Song song với mỗi bước đi, luôn là một kế hoạch hành động đã đưa NVS bước tiếp thêm một hành trình mới. Xét trong điều kiện thị trường có tính biến động cao, NVS vẫn ghi nhận mức lợi nhuận tích cực dù gặp phải nhiều hạn chế về vốn, nhân lực và công nghệ.
Tuy nhiên trên thực tế, nhiều mảng hoạt động kinh doanh của NVS vẫn luôn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực tế, dẫn các hoạt động này bị ảnh hưởng mạnh khi thị trường thay đổi. Trong năm 2023, môi trường kinh doanh thay đổi, nền điều kiện kinh tế suy giảm, tình hình nhu cầu huy động vốn của các doanh nghiệp dẫn đến thị trường chứng khoán biến động, nhu cầu phát hành mới trong các tháng đầu năm đạt mức thấp.

Do đó, việc chuẩn bị chiến lược và kế hoạch thực hiện là cần thiết để tạo động lực duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh là cần thiết trong giai đoạn sắp tới. Do đó, công ty dự kiến đề ra các kế hoạch phát triển như sau:
Đa dạng hóa sản phẩm nghiệp vụ, đẩy mạnh và phát triển nghiệp vụ môi giới: Với quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng được thay đổi liên tục và đòi hỏi hoạt động môi giới phải thay đổi và phát triển theo xu hướng hiện tại để đáp ứng với những thay đổi và nhu cầu khách hàng. Do đó, đi kèm với đó là nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình nghiệp vụ, đầu tư thay đổi hạ tầng công nghệ để đem đến khách hàng những trải nhiệm giao dịch một cách tốt nhất. Thêm vào đó, công ty cần tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự có trình độ với tinh thần cao để phát triển và mở rộng mạng lưới khách và tạo đà phát triển của nghiệp vụ môi giới.

Tập trung đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ dịch vụ khách hàng tổ chức
1/ Nghiệp vụ tư vấn bảo lãnh phát hành: Nắm bắt theo đà phục hồi của thị trường vốn trong thời gian, Công ty định hướng hoạt động tiếp cận và tư vấn phát hành các khách hàng là các doanh nghiệp hàng đầu, có uy tín và tiềm tài chính vững mạnh. Mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp những giải pháp và dịch vụ toàn diện.
2/ Nghiệp vụ tư vấn đầu tư: Tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng là nhà đầu tư tổ chức, cung cấp các sản phẩm dịch vụ toàn diện. Công ty định hướng, nghiên cứu và mở rộng các mảng tư vấn đầu tư Trái phiếu, đầu tư vốn cổ phần (thông qua các hoạt động đầu tư vốn tư nhân – PE và M&A).
Các nghiệp vụ trên có lợi thế là không cần yêu cầu quá nhiều vốn. Tuy nhiên, việc tuyển dụng nhân sự và chính sách tuyển dụng nhân sự là điều kiện cần thiết để phát triển động ngũ nhân sự chất lượng cao và mở rộng mạng lưới kinh doanh trong lĩnh vực này.

Tập trung đầu tư hạ tầng và chuẩn hóa quy trình mảng tự doanh: Với kinh nghiệm và thế mạnh của công ty trong việc quản lý hoạt động đầu tư và cho vay của mình, mảng hoạt động này đã và đang đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của công ty. Phát triển theo xu hướng thị trường việc các công ty chứng khoán đầu tư và phát triển hoạt động tự doanh đang ngày càng mở rộng thông qua nghiệp vụ cho vay margin. Các hoạt động cho vay của các công ty chứng khoán đã và đang ghi nhận những kết quả tích cực khi quy mô thị trường ngày càng phát triển, lượng nhà đầu tư đang gia nhập thị trường ngày càng tăng qua các năm. Do đó, các hoạt động trên cần bổ sung một lượng vốn lớn, cùng với hạ tầng công nghệ đồng bộ và đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao để thực hiện các công tác quản trị rủi ro và cung cấp nền tảng quy trình và dịch vụ thuận tiện tới khách hàng và hỗ trợ thanh khoản cho các khách hàng.

CHƯƠNG 04.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

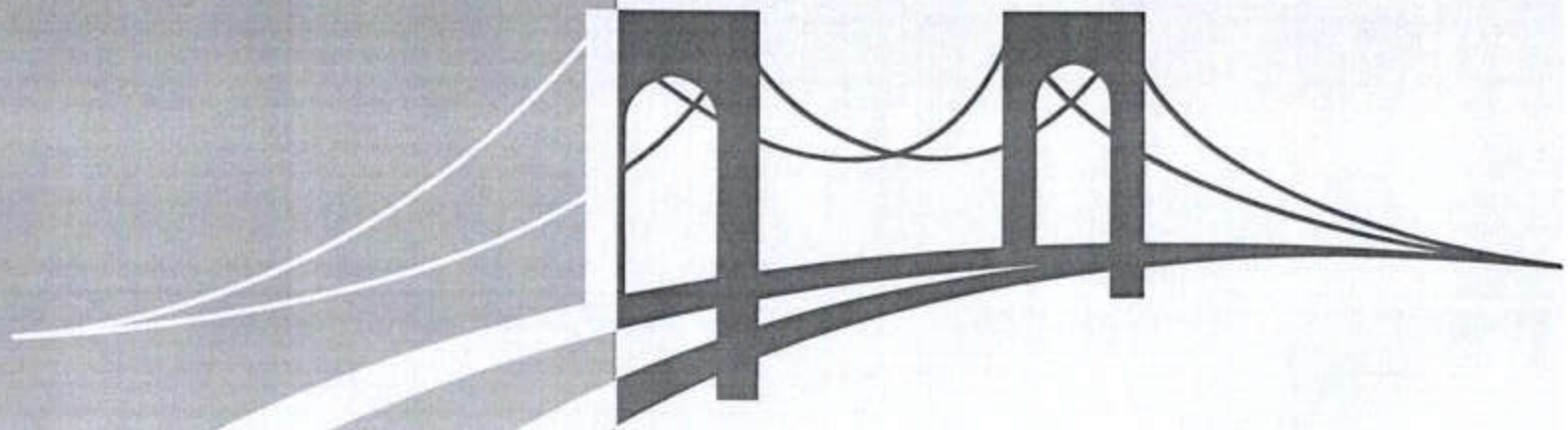

Tiêu thụ nước

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng NVS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực lực không ngừng nghỉ. NVS thường xuyên tuyên truyền thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa.
- Năm 2023, NVS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

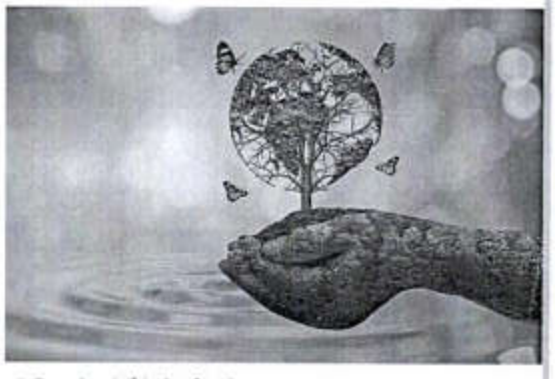

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. NVS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Phòng Hành chính Nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Điều này thể hiện ở việc, trong năm 2023 vừa qua, Công ty chưa có lần xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Chính sách liên quan người lao động

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, NVS còn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo chuyên ngành nhiều cấp độ nhằm giúp đỡ các nhân viên cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị hành trang tốt nhất để đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ.

- Số lượng lao động: Tính đến ngày 31/12/2023, số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 29 người.
- Thu nhập bình quân của người lao động tại NVS khoảng 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

NVS cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng, nơi chúng tôi sống và làm việc.

Ý thức được tác động mà Công ty có thể mang lại cho cộng đồng địa phương, NVS luôn định hướng Công ty và các bộ nhân viên:

- Tích cực tham gia hoạt động từ thiện, ủng hộ các phong trào địa phương, tham gia công tác xã hội;
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp và hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp địa phương, phù hợp với giá trị kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

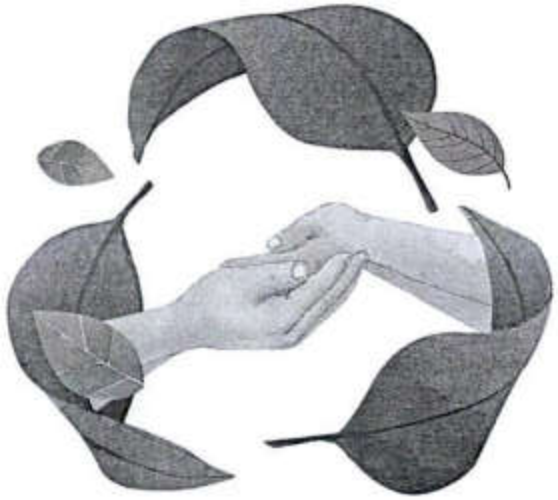

Đối với cán bộ nhân viên

Tại NVS, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của NVS trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đã và đang thiết lập một văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi và kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi của thị trường và của nền kinh tế.

Đối với môi trường

NVS hướng đến một môi trường xanh - sạch - đẹp nơi công sở, hạn chế tối đa việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, CBVN đã có nhiều việc làm, hành động đẹp góp phần lan tỏa những thông điệp ý nghĩa về bảo vệ môi trường, hưởng ứng phong trào "Chống rác thải nhựa" tại Công ty.

Đối với cộng đồng

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại NVS.

Đặc biệt, năm 2023 vừa qua, NVS là một trong số 20 nhà tài trợ của giải chạy SSC Run – Hướng tới tương lai. Đây là giải chạy do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức với mong muốn mang đến cho cộng đồng yêu chạy bộ nói chung và các cá nhân, tập thể Tài chính - Chứng khoán nói riêng một giải chạy chuyên nghiệp từ đó thúc đẩy phong trào thể thao, nâng cao tinh thần và sức khoẻ vì những mục tiêu tốt đẹp cho tương lai. NVS tin rằng việc tham gia, ủng hộ giải chạy SSC Run không chỉ khuyến khích tinh thần thể thao của các cán bộ nhân viên của NVS mà còn thể hiện sự quan tâm của Ban Quản trị Công ty đến sức khỏe người lao động.

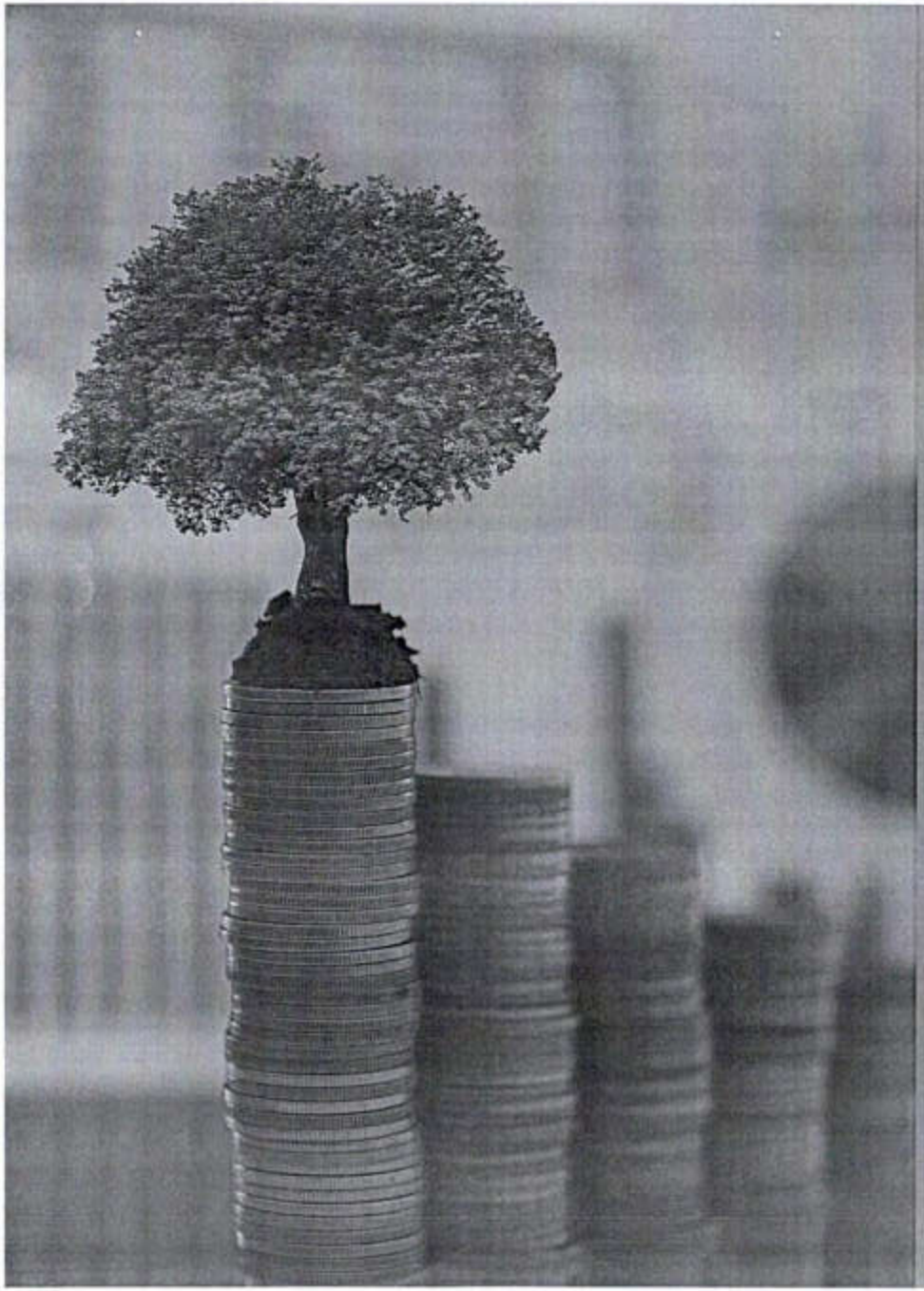

CHƯƠNG 05.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 213/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên	
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Từ trần ngày 26/08/2023
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Từ trần ngày 26/08/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

Số: 290324.070/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 09 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Tuấn Anh	**Nguyễn Trung Kiên**
Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1	Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**376.861.316.819**	**420.230.169.653**
110	**I.**	**Tài sản tài chính**		**376.646.504.071**	**419.955.785.694**
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.006.283.802	145.213.762.021
111.1	1.1	Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
111.2	1.2.	Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	120.190.231.115	205.195.149.201
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	89.000.000.000	10.000.000.000
114	4.	Các khoản cho vay	5	4.173.749.960	19.125.673.000
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	22.629.704.000	22.629.704.000
117	6.	Các khoản phải thu	6	45.450.839.023	17.131.219.163
117.1	6.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		43.179.429.511	13.914.505.050
117.2	6.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.271.409.512	3.216.714.113
117.4	6.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.271.409.512	3.216.714.113
118	7.	Trả trước cho người bán		1.126.413.780	103.063.950
119	8.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	870.719.945	393.842.482
122	9.	Các khoản phải thu khác	6	198.562.446	163.371.877
130	**II.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**214.812.748**	**274.383.959**
133	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	214.812.748	274.383.959
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**9.870.997.264**	**10.349.736.213**
210	**I.**	**Tài sản tài chính dài hạn**		**2.233.488.027**	**2.241.352.628**
212	1.	Các khoản đầu tư	9	3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1	Đầu tư dài hạn khác		3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	10	(1.066.511.973)	(1.058.647.372)
220	**II.**	**Tài sản cố định**		**2.767.357.423**	**3.688.205.723**
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	2.630.995.414	3.418.774.262
222	-	*Nguyên giá*		*10.688.890.173*	*10.345.343.673*
223a	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(8.057.894.761)*	*(6.926.569.411)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	136.362.009	269.431.461
228	-	*Nguyên giá*		*4.980.849.180*	*4.980.849.180*
229a	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(4.844.487.171)*	*(4.711.417.719)*
240	**IV.**	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**95.340.000**	-
250	**V.**	**Tài sản dài hạn khác**		**4.774.811.814**	**4.420.177.862**
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	411.229.036	360.636.400
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	7	348.910.850	288.005.054
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	4.014.671.928	3.771.536.408
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		386.732.314.083	430.579.905.866

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**65.175.630.406**	**146.956.906.541**
310	**I.**	**Nợ phải trả ngắn hạn**		**65.175.630.406**	**146.956.906.541**
318	1.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	95.218.858	39.902.669
320	2.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.000.000.000	37.385.551.364
321	3.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	220.600.000
322	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.662.041.913	5.933.091.075
323	5.	Phải trả người lao động		734.850.000	589.708.333
325	6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.883.416	305.034.771
327	7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		240.000.000	90.000.000
329	8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	40.434.636.219	102.393.018.329
340	**II.**	**Nợ phải trả dài hạn**		-	-
356	0.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	-	-
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**321.556.683.677**	**283.622.999.325**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	19	**321.556.683.677**	**283.622.999.325**
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
417	2.	Lợi nhuận chưa phân phối		69.556.683.677	31.622.999.325
417.1	2.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		82.669.664.363	44.127.859.811
417.2	2.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
440		TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		386.732.314.083	430.579.905.866

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
	A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**			
004	1.	Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	2.	Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000
008	3.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	28.964.390.000	28.964.390.000
012	4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	95.615.030.000	179.712.530.000
	B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**			
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	2.724.849.770.000	1.314.965.070.000
021.1	*a.*	*Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng*		*2.164.107.020.000*	*749.377.320.000*
021.3	*b.*	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*559.200.000.000*	*559.200.000.000*
021.4	*c.*	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*88.750.000*	*88.750.000*
021.5	*d.*	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*1.445.000.000*	*6.099.000.000*
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	1.431.800.000	1.351.270.000
022.1	*a.*	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*1.431.800.000*	*1.351.270.000*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
026	3.	Tiền gửi của khách hàng	24	11.955.154.769	20.459.314.077
027	3.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077
031	4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	11.954.925.626	20.456.640.009
031.1	*4.1*	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*11.954.925.622*	*20.456.640.005*
031.2	*4.2*	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*4*	*4*

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		80.551.398.904	123.899.147.607
01.1		a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	44.916.823.917	67.579.333.625
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.b)	27.496.144.500	39.254.385.500
01.3		c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.c)	8.138.430.487	17.065.428.482
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.c)	6.924.250.959	1.145.463.019
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.c)	763.006.061	1.667.521.049
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	27.c)	-	1.659.903.947
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.579.290.145	4.907.383.657
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		750.000.000	1.113.809.499
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.329.360.741	899.058.174
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác		3.818.181	11.181.813
20		**Cộng doanh thu hoạt động**		**91.901.124.991**	**135.383.468.770**
	II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		28.188.672.873	102.434.214.903
21.1		a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	84.408.173	30.162.029.403
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.b)	28.104.264.700	72.272.185.500
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh		4.568.534.068	14.870.915.317
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.341.910.789	4.615.058.307
28	2.4	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.248.755.387	979.364.167
29	2.5	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		682.808.224	582.458.860
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.175.940.911	933.930.163
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác		23.532.674	52.383.187
40		**Cộng chi phí hoạt động**		**39.230.154.926**	**124.468.324.904**
	III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	28		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		170.473.099	429.348.529
50		**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**170.473.099**	**429.348.529**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**	29		
52	4.1	Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
54	4.2	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.864.601	16.660.251
60		**Cộng chi phí tài chính**		**8.740.217**	**21.956.825**
62	VI.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	30	**11.295.644.904**	**9.708.657.710**
70	VII.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**41.537.058.043**	**1.533.877.860**
	VIII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**			
71	8.1	Thu nhập khác	31	5.872.007.827	950
72	8.2	Chi phí khác	32	225.100.511	12.327.211
80		**Cộng kết quả hoạt động khác**		**5.646.907.316**	**(12.326.261)**
90	IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**47.183.965.359**	**1.521.551.599**
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện		47.792.085.559	34.539.351.599
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(608.120.200)	(33.017.800.000)
100	X.	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	33	**9.250.281.007**	**318.900.842**
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	9.250.281.007	4.421.535.811
100.2	10.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	-	(4.102.634.969)
200	XI.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**37.933.684.352**	**1.202.650.757**
500		**XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	35	1.505	48

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phạm Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp*		*47.183.965.159*	*1.521.551.599*
02	*2. Điều chỉnh cho các khoản*		*1.102.661.918*	*565.090.097*
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.264.394.800	972.481.801
04	- Các khoản dự phòng		7.864.601	16.660.251
06	- Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.473.099)	(429.348.529)
10	*3. Tăng các chi phí phi tiền tệ*		*28.104.264.700*	*72.272.185.500*
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		28.104.264.700	72.272.185.500
18	*4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ*		*(27.496.144.500)*	*(39.254.385.500)*
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(27.496.144.500)	(39.254.385.500)
30	*5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*(100.833.812.295)*	*(53.426.022.461)*
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		84.396.797.886	(59.764.901.605)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(79.000.000.000)	2.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		14.951.923.040	(2.681.904.179)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	41.352.844.488
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(29.264.924.461)	(13.914.505.050)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		945.304.601	(1.367.347.272)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(697.477.463)	136.977.199
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(35.190.569)	44.080.138
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(293.728.156)	(279.617.286)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(296.397.930)	239.599.594
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.334.585)	270.074.348
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.821.464.809)	(1.331.709.493)
44	- Lãi vay đã trả		(629.041)	(7.222.602)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(18.408.901.194)	(44.666.616.502)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.699.865.360)	(1.300.525.167)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		145.141.667	140.624.999
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(61.753.065.921)	27.704.125.929
60	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(51.919.064.818)*	*(18.321.580.765)*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(438.886.500)	(1.243.523.300)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		170.473.099	429.348.529
70	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(268.413.401)*	*(814.174.971)*
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	2. Tiền vay gốc		5.900.000.000	7.700.000.000
73.2	2.1 Tiền vay khác		5.900.000.000	7.700.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
80	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		-	*(5.000.000.000)*
90	**IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm**		**(52.287.478.219)**	**(24.135.755.736)**
101	**V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**145.213.762.021**	**169.349.517.757**
101.1	- Tiền		66.213.762.021	160.349.517.757
101.2	- Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	9.000.000.000
103	**VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	4	**93.006.283.802**	**145.213.762.021**
103.1	- Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
103.2	- Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		435.152.284.560	1.397.934.657.860
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(342.451.586.610)	(1.033.420.543.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(100.776.344.439)	(373.720.500.637)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(428.512.819)	(512.936.021)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.093.020.992	2.573.096.267
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.093.020.992)	(2.573.096.267)
20	***Tăng/giảm tiền thuần trong năm***		**(8.504.159.308)**	**(9.719.321.798)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**20.459.314.077**	**30.178.635.875**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		20.459.314.077	30.178.635.875
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		20.459.314.077	30.178.635.875
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**	**24**	**11.955.154.769**	**20.459.314.077**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		11.955.154.769	20.459.314.077
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077

Nguyễn Thúy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thạo Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm 01/01/2022 VND	Số dư đầu năm 01/01/2023 VND	Số tăng/giảm Năm 2022 Tăng VND	Số tăng/giảm Năm 2022 Giảm VND	Số tăng/giảm Năm 2023 Tăng VND	Số tăng/giảm Năm 2023 Giảm VND	Số dư cuối năm 31/12/2022 VND	Số dư cuối năm 31/12/2023 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
2. Lợi nhuận sau phân phối		30.420.348.568	31.622.999.325	1.202.650.757	-	37.833.684.352	-	31.622.999.325	68.596.683.677
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		14.010.044.023	44.127.829.811	30.117.815.788	-	18.541.804.592	-	44.127.829.811	82.669.654.363
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		16.410.304.545	(12.504.860.486)	(28.915.165.031)	-	(508.120.200)	-	(12.504.860.486)	(13.112.980.686)
TỔNG CỘNG		282.420.348.568	283.622.999.325	1.202.650.757	-	37.833.684.352	-	283.622.999.325	321.596.683.677

Nguyễn Thúy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phạm Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 252.000.000.000 đồng; tương đương 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 30 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tương đối khởi sắc so với năm ngoái. Trong năm nay, Công ty ghi nhận chênh lệch lãi/lỗ về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL tăng 32,41 tỷ đồng; chênh lệch lãi/ lỗ về bán các tài sản tài chính FVTPL tăng 7,41 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí môi giới của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm ngoái do khối lượng trái phiếu giao dịch qua môi giới giảm dẫn đến chi phí hoạt động tự doanh giảm 69,28% so với cùng kỳ năm trước. Do đó lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoại bảo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cũng phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tính tính tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản sự bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phải bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

2.6 . Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: phản ánh số tiền hoặc giá trị tài sản mà các doanh nghiệp/công ty đem đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại các doanh nghiệp, hoặc các tổ chức khác trong các quan hệ kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

Các khoản tiền, tài sản đem cầm cố, thế chấp ký quỹ, ký cược phải được theo dõi chặt chẽ và kịp thời thu hồi khi hết thời hạn cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Trường hợp các khoản ký quỹ, ký cược Công ty được quyền nhận lại nhưng quá hạn thu hồi thì doanh nghiệp được trích lập dự phòng như đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.

Công ty theo dõi chi tiết các khoản cầm cố, thế chấp ký cược, ký quỹ theo từng loại, từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Khi lập Báo cáo tài chính, những khoản có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là tài sản ngắn hạn; Những khoản có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là tài sản dài hạn.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá lũy các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là:

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

2.20 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

2.21 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	**9.979.619**	**5.075.797.985.646**
- Trái phiếu	9.979.619	5.075.797.985.646
Của nhà đầu tư	**44.021.307**	**841.688.941.290**
- Cổ phiếu	44.021.307	841.688.941.290
	54.000.926	**5.917.486.926.936**

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	62.697.000	4.394.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	66.443.586.802	66.209.368.021
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	79.000.000.000
	93.006.283.802	145.213.762.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,30%/năm đến 4,75%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	51.818.802.200	64.931.782.886	52.426.922.400
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	67.161.416.009	67.161.416.009	152.768.226.801	152.768.226.801
Trái phiếu niêm yết (**)	1.210.012.906	1.210.012.906	-	-
	133.303.211.801	120.190.231.115	217.700.009.687	205.195.149.201

(*) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2020 có giá gốc là 41.858.324.579 đồng có thời hạn là 04 năm kể từ ngày phát hành 15/08/2020 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,5%/năm;
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tonkin Land có giá gốc là 22.238.741.721 đồng, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành 06/05/2022 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,2%/năm;
- Trái phiếu TPNVLH2224006 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Địa ốc No Va có giá gốc là 3.064.349.709 đồng có thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15/03/2022 với lãi suất cố định là 10,50%/năm; Thời gian đáo hạn được gia hạn thêm 2 năm, đến ngày 15/3/2026. Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn sau khi điều chỉnh. Sau điều chỉnh thời gian đáo hạn, lãi suất cố định của lô trái phiếu là 11,5%/năm, toàn bộ tiền lãi trong thời gian điều chỉnh ngày đáo hạn sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

(**) Trái phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2021 có giá gốc là 1.210.012.906 đồng có thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15/09/2021 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 10,5%/năm;

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023

Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư do mã trái phiếu này chưa có giao dịch trên thị trường.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000
	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	89.000.000.000	10.000.000.000
	89.000.000.000	10.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,9% - 7,0%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	2.440.169.960	13.116.964.000
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.733.580.000	6.008.709.000
	4.173.749.960	19.125.673.000

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bên các khoản đầu tư	43.179.429.511	13.914.505.050
Các khoản phải thu về dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.260.131.932	3.097.664.752
Phải thu lãi hoạt động Margin	11.277.580	119.049.361
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	870.719.945	393.842.482
- *Phải thu phí lưu ký cho nhà đầu tư*	*870.719.945*	*393.842.482*
Phải thu khác	198.562.446	163.371.877
- *Phải thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán*	*197.692.795*	*161.683.616*
- *Phải thu khác*	*869.651*	*1.688.261*
	46.520.121.414	**17.688.433.522**

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	929.855	25.223.400
Chi phí thuê văn phòng	200.614.518	194.356.245
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.268.375	54.804.314
	214.812.748	**274.383.959**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	84.861.996	116.880.041
Phí bản quyền phần mềm máy tính	62.391.499	2.694.452
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	43.891.170	-
Cước internet trọn gói	54.306.149	66.608.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.460.045	101.821.603
	348.910.850	**288.005.054**

8 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

b) Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	401.229.036	358.636.400
Đặt cọc thuê taxi	10.000.000	10.000.000
	411.229.036	**368.636.400**

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
	3.300.000.000	3.300.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chuyển hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngọc xá lợi.

10 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	1.066.511.973	1.058.647.372
	1.066.511.973	1.058.647.372

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty này.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	1.611.007.273	8.734.336.402	10.345.343.675
Mua trong năm	-	343.546.500	343.546.500
Tại ngày 31/12/2023	1.611.007.273	9.077.882.902	10.688.890.175
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	1.194.830.429	5.731.738.984	6.926.569.413
Khấu hao trong năm	241.651.098	889.674.250	1.131.325.348
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	1.436.481.527	6.621.413.234	8.057.894.761
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	416.176.844	3.002.597.418	3.418.774.262
Tại ngày 31/12/2023	174.525.746	2.456.469.668	2.630.995.414

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.443.777.720 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Tại ngày 31/12/2023	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	4.501.865.219	209.552.500	4.711.417.719
Khấu hao trong năm	133.069.452	-	133.069.452
Tại ngày 31/12/2023	4.634.934.671	209.552.500	4.844.487.171
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	269.431.461	-	269.431.461
Tại ngày 31/12/2023	136.362.009	-	136.362.009

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.760.849.180 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.155.994.895	2.074.542.991
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.738.677.033	1.576.993.417
Số dư cuối năm	4.014.671.928	3.771.536.408

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	17.938.319	
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	77.280.539	39.902.669
	95.218.858	39.902.669

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán Smartinvest	20.000.000.000	36.721.044.000
Phải trả các đối tượng khác	-	664.507.364
	20.000.000.000	37.385.551.364

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	20.000.000.000	37.326.581.044
Phải trả cho người bán khác	-	58.970.320
	20.000.000.000	37.385.551.364

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.460.002
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.406.075.827	3.977.259.629
Thuế Thu nhập cá nhân	255.966.086	1.954.371.444
	3.662.041.913	**5.933.091.075**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

a) **Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	246.575	-
Trích trước chi phí giao dịch	-	54.269.278
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	8.636.841	250.765.493
	8.883.416	**305.034.771**

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

a) **Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	38.890.585.934	102.383.450.047
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.544.050.285	9.568.282
	40.434.636.219	**102.393.018.329**

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
		VND		VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02%	17.700.000.000	7,02%	17.700.000.000
Nguyễn Sơn	0,00%	-	33,47%	84.350.000.000
Quách Thị Nga	16,99%	42.800.000.000	16,99%	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	16,73%	42.150.000.000	16,73%	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79%	65.000.000.000	25,79%	65.000.000.000
Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	30,69%	77.350.000.000	0,00%	-
Huỳnh Nguyễn Tiến Bách	2,78%	7.000.000.000	0,00%	-
	100%	**252.000.000.000**	**100%**	**252.000.000.000**

b) **Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận chưa thực hiện	(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
	69.556.683.677	**31.622.999.325**

c) **Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	44.127.859.811	14.010.844.023
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(608.120.200)	(28.915.165.031)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	38.541.804.552	30.117.815.788
Có sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	**82.669.664.363**	**44.127.859.811**

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.964.390.000	28.964.390.000
	28.964.390.000	**28.964.390.000**

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	95.615.030.000	179.712.530.000
	95.615.030.000	**179.712.530.000**

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.164.107.020.000	749.577.320.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	559.200.000.000	559.200.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	88.750.000	88.750.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.445.000.000	6.099.000.000
	2.724.840.770.000	**1.314.965.070.000**

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.431.800.000	1.351.270.000
	1.431.800.000	**1.351.270.000**

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1. Nhà đầu tư trong nước	11.955.154.765	20.459.314.073
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	11.955.154.769	**20.459.314.077**

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1.1 Nhà đầu tư trong nước	11.954.925.622	20.456.640.005
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	11.954.925.626	20.456.640.009

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	**2.451.447.540**	**13.236.013.361**
1.1 Phải trả gốc margin	2.440.169.960	13.116.964.000
Nhà đầu tư trong nước	*2.440.169.960*	*13.116.964.000*
1.2 Phải trả lãi margin	11.277.580	119.049.361
Nhà đầu tư trong nước	*11.277.580*	*119.049.361*
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	**1.733.580.000**	**6.008.709.000**
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.733.580.000	6.008.709.000
Nhà đầu tư trong nước	*1.733.580.000*	*6.008.709.000*
	4.185.027.540	**19.244.722.361**

27 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá bán VND	Giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán niêm yết Lãi VND	Lỗ VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán chưa niêm yết Lãi VND	Lỗ VND
Trái phiếu niêm yết	5.370.700	2.602.513.599.024	2.597.681.183.894	44.918.823.917	84.408.173	44.918.823.917	84.408.173
		2.602.513.599.024	2.597.681.183.894	44.918.823.917	84.408.173	44.918.823.917	84.408.173

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ đầu kỳ VND	Giá trị hợp lý cuối kỳ VND	Chênh lệch đánh giá lại tăng VND	Chênh lệch đánh giá lại giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại số dư cuối kỳ VND
FVTPL	1.317.961.712	1.237.553.539	80.408.173	84.408.173	(4.000.000)
Cổ phiếu niêm yết	1.317.961.712	1.237.553.539	80.408.173	84.408.173	(4.000.000)

c) **Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	8.138.430.487	17.065.428.482
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6.924.250.959	1.145.463.019
Từ các khoản cho vay	763.006.061	1.667.521.049
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	1.659.903.972
	15.825.687.507	21.538.316.522

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	170.473.099	429.348.529
	170.473.099	429.348.529

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	875.616	5.296.574
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.864.601	16.660.251
	8.740.217	21.956.825

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	7.180.103.057	5.535.749.966
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	331.068.000	259.760.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.154.676	109.189.525
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	187.550.724	192.677.337
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	9.325.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.903.767.772	2.816.552.590
Chi phí khác	603.998.675	785.403.292
	11.295.644.904	9.708.657.710

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	5.872.005.575	-
Các khoản khác	2.252	950
	5.872.007.827	950

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	225.015.253	-
Các khoản khác	85.258	12.327.211
	225.100.511	12.327.211

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

33.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.183.965.359	1.521.551.599
Các khoản điều chỉnh tăng	46.184.982	20.585.664.067
- *Chi phí không hợp lệ*	*46.184.982*	*72.489.221*
- *Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC*	-	*20.513.174.846*
Các khoản điều chỉnh giảm	(992.246.266)	(40.500)
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(71.600)*	*(40.500)*
- *Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC*	*(992.174.666)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.237.904.075	22.107.175.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.247.580.815	4.421.435.033
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	2.700.192	100.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.977.259.629	887.433.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.821.464.809)	(1.331.309.493)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.406.075.827	3.977.259.629

34.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	4.102.634.969
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	-	-

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	-	(4.102.634.969)

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	37.933.684.352	1.202.650.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.933.684.352	1.202.650.757
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	25.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.505**	**48**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	120.190.231.115	-	-	120.190.231.115
	120.190.231.115	-	-	**120.190.231.115**
Tại ngày 01/01/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	205.195.149.201	-	-	205.195.149.201
	205.195.149.201	-	-	**205.195.149.201**

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.943.586.802	-	-	92.943.586.802
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.000.000.000	-	-	89.000.000.000
Các khoản cho vay	4.173.749.960	-	-	4.173.749.960
Các khoản phải thu	46.520.121.414	-	-	46.520.121.414
	232.637.458.176	-	-	**232.637.458.176**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.209.368.021	-	-	145.209.368.021
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	19.125.673.000	-	-	19.125.673.000
Các khoản phải thu	17.688.433.522	-	-	17.688.433.522
	192.023.474.543	-	-	**192.023.474.543**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	60.529.855.077	-	-	60.529.855.077
Chi phí phải trả	8.883.416	-	-	8.883.416
	60.538.738.493	-	-	60.538.738.493

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	139.818.472.362	-	-	139.818.472.362
Chi phí phải trả	305.034.771	-	-	305.034.771
	140.123.507.133	-	-	140.123.507.133

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.908.650.886	80.551.398.904	8.441.075.201	91.901.124.991
Chi phí hoạt động	4.517.851.700	32.757.206.941	1.955.096.285	39.230.154.926
Doanh thu không phân bổ				170.473.099
Chi phí không phân bổ				11.304.385.121
Kết quả hoạt động	(1.609.200.814)	47.794.191.963	6.485.978.916	41.537.058.043

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.885.391.873	142.819.935.115	138.823.151.429	286.528.478.417
Tài sản không phân bổ				100.203.835.666
Tổng tài sản	4.885.391.873	142.819.935.115	138.823.151.429	386.732.314.083
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	95.218.858	20.095.218.858
Nợ phải trả không phân bổ				45.080.411.548
Tổng nợ phải trả	-	20.000.000.000	95.218.858	65.175.630.406

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.739.000.000	3.738.000.000
(Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2022 và năm 2023)		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thùy Dung	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phan Anh Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tư duy cũ không thể có không gian mới.

Để có những nấc thang phát triển mới, cách thức phát triển mới, bên cạnh đầu vào, phải cần thêm yếu tố để tăng trưởng bền vững, chất lượng, có khả năng chống chọi với sự biến động của thị trường.

Muốn phát triển nhanh, phát triển mạnh để bắt kịp với đà tiến chung của khu vực và thế giới cần phải có một tìm nhìn rộng mở trong một không gian phát triển mới dài rộng, thoáng đãng, cởi mở, cạnh tranh sôi nổi và bình đẳng.

Năm 2024 là năm mà Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên NVS cùng hướng đến những mục tiêu mới, đổi mới tầm nhìn, mở rộng kết nối đến nhà đầu tư - đến đối tác - và tiến đến hội nhập với sự phát triển của công nghệ mới. Mục tiêu của NVS không chỉ dừng lại ở việc ổn định, mà phải đồng thời song hành với sự phát triển, tân tiến, tính bảo mật cao mang đến những trải nghiệm ưu việt cho Khách hàng.

Kính cảm ơn các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bổ nhân viên đã gắn bó, đồng hành với sự nghiệp phát triển của NVS trong thời gian qua. Trong những năm tới đây, NVS mong rằng quý vị sẽ tiếp tục cùng ủng hộ, đồng hành và chứng kiến NVS trên con đường phát triển và trở nên lớn mạnh hơn mỗi ngày.

Trân trọng.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*****

Số: 02/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính, Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty trong năm 2024, cụ thể:

+ Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

+ Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);

+ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Đây là ba tổ chức kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán, hoàn toàn độc lập với Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty.

Để việc lựa chọn đơn vị kiểm toán được hiệu quả, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Tổng Giám đốc đánh giá, quyết định lựa chọn một trong ba Công ty nêu trên làm đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty trong năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
*****
Số: 03/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2023

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán,*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023 như sau:

Tổng hợp thu nhập của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nhiệp	**47.183.965.359**
1.1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	47.792.085.559
1.2	Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	(608.120.200)
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**9.250.281.007**
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**37.933.684.352**

Căn cứ vào kết quả quả kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trích lập các quỹ và sử dụng lợi nhuận như sau:

I. Phương án trích lập các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh hiện nay của Công ty đang rất thấp so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường, ảnh hưởng rất nhiều tới khả năng cạnh tranh cũng như khả năng nắm bắt được các cơ hội sinh lời. Trong điều kiện các cổ đông chưa có kế hoạch tăng vốn cho công ty, Hội đồng quản trị xét thấy cần tập trung nguồn lực từ lợi nhuận sau thuế cho việc phát triển kinh doanh của Công ty. Do đó Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông phân quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động đưa ra quyết định việc trích lập quỹ hoặc không trích lập quỹ, quyết định về thời điểm trích lập quỹ và số tiền trích lập quỹ, với điều kiện tổng số tiền trích lập và các quỹ trích lập không vượt quá mức dự kiến như sau:

1. Quỹ phúc lợi: tối đa 1,5% tính trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.
2. Quỹ khen thưởng: tối đa 3,5% tính trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.

II. Phương án sử dụng lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*****

Số: 04/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);*
- *Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Chi tiết sửa đổi tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

Nơi nhận:

- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Kèm theo tờ trình số 03/2024/NVS/TT-HĐQT về sửa đổi Điều lệ Công ty)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Lí do sửa đổi
1	**Điểm i khoản 1 Điều 1**	Chưa có	"Điều lệ" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được ban hành theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	Bổ sung định nghĩa về "Điều lệ" để thống nhất trong quá trình sử dụng lại định nghĩa này ở phần nội dung của Điều lệ
2	**Điểm a khoản 3 Điều 2**	Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.	Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Bổ sung "Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam" để đúng với địa chỉ được ghi nhận trong Giấy Đăng ký kinh doanh của Công ty
3	**Khoản 2 Điều 12**	Giao dịch chuyển nhượng cổ phần để trở thành cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.	Bỏ nội dung này.	Cập nhật phù hợp với quy định hiện hành.
4	**Khoản 4 Điều 29**	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 8.5 Điều 8 Quy chế

		thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2022.
5	**Khoản 8 Điều 29**	Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Xóa bỏ.	Bỏ nội dung này vì bị lặp lại nội dung tại phần đầu của khoản 8
6	**Điểm h khoản 2 Điều 35**	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 22, khoản 1, 3 Điều 52 Điều lệ này	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều 22, khoản 1, 3 Điều 53 Điều lệ này	Sửa đổi điều khoản tham chiếu sai.
7	**Điểm a khoản 6 Điều 35**	• Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây: o Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định. o Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.	• Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.	Do nội dung này được quy định chi tiết tại Điều 38 của Điều lệ nên lược bỏ nội dung chi tiết tại điều khoản này và dẫn chiếu tới quy định tại Điều 38 của Điều lệ.

		• Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.		
8	**Điểm b khoản 1 Điều 37**	Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 17 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	Sửa đổi điều khoản tham chiếu sai.
9	**Khoản 8 Điều 37**	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 8 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 7 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày	Sửa đổi điều khoản tham chiếu sai.

		độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
10	**Điểm b khoản 8 Điều 39**	Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 17 Điều này.	Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 14 Điều này	Sửa đổi điều khoản tham chiếu sai.
11	**Khoản 1 Điều 45**	Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 01 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.	Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021

HẾT./.

NAVIBANK Securities

Số: 07/2024/NVS/QĐ-CTHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Giấy phép hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024.

Điều 2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Điều lệ được ban hành trước đây.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu P.HC-NS.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----***----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ 5

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 6

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ 6

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC PHÁP LÝ, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 7

CHƯƠNG III PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 8

ĐIỀU 4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 8
ĐIỀU 5. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 8
ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG 8
ĐIỀU 7. QUYỀN CỦA CÔNG TY 9
ĐIỀU 8. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 9
ĐIỀU 9. CÁC QUY ĐỊNH VỀ CẤM VÀ HẠN CHẾ 11

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN 11

ĐIỀU 10. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 11
ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU 12
ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN 12
ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN 12
ĐIỀU 14. CÁCH THỨC TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ 13

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY 13

ĐIỀU 15. BỘ MÁY QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY 13

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 13

ĐIỀU 16. CỔ ĐÔNG 13
ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG CÔNG TY 14
ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG 15
ĐIỀU 19. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO UỶ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG 15
ĐIỀU 20. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG 16
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17
ĐIỀU 22. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17
ĐIỀU 23. TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17
ĐIỀU 24. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
ĐIỀU 25. THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
ĐIỀU 26. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 19
ĐIỀU 27. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 20
ĐIỀU 28. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 20
ĐIỀU 29. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 21

ĐIỀU 30. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 22
ĐIỀU 31. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 22
ĐIỀU 32. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 23
ĐIỀU 33. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 25
ĐIỀU 34. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 25

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 26

ĐIỀU 35. THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 26
ĐIỀU 36. SỐ LƯỢNG VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 29
ĐIỀU 37. ĐỀ CỬ NGƯỜI VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 29
ĐIỀU 38. THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30
ĐIỀU 39. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP 31
ĐIỀU 40. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 33
ĐIỀU 41. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 33

CHƯƠNG VIII ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 35

ĐIỀU 42. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN 35
ĐIỀU 43. THÀNH PHẦN ỦY BAN KIỂM TOÁN 35
ĐIỀU 44. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN 35
ĐIỀU 45. CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN 36

CHƯƠNG IX TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO 36

ĐIỀU 46. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ 36
ĐIỀU 47. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 36
ĐIỀU 48. TỔNG GIÁM ĐỐC 37
ĐIỀU 49. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC 37
ĐIỀU 50. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 38
ĐIỀU 51. BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRỰC THUỘC TỔNG GIÁM ĐỐC 39
ĐIỀU 52. BỘ PHẬN QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 40

CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ 40

ĐIỀU 53. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN 40
ĐIỀU 54. NHIỆM VỤ CẨN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ 41
ĐIỀU 55. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI 41
ĐIỀU 56. TRÁCH NHIỆM VỀ THIỆT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG 42

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 43

ĐIỀU 57. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 43

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 43

ĐIỀU 58. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 43

CHƯƠNG XIII NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 44

ĐIỀU 59. NĂM TÀI CHÍNH 44
ĐIỀU 60. HỆ THỐNG KẾ TOÁN 44
ĐIỀU 61. KIỂM TOÁN 44

ĐIỀU 62. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 44
ĐIỀU 63. XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH 45
ĐIỀU 64. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ HÀNG NĂM 45

CHƯƠNG XIV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 45

ĐIỀU 65. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 45

CHƯƠNG XV DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 46

ĐIỀU 66. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 46

CHƯƠNG XVI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN 47

ĐIỀU 67. CÁC TRANH CHẤP CÓ THỂ XẢY RA 47
ĐIỀU 68. CÁCH XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 47
ĐIỀU 69. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY 48
ĐIỀU 70. GIẢI THỂ 48
ĐIỀU 71. THANH LÝ 48
ĐIỀU 72. PHÁ SẢN 49

CHƯƠNG XVII SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 49

ĐIỀU 73. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 49

CHƯƠNG XVIII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ 49

ĐIỀU 74. NGÀY HIỆU LỰC 49

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Nghị quyết số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (tên đầy đủ bằng tiếng Việt của Công ty);
   b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
   c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
   d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
   e. "Người quản lý Công ty" bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh (nếu có) và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này nhưng không bao gồm các cá nhân được ủy quyền nhân danh ký kết;
   f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
   g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   h. "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   i. "Điều lệ" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được ban hành theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

   Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
   a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
   b. Tên tiếng Anh: Navibank Securities Joint Stock Company
   c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

d. Tên viết tắt: NVS hoặc Navibank Securities

2. Công ty là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty:

   a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

   b. Điện thoại: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775 Email: contact@nvs.vn

   c. Địa chỉ trang web: www.nvs.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

   a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;

   b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

   c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

   d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Trừ trường hợp giải thể theo quy định tại Điều lệ này hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

   Trường hợp Công ty có từ hai người đại diện theo pháp luật trở lên, mỗi người đại diện theo pháp luật giữ toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật. Ngoài ra, mỗi người đại diện theo pháp luật phải đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của chức vụ trong Công ty mà mình kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam quá 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

CHƯƠNG III
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
   a. Môi giới chứng khoán;
   b. Tự doanh chứng khoán;
   c. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
   d. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
   a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
   c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
   d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
   e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
   f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
   g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
   h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
   i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c. Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy

đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j. Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
- Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
  - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
  - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **252.000.000.000 VND** (bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng). Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 25.200.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.
4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông

quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

   a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

   b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Mua lại cổ phần

1. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

   a. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

   b. Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng, giảm vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn Điều lệ của Công ty:
   a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
   b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
   c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
   d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
   e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo Điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 15. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Công ty. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông sáng lập là cổ đông mua cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty đã được thành lập và đi vào hoạt động hơn 03 năm, do đó, toàn bộ những hạn chế đối với cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ theo quy định của pháp luật.
3. Cơ cấu góp vốn của các cổ đông tại từng thời điểm được căn cứ vào sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm tương ứng. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán tập trung thì cơ cấu cổ đông tại từng thời điểm căn cứ vào danh sách cổ đông do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp tại thời điểm tương ứng.

Điều 17. Quyền của cổ đông phổ thông Công ty

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
4. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
5. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;
7. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
8. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:
   a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
   b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.

      Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
   c. Quyền khác theo quy định của pháp luật.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
11. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng

quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
7. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của công ty và các cổ đông khác;
8. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:
   a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;
   b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định: Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c. Thành viên, cổ đông là công ty có cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Sổ đăng ký sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: bằng văn bản và/hoặc tệp dữ liệu điện tử.

4. Sổ cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty (hoặc có thể được lưu giữ tại cả Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, nếu cần).

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu trữ có hiệu lực.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
3. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
7. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán của mỗi loại;
8. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
9. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
10. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
12. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp
   a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
   b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Hội đồng quản trị phải báo cáo UBCK bằng văn bản xin gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
   a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
      - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
      - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

d. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Công ty.

Điều 25. Thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

   a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

   b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

   c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

   Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

   - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng

vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Công ty đăng tải tài liệu họp theo thông báo mời họp lên trang thông tin điện tử của Công ty (thay thế cho việc gửi bằng phương thức bảo đảm), thông báo mời họp sẽ được ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đọng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
   b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp (nếu kiến nghị không thuộc các trường hợp từ chối theo Khoản 3 Điều này), kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
5. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không thay đổi.
6. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c. Chủ tọa cử một Thư ký để lập biên bản đại hội;
   d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng hợp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Đại hội cổ đông có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện do Hội đồng quản trị triệu tập họp căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các cổ đông đăng ký dự họp có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 31. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

   Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

   Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của Công ty;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh

nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

6. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của Công ty;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty có thể đăng tải biên bản kiểm phiếu lên trang thông tin điện tử của Công ty thay thế cho việc gửi biên bản kiểm phiếu tới cổ đông.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp nghị quyết đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 9 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

   d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

   e. Quyết định mua lại theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;

   f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

   g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

   h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều 22, khoản 1, 3 Điều 53 Điều lệ này;

   i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

   j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

   k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

   l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

   m. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

   n. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

   o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

p. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng giám đốc và Tổng giám đốc đệ trình (nếu có);

t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;

u. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Công ty hoặc Người quản lý bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
- Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu;
- Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị;
- Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khác hàng.

v. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

5. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:
    - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
    - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
    - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:
        - Thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Công ty hoặc Người quản lý Công ty;
        - Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc phân công người có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và báo cáo cho người tiếp nhận biết;
        - Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, người tiếp nhận phải hoàn thành việc cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời báo cáo với quản lý cấp trên trực tiếp về việc thực hiện công việc này.
- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
    - Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
    - Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.
- Quyền khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

b. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị
   a. Hội đồng quản trị của Công ty có ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên.
   b. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên.
   c. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 20% số lượng thành viên là thành viên độc lập.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
   a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
   b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
   c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:
   a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
   b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 17 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu được đề cử 01 thành viên;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;
   c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên;
   e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

   a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp.

   b. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

   c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

   d. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

   e. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

   b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

   c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

   d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

   e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 7 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp 01 (một) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày trong các trường hợp sau đây:

   a. Nhận được đề nghị của thành viên độc lập;

   b. Nhận được đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

   c. Nhận được đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

   d. Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Ủy ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 14 Điều này.

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

    b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

    Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 32 Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như

nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.

12. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

14. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 37 của Điều lệ này;
   b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
   c. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
   a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
   b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.
4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông mà không phải phê chuẩn lại hàng năm tại cuộc họp thường niên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

   f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;

   g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;

   h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc;

   i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

   j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

   k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

   l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

   m. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

   n. Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

   a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

   b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII
ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là Người quản lý Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 43. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và:
   a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
   b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
   c. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
   d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
3. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
4. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
5. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

6. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
7. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
8. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có 01 (một) phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

CHƯƠNG IX
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Tổng Giám đốc công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 47. Ban Tổng giám đốc

1. Ban Tổng giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
2. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
   a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
   b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
   c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:
3. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
   a. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
      (i) Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng

Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. (Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn);

(ii) Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

(i) Thực hiện trách nhiệm của Người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật; Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

(ii) Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo các quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

(iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối;

(v) Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Điều 48. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật.
2. Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất 03 (ba) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 (ba) năm.
3. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
4. Không bị UBCK xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 (hai) năm gần nhất.
5. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác, không được là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
6. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng giám đốc công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) người khác làm Tổng giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
f. Kiến nghị phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
g. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty; trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị;
h. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
i. Tuyển dụng lao động;
j. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
k. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1, 3 Điều 53 Điều lệ này.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này;

b. Có đơn xin từ chức;

c. Theo quyết định biểu quyết tán thành của từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

Điều 51. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

   a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;

   b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

   c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

   d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

   e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

   f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

   g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

   h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

   a. Bố trí tối thiểu một (01) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

   b. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

   c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

   d. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

   e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

   f. Yêu cầu khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hoạt động kiểm soát nội bộ của công ty được tiến hành thông qua các đợt kiểm soát nội bộ định kỳ và bất thường.

4. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải thường xuyên và liên tục để chủ động đánh giá mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật; các quy định, quy trình của Công ty.

Điều 52. Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Nhiệm vụ của bộ phận Quản trị rủi ro:
   a. Báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, của Công ty về quản trị rủi ro tại các bộ phận, đơn vị của Công ty;
   b. Xem xét các quy định, quy trình đang được áp dụng để đảm bảo việc phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro theo các quy định về quản trị rủi ro của Pháp luật và Công ty. Đưa ra các báo cáo, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro;
   c. Tham gia khắc phục rủi ro khi xảy ra rủi ro;
   d. Theo dõi tình hình thị trường, cập nhật các chính sách, các văn bản pháp luật để kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại Công ty;
   e. Đề xuất các quy định, quy trình, biện pháp rủi ro khi xây dựng, triển khai các sản phẩm mới, dịch vụ mới;
   f. Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 53. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
   a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
   b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
   c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
   d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo

cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này.

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, giao dịch cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 54. Nhiệm vụ cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những

đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Công ty và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty (nếu có) vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

   Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

   Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên với điều kiện người đó đã

hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG XI
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 57. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản và Nghị quyết, Điều lệ Công ty của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện được ủy quyền hoặc 01 (một) bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, dánh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp 01 (một) bản Điều lệ công ty miễn phí và được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 58. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người quản lý doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 59. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 60. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán. Công ty chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 61. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và phân quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc được quyền quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 62. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

1. Điều kiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông: Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ

đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã bù đắp hết lỗ lũy kế và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Thông qua việc phân chia lợi nhuận: Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Mức chi trả cổ tức không được vượt quá mức đề xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Trường hợp cổ tức/lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 63. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 64. Trích lập các quỹ hàng năm

1. Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế:

   a. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

   b. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 65. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

   a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;

b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin

a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
- Công bố thông tin bất thường khác;
- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất 01 (một) cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.

4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

5.

CHƯƠNG XV
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 66. Dấu của doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị quyết định hình thức và số lượng con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XVI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN

Điều 67. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người quản lý Công ty;
   c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 68. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
   a. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
   b. Các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.
4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hoặc một số căn cứ sau:
   a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
   b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn chho tất cả các cổ đông.

Điều 69. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình công ty chứng khoán sau khi được UBCK chấp thuận.

2. Trình tự, thủ tục tiến hành theo một trong các hoạt động theo khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 70. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
   a. Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể Công ty và được UBCK chấp thuận;
   b. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
   c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị và pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 71. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý bao gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi ưu tiên thanh toán trước.

Điều 72. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XVII
SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVIII
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 74. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 18 Chương và 74 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhất trí thông qua ngày 28/06/2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 01 bản chính.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28/06/2024.
6. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*****

Số: 05/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);*
- *Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,*

Xét thấy việc ban hành Quy chế Quản trị Công ty là cần thiết và có ý nghĩa trong việc thiết lập khuôn khổ cho việc quản trị, thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, tuân thủ các tiêu chuẩn pháp lý và căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP 31/12/2020 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, tham chiếu biểu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục II Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc ban hành "Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank" nhằm đáp ứng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

Số: 08/2024/NVS/QĐ-CTHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank" được thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 .

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu P. HC-NS.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. ***Phạm vi điều chỉnh***

Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. ***Đối tượng áp dụng***

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. Trong nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

b. "Điều lệ" hoặc "Điều lệ Công ty" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank bản được sửa đổi và cập nhật mới nhất tại thời điểm áp dụng để điều chỉnh Quy chế này;

c. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d. "Quy chế" là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

e. "Công ty" hoặc "NVS" là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

f. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

g. "HĐQT" là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

h. "UBKT" là Ủy ban Kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ Công ty, các quy chế khác trong Công ty hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm sẽ bao gồm cả những sửa đổi,

bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tùy từng thời điểm áp dụng.

2.3. Những từ ngữ không được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

3.1. *Vai trò của Đại hội đồng cổ đông*

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm quyết định các công việc liên quan tới sự vận hành và phát triển của Công ty.

3.2. *Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông*

3.2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

3.2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

3.2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

3.2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

3.2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

3.2.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

3.2.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

3.2.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

3.2.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

3.2.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

3.2.11. Phê duyệt Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

3.2.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

3.2.13. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư mua trái phiếu riêng lẻ;

3.2.14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông*

4.1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

4.1.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4.1.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.1.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại mục b điểm 4.1.3 khoản này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại mục c điểm 4.1.3 khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4.1.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.1.4 khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ủy ban kiểm toán phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4.1.6. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.2. ***Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp***

4.2.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

4.2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

4.2.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy

định của Công ty.

4.3. ***Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông***

4.3.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4.3.2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4.3.3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4.3.4. Trường hợp Công ty đăng tải tài liệu họp theo thông báo mời họp lên trang thông tin điện tử của Công ty (thay thế cho việc gửi bằng phương thức bảo đảm), thông báo mời họp sẽ được ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4.4. ***Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông***

4.4.1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

4.4.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4.4.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm 4.4.2 khoản này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đọng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm 4.4.2 khoản này;
b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.4.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm 4.4.2 khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp (nếu kiến nghị không thuộc các trường hợp từ chối theo điểm 4.4.3 khoản này), kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4.5. ***Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông***

4.5.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

4.5.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá

nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

4.5.3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

4.6. ***Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông***

4.6.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4.6.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông hình thức đăng ký tham dự kèm theo thông báo triệu tập họp.

4.7. ***Điều kiện tiến hành***

4.7.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

4.7.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 4.7.1 khoản này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

4.7.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 4.7.2 khoản này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.8. ***Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

4.9. ***Cách thức bỏ phiếu***

4.9.1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty thực hiên thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết và thẻ bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử thành viên HĐQT), trên phiếu biểu quyết và thẻ bầu cử có ghi thông tin của cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết.

4.9.2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

4.9.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4.9.4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo

đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4.10. ***Cách thức kiểm phiếu***

Số phiếu biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4.11. ***Điều kiện để nghị quyết được thông qua***

4.11.1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

4.11.2. Các trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
b. Định hướng phát triển công ty;
c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4.11.3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.11.4. Các nghị quyết về nội dung khác được ĐHĐCĐ thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4.12. ***Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

4.12.1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu

cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

4.12.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4.13. ***Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông***

4.13.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

4.13.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4.13.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4.13.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4.13.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4.14. ***Công bố và thông báo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông***

4.14.1. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 24 (giờ) kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

4.14.2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

5.1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm 4.11.2 khoản 4.11 Điều 4, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

5.2. ***Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:***

5.2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

5.2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 4.2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4.3 Điều 4 của Quy chế này.

5.2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Mục đích lấy ý kiến;
c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5.2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật

của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5.2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5.2.6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5.2.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5.2.8. Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 24 (giờ) kể từ thời điểm Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua;

5.2.9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

6.1. ***Vai trò của Hội đồng quản trị***

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6.2. ***Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị***

6.2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

6.2.2. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

6.2.3. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

6.2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

6.2.5. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng.

HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

6.2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

6.2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

6.2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều 22, khoản 1 và khoản 3 Điều 53 Điều lệ này;

6.2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

6.2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

6.2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

6.2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

6.2.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

6.2.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

6.2.15. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

6.2.16. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

6.2.17. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

6.2.18. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng giám đốc (nếu có);

6.2.19. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;

6.2.20. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Công ty hoặc Người quản lý bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
- Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu;
- Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị;
- Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.

6.2.21. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6.3. ***Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị***

Trách nhiệm cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế Hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

7.1. ***Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị***

HĐQT có ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 01 (một) Phó Chủ tịch HĐQT và ít nhất 20% số lượng thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

7.2. ***Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị***

7.2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

b. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

d. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

e. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại đây đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

7.2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

7.3. ***Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị***

7.3.1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:

a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 Điều lệ Công ty được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại điểm 7.3.2 khoản này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo

quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

7.3.2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu được đề cử 01 thành viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

7.3.3. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7.4. ***Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị***

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại điểm 4.9.4 khoản 4.9 Điều 4 của Quy chế này.

7.5. ***Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị***

7.5.1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 37 của Điều lệ Công ty;

b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7.5.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7.5.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

7.5.4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7.6. ***Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị***

7.6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các

thành viên Hội đồng quản trị.

7.6.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

8.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

8.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

8.3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

8.4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

9.1. ***Số lượng cuộc họp***

Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp 01 (một) lần.

9.2. ***Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường***

9.2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày trong các trường hợp sau đây:

a. Nhận được đề nghị của thành viên độc lập;

b. Nhận được đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Nhận được đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

9.2.2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội

đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

9.3. ***Thông báo họp Hội đồng quản trị***

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

9.4. ***Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ủy ban kiểm toán***

Ủy ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9.5. ***Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị***

Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9.6. ***Cách thức biểu quyết***

9.6.1. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp (nếu không ủy quyền) có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp.

9.6.2. Thành viên HĐQT nào không thống nhất với kết luận của HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến và ghi rõ ý kiến bảo lưu trong biên bản cuộc họp, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định có hiệu lực của kỳ họp HĐQT.

9.6.3. Trong một số trường hợp, khi HĐQT xét thấy cần thiết sẽ thực hiện bỏ phiếu kín (nhưng chỉ áp dụng đối với công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật).

9.7. ***Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị***

Nghị quyết HĐQT có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp HĐQT hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT (trên 50% tổng số thành viên HĐQT) có ý kiến tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch HĐQT sẽ là ý kiến quyết định.

9.8. ***Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị***

Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp thay nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

9.9. ***Lập biên bản họp Hội đồng quản trị***

Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu, các quyết định của HĐQT và kết luận từng vấn đề của kỳ họp HĐQT đều phải được ghi thành biên bản. Biên bản phải được tất cả các thành viên HĐQT dự họp (hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp) thông qua và ký tên.

9.10. ***Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị***

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

9.11. ***Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị***

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được Thư ký HĐQT chuyển đến cho Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm phải được cung cấp cho các thành viên HĐQT để phối hợp tổ chức thực hiện.

Điều 10. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

10.1. ***Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán***

10.1.1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

10.1.2. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

10.1.3. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

10.1.4. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

10.1.5. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

10.1.6. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

10.1.7. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

10.1.8. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

10.2. ***Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán***

10.2.1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là Người quản lý Công ty.

10.2.2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

10.3. ***Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán***

10.3.1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

10.3.2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và:

a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

c. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

10.4. ***Hoạt động của Ủy ban kiểm toán***

UBKT có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của UBKT và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định trong Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 11. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

11.1. ***Vai trò, trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

11.2. ***Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc***

11.2.1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

11.2.2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

11.2.3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

11.2.4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

11.2.5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

11.2.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

11.2.7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

11.2.8. Tuyển dụng lao động;

11.2.9. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

11.2.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

12.1. ***Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc***

12.1.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

12.1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

b. Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;

c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

d. Không bị UBCK xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất;

e. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác, không được là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

f. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng giám đốc công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật.

12.2. ***Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc***

12.2.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một (01) người khác làm Tổng giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

12.2.2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ Công ty;

b. Có đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc;

c. Theo quyết định biểu quyết tán thành của từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

12.3. ***Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. (Tổng Giám

đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn);

CHƯƠNG V
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc

13.1. ***Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc;***

13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Tổng Giám đốc trong trường hợp cần thiết;

13.1.2. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

13.1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này;

13.1.4. Tại các phiên họp đình kỳ, đột xuất của Ủy ban Kiểm toán, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi tới Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

13.2. ***Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc***

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

13.3. ***Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị***

13.3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán gửi đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận

13.3.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức theo quy định tại điểm 13.3.1 khoản này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

13.4. ***Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao***

13.4.1. UBKT có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của UBKT và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định trong Điều lệ Công ty;

13.4.2. HĐQT phải tạo điều kiện, có các cơ chế và biện pháp phù hợp để hỗ trợ UBKT phát huy quyền hạn và trách nhiệm của mình trong công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất;

13.4.3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của UBKT , HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời;

13.5. ***Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao***

13.5.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu;

13.5.2. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:

a. Các quyết định trong quá trình kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Công ty;

b. Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị trường;

c. Các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty;

d. Các sự việc xét thấy cần thiết khác

13.5.3. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

13.5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

13.6. ***Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

Điều 14. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc

14.1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty;

14.2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên trong Ủy ban kiểm toán.

14.3. Tiêu chí đánh giá hoạt động, xếp loại đánh giá và khen thưởng theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 15. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ nếu có hành vi vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và quy định pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Công bố thông tin

Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Mọi hoạt động quản trị nội bộ của Công ty không được trái với Quy chế này, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này được phản ánh về Ban lãnh đạo Công ty để tổng hợp ý kiến trình HĐQT xem xét sửa đổi, bổ sung.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

18.1. Quy chế này gồm VI Chương và 18 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhất trí thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

18.2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

18.3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ khác và các quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Phan Anh Tuấn

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*****

Số: 06/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),*

Căn cứ theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về việc ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc ban hành "Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank" nhằm đáp ứng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

Số: 09/2024/NVS/QĐ-CTHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị" được thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 .

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu P. HC-NS.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được xây dựng và ban hành nhằm cụ thể hóa và quy định chi tiết về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank vận hành và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

b. "Điều lệ" hoặc "Điều lệ Công ty" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank bản được sửa đổi và cập nhật mới nhất tại thời điểm áp dụng để điều chỉnh Quy chế này;

c. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d. "Quy chế" là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

e. "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

f. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

g. "HĐQT" là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

h. "UBKT" là Ủy ban Kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ Công ty, các quy chế khác trong Công ty hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tùy từng thời điểm áp dụng.

2.3. Những từ ngữ không được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

3.1. HĐQT do ĐHĐCĐ đề cử và bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3.2. HĐQT thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời kỳ.

3.3. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG II
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý của HĐQT

4.1. HĐQT có ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 01 (một) Phó Chủ tịch HĐQT và ít nhất 20% số lượng thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, con dấu và các nguồn lực của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

4.3. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc mình để thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

5.1. HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ các vấn đề sau đây:

5.1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

5.1.2. Báo cáo của HĐQT;

5.1.3. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

5.1.4. Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại c phần đó;

5.1.5. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán;

5.1.6. Số lượng thành viên HĐQT, bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, và phê chuẩn quyết định Tổng Giám đốc của HĐQT;

5.1.7. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;

5.1.8. Tổng số tiền thù lao và khoản phụ cấp của các thành viên HĐQT, báo cáo tiền thù lao và khoản phụ cấp của HĐQT;

5.1.9. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

5.1.10. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

5.1.11. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

5.1.12. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty đã được HDDQT thông qua;

5.1.13. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

5.2. HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau:

5.2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

5.2.2. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

5.2.3. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

5.2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

5.2.5. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng.

HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

5.2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

5.2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

5.2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều 22, khoản 1 và khoản 3 Điều 53 Điều lệ này;

5.2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

5.2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

5.2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

5.2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

5.2.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

5.2.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

5.2.15. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

5.2.16. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

5.2.17. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng giám đốc và Ban Giám đốc đệ trình (nếu có);

5.2.18. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;

5.2.19. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Công ty hoặc Người quản lý bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
- Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu;
- Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị;
- Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.

5.2.20. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

6.1. Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số thành viên HĐQT, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

6.1.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

6.1.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và làm chủ tọa các cuộc họp của HĐQT;

6.1.3. Tổ chức việc thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

6.1.4. Tổ chức triển khai và giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

6.1.5. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

6.1.6. Ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;

6.1.7. Ký văn bản ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời gian mình vắng mặt;

6.1.8. Chủ tịch HĐQT có thể mời thêm người không phải là thành viên HĐQT dự họp. Người được mời dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

6.1.9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6.2. Thành viên HĐQT (bao gồm cả Chủ tịch HĐQT) ngoài thực hiện nghĩa vụ chung nêu tại Điều 5 của Quy chế này và theo Điều lệ của Công ty, đồng thời có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

6.2.1. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích tối cao của Công ty và của cổ đông, không được lợi dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản và vốn của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác hoặc để chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty làm thiệt hại lợi ích của Công ty; không được đem tài sản của Công ty cho người khác hoặc cho mượn dưới bất kỳ hình thức nào;

6.2.2. Nghiên cứu, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động thường niên của Công ty, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

6.2.3. Tham dự các phiên họp HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết để quyết định các vấn đề thuộc nội dung của phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình;

6.2.4. Chủ động thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT và thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT;

6.2.5. Thành viên HĐQT phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

6.2.6. Có quyền yêu cầu Tổng/Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

6.2.7. Đề xuất hoặc yêu cầu HĐQT họp bất thường để xem xét các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty;

6.2.8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chế độ làm việc của HĐQT

7.1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ mỗi quý ít nhất 01 (một) lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Thời gian và địa điểm họp cụ thể do Chủ tịch HĐQT quyết định và được thông báo cho các thành viên biết ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.

7.2. HĐQT có thể họp bất thường khi nhận được đề nghị bằng văn bản trong đó trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận từ ít nhất một trong số các đối tượng sau:

7.2.1. Thành viên độc lập HĐQT;

7.2.2. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

7.2.3. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;

7.2.4. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

7.3. Các cuộc họp HĐQT bất thường được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có đề nghị tổ chức họp bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp thuận triệu tập họp theo đề nghị quy định tại khoản 7.2 nêu trên thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp HĐQT bất thường theo quy định tại khoản 7.2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

7.4. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện triệu tập và chủ trì cuộc họp của HĐQT.

7.5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đã thông báo cho HĐQT về việc mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình và Chủ tịch HĐQT không ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ tổ chức họp và biểu quyết chọn Phó Chủ tịch HĐQT lâm thời để chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty cho đến khi Chủ tịch HĐQT trở lại tiếp quản công việc. Thời gian quản lý của Phó Chủ tịch HĐQT lâm thời được kéo dài tối đa đến khi kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT hiện tại. Sau thời hạn nêu trên, HĐQT sẽ tổ chức họp kiện toàn và bầu lại thành viên HĐQT.

7.6. Trường hợp cả Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT lâm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

7.7. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT theo quy định tại điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 của Quy chế này. Trường hợp thành viên không tham dự tối thiểu 03 (ba) trên tổng số 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT trong năm tài chính mà không có lý do chính đáng thì HĐQT có quyền đề nghị với ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT đó. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

7.8. Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7.9. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình; các cán bộ, nhân viên trong bộ máy quản lý, điều hành có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo nghiệp vụ chuyên môn của mình.

7.10. HĐQT có thể chỉ định một người làm Thư ký HĐQT. Thư ký HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.

7.11. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7.12. Mức thù lao và phụ cấp của các thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.

7.13. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCD.

Điều 8. Chế độ thông tin của HĐQT

8.1. Biên bản họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và lưu tại Phòng Hành chính - Nhân sự của Công ty. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi cho Tổng Giám đốc và bộ phận trực tiếp thực hiện công việc để nắm bắt và thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

8.2. Tất cả các văn bản của các cơ quan, đơn vị ngoài Công ty gửi đến Công ty có liên quan đến HĐQT thì Tổng Giám đốc thay mặt HĐQT nhận thông tin và chịu trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT các vấn đề liên quan đến văn bản đã nhận được, đồng thời văn bản được lưu trữ tại Phòng Hành chính - Nhân sự của Công ty.

8.3. Các văn bản của HĐQT gửi ra ngoài Công ty hoặc gửi các đơn vị trực thuộc sẽ mang danh nghĩa thay mặt HĐQT như nghị quyết, quyết định hoặc vấn đề đã được thống nhất kết luận trong biên bản họp của HĐQT hoặc khi thành viên HĐQT ký chỉ đạo các vấn đề thuộc lĩnh vực được Chủ tịch HĐQT phân công và ủy quyền.

8.4. Các văn bản, báo cáo của các cơ quan, đơn vị bên ngoài gửi Công ty đồng thời gửi HĐQT và Tổng Giám đốc thì Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện xem xét, giải quyết và phải báo cáo lại kết quả công việc cho Chủ tịch HĐQT.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp HĐQT

9.1. Thông báo họp HĐQT

9.1.1. Thông báo họp, tài liệu họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp trực tiếp (**"Hồ sơ mời họp"**) phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức họp.

9.1.2. Hồ sơ mời họp phải được gửi trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm Hồ sơ mời họp đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã đăng ký tại Công ty.

9.2. Điều kiện hiệu lực của cuộc họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9.3. Quy trình họp HĐQT

9.3.1. Chủ tịch HĐQT trình bày chương trình họp, các vấn đề cần thảo luận. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh chương trình họp và các vấn đề cần thảo luận, Chủ tịch HĐQT sẽ tổng hợp ý kiến và quyết định chương trình, nội dung họp.

9.3.2. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các kỳ họp trước; phân tích nguyên nhân và có thể đề xuất HĐQT điều chỉnh các nội dung được ghi nhận trong các nghị quyết, quyết định đã ban hành (nếu xét thấy cần thiết).

9.3.3. Tổng Giám đốc hoặc thành viên HĐQT (đối với vấn đề mà thành viên HĐQT đó đề nghị họp) báo cáo từng vấn đề và đề nghị HĐQT xem xét, quyết định; HĐQT có quyền yêu cầu đại biểu được mời tham dự (không phải thành viên HĐQT) phát biểu về vấn đề có liên quan (nếu có nhu cầu).

9.3.4. HĐQT tiến hành thảo luận lần lượt từng vấn đề; các thành viên HĐQT nêu ý kiến của mình; Chủ tịch HĐQT tổng hợp và tóm tắt kết quả thảo luận, nêu các ý kiến thống nhất, chưa thống nhất và tiến hành biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.

9.3.5. Chủ tịch HĐQT kết luận cuộc họp; Thư ký thông qua dự thảo biên bản của kỳ họp;

9.3.6. Chủ tịch, người ghi biên bản và tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT phải ký tên và ghi rõ họ tên vào biên bản họp HĐQT.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh

nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT:

9.4.1. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định.

9.4.2. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50% tổng số thành viên tham dự họp). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định kết quả.

9.4.3. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

a. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp (nếu không ủy quyền) có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp.

b. Thành viên HĐQT nào không thống nhất với kết luận của HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến và ghi rõ ý kiến bảo lưu trong biên bản cuộc họp, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định có hiệu lực của kỳ họp HĐQT.

c. Bỏ phiếu kín tại cuộc họp HĐQT:

   (i) Cách thức bỏ phiếu kín được áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể khi HĐQT xét thấy cần thiết (nhưng chỉ áp dụng đối với công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật).

   (ii) Trường hợp bỏ phiếu kín, các thành viên HĐQT không có quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản cuộc họp.

9.4.4. Thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo các thủ tục như sau:

a. Chủ tịch HĐQT gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến nội dung cần thông qua cho các thành viên HĐQT;

b. Các thành viên HĐQT biểu quyết các vấn đề theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong thông báo lấy ý kiến.

c. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của ít nhất một thành viên Ủy ban kiểm toán, Chủ tịch HĐQT sẽ gửi kết quả kiểm phiếu cho các thành viên HĐQT;

d. Các nghị quyết được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT (trên 50%) gửi ý kiến nhất trí bằng văn bản. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch HĐQT sẽ là ý kiến quyết định;

e. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyế và quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

9.4.5. Đối với các vấn đề phải quyết định ngay mà không thể triệu tập họp HĐQT hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản, thì được xử lý kịp thời bằng phương thức hội ý trên điện thoại, hoặc họp trực tuyến, hoặc gửi thư điện tử, hoặc fax giữa Chủ tịch HĐQT và các thành viên. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại, hoặc họp trực tuyến, hoặc thư điện tử, hoặc fax được tổ chức một cách hợp thức sẽ có hiệu lực thi hành ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định và xác thực bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

9.4. Ghi Biên bản và thông qua Biên bản họp HĐQT:

Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu, các quyết định của HĐQT và kết luận từng vấn đề của kỳ họp HĐQT đều phải được ghi thành biên bản. Biên bản phải được tất cả các thành viên HĐQT dự họp (hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp) thông qua và ký tên. Biên bản cuộc họp được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT trong thời hạn được quy định tại khoản 10.4. Điều 10 của Quy chế này.

9.5. Thông báo nghị quyết HĐQT:

Căn cứ kết quả họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên của HĐQT thay mặt Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp) ký ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Mỗi vấn đề được HĐQT thống nhất trong cuộc họp đều phải được ban hành trong nội dung của nghị quyết hoặc quyết định. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến từng thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, được lưu tại phòng Hành chính-Nhân sự của Công ty.

CHƯƠNG III
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc

10.1. Thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên Ban Giám đốc phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên.

10.2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán và thành viên Ban Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để công việc được giải quyết hiệu quả.

10.3. Chủ tịch HĐQT có thể tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án để trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

10.4. Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được Thư ký HĐQT chuyển đến cho Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm phải được cung cấp cho các thành viên HĐQT để phối hợp tổ chức thực hiện.

Điều 11. Quan hệ làm việc với Ủy ban kiểm toán

11.1. UBKT có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của UBKT và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định trong Điều lệ Công ty.

11.2. HĐQT phải tạo điều kiện, có các cơ chế và biện pháp phù hợp để hỗ trợ UBKT phát huy quyền hạn và trách nhiệm của mình trong công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

11.3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của UBKT , HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 12. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc

12.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

12.2. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với HĐQT để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

12.3. Các vấn đề Ban Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán:

12.3.1. Định kỳ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm tài chính, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản cùng các tài liệu có liên quan đến HĐQT và Chủ tịch Ủy ban kiểm toán về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và kế hoạch kinh doanh cùng phương hướng thực hiện trong kỳ hoạt động tiếp theo của Công ty;

12.3.2. Kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua (theo định kỳ hàng quý, mỗi sáu tháng của một năm và hàng năm);

12.3.3. Muộn nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về tính phù hợp của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính trong 05 (năm) năm tiếp theo của Công ty;

12.3.4. Các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty nhằm phục vụ hoạt động quản trị dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt. Định kỳ hằng năm, bản dự toán của năm tài chính (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) phải được trình lên để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin được quy định tại các quy chế của Công ty;

12.3.5. Kiến nghị số lượng và các chức danh cán bộ quản lý mà Công ty cần sử dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các khoản lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

12.3.6. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

12.3.7. Trình HĐQT kế hoạch về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động để HĐQT thông qua;

12.3.8. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của UBKT. Yêu cầu của UBKT phải được lập thành văn bản và phải có chữ ký của Chủ tịch UBKT.

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Quan hệ giữa HĐQT với tổ chức Công đoàn và các đoàn thể khác trong Công ty

HĐQT tạo điều kiện và đảm bảo cho tổ chức Công đoàn và các đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo quy định và Điều lệ của tổ chức, đoàn thể đó.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của HĐQT đối với vốn đầu tư của Công ty ở các công ty khác

14.1. HĐQT thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở công ty khác; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc của bên góp vốn thông qua đại diện của mình là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của các công ty đó và các quy định pháp luật có liên quan.

14.2. HĐQT kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn góp của Công ty ở công ty khác thông qua Người đại diện quản lý vốn;

14.3. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hiệu quả phần vốn đầu tư và thu lợi nhuận đầu tư được chia từ các công ty khác;

14.4. Có quyền khởi kiện người được Công ty giao đại diện quản lý vốn và người điều hành các công ty có vốn đầu tư của Công ty, khi HĐQT Công ty phát hiện những cá nhân này có

hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty đó gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty tại công ty có vốn đầu tư của Công ty;

14.5. Thành viên HĐQT đang quản lý nguồn vốn Công ty đầu tư kinh doanh vào các đơn vị khác có nhiệm vụ báo cáo HĐQT định kỳ mỗi quý một lần về hiệu quả hoạt động tại Công ty đầu tư.

CHƯƠNG V.
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 15. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT

15.1. HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty, bảo đảm Công ty phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên HĐQT;

15.2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên HĐQT được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Mức thưởng do Chủ tịch HĐQT quyết định. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được ĐHĐCĐ thông qua thì Chủ tịch HĐQT sẽ trình phương án khen thưởng lên ĐHĐCĐ để ĐHĐCĐ quyết định. Trường hợp kỷ luật bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

15.3. Tổ chức đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

15.3.1. Việc tổ chức đánh giá, khen thưởng và kỷ luật được thực hiện định kỳ hàng năm;

15.3.2. HĐQT có thẩm quyền quyết định khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh quản lý do HĐQT bổ nhiệm;

15.3.3. Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT có thể được tiến hành theo một trong số các phương thức sau:

a. Tự nhận xét, đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu biểu quyết, tín nhiệm;

c. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

CHƯƠNG VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Mọi hoạt động của HĐQT không được trái với Quy chế này, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Những vướng mắc trong quá trình thực hiện

Quy chế này được phản ánh về Công ty để tổng hợp ý kiến trình HĐQT xem xét sửa đổi, bổ sung.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

17.1. Quy chế này gồm VI Chương và 17 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhất trí thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

17.2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

17.3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ khác và các quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Phạn Anh Tuấn

NAVIBANK Securities

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*****

Số: 07/2024/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025

theo đề cử tại Đơn đề cử thành viên HĐQT của cổ đông Công ty – bà Lê Thị Anh

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),*

Ngày 24/06/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhận được Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2020 – 2025 kiêm đề nghị bổ sung nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Theo đó, bà Lê Thị Anh đề cử 02 ứng cử viên thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 với thông tin như sau:

1. Đề cử Ông: Nguyễn Hoàng Kỳ Lân

   Ngày sinh: 02/08/1996 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

   CCCD số 079096006245 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2021

   Địa chỉ thường trú: 160/45/13/1 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

   Trình độ học vấn: Cử nhân

   Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

   Hiện đang sở hữu: 7.735.000 cổ phần

   Bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần.

   Tương ứng với tổng mệnh giá là: 77.350.000.000 đồng.

   Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

2. Đề cử Ông: Đặng Huy Phong

Ngày sinh: 17/11/1987 Nơi sinh: Bình Thuận

CCCD số 060087000180 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 04/11/2022

Địa chỉ thường trú: L2-32.13 Vinhomes Central Park, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ học vấn: Cử nhân

Chuyên ngành: Luật Thương mại Quốc tế

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần.

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

Đồng thời, bà Lê Thị Anh đề nghị bổ sung nội dung xem xét bổ nhiệm bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị là các ứng cử viên đã được đề cử nêu trên vào nội dung họp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Xét thấy đề nghị của bà Lê Thị Anh là phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị quyết định bổ sung nội dung họp Đại hội đồng cổ đông với 02 nội dung:

1. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân;
2. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Huy Phong.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với 02 ứng viên được đề cử nêu trên tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu P.HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK NHIỆM KỲ 2020-2025 KIÊM ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Đồng kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tôi tên là: Lê Thị Anh

CCCD số: số 044176011916 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 10/08/2021

là cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đại diện cho 6.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,79% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 tháng liên tục của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank, tôi xin gửi đến Đại hội đồng cổ đông Công ty đề cử và đề nghị như sau:

1. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Đề cử Ông: Nguyễn Hoàng Kỳ Lân

Ngày sinh: 02/08/1996 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

CCCD số 079096006245 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2021

Địa chỉ thường trú: 160/45/13/1 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Cử nhân

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 7.735.000 cổ phần

Bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần.

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 77.350.000.000 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

b. Đề cử Ông: Đặng Huy Phong

Ngày sinh: 17/11/1987 Nơi sinh: Bình Thuận

CCCD số 060087000180 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 04/11/2022

Địa chỉ thường trú: L2-32.13 Vinhomes Central Park, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ học vấn: Cử nhân

Chuyên ngành: Luật Thương mại Quốc tế

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần.

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

2. Đề nghị bổ sung nội dung xem xét bổ nhiệm bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị là các ứng cử viên đã được đề cử nêu trên vào nội dung họp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

1. *Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo mẫu của Công ty;*
2. *Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu, toàn bộ các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn liên quan chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên;*
3. *Trích lục sổ đăng ký cổ đông ngày 04/06/2024 – ngày chốt danh sách họp ĐHĐCĐ thường niên 2024*

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Anh

NAVIBANK Securities

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2024

TRÍCH LỤC SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Kính gửi: Bà Lê Thị Anh – Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

1. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tên viết tắt: NVS

Mã số doanh nghiệp: 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, và các lần đăng ký sửa đổi tùy từng thời điểm.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Vốn điều lệ: 252.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng Việt Nam).*

Tổng số cổ phần: 25.200.000 Cổ phần *(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn cổ phần).*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng *(Bằng chữ: Mười nghìn đồng Việt Nam).*

Loại cổ phần:

- Cổ phần phổ thông: 25.200.000 Cổ phần *(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn cổ phần)* tương ứng với 252.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng Việt Nam)*
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần *(Bằng chữ: Không cổ phần)*

Tổng số cổ phần đã bán của từng loại:

- Cổ phần phổ thông: 25.200.000 Cổ phần *(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn cổ phần)* tương ứng với 252.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng Việt Nam)*
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần *(Bằng chữ: Không cổ phần)*

3. Thông tin sở hữu cổ phần của Cổ đông:

STT	Họ và tên	Số CCCD/HC/ GCNĐKDN/ GCN Mã số GDCK	Quốc tịch *(đối với cổ đông là cá nhân)*	Hộ khẩu thường trú *(đối với cổ đông là cá nhân)*, địa chỉ trụ sở chính *(đối với cổ đông là tổ chức)*	Số điện thoại	Số cổ phần	Loại cổ phần	Tổng giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Ngày đăng ký cổ phần (gần nhất)	Tình trạng cổ phần (tự do chuyển nhượng/ phong tỏa)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Lê Thị Anh	044176011916	Việt Nam	C1-103 An Viên 1, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh		6.500.000	Cổ phần phổ thông	65.000.000	13/10/2021	Tự do chuyển nhượng	

Trích lục Sổ Đăng ký Cổ đông này được trích sao hợp lệ từ Sổ Đăng ký Cổ đông số 02/2023/NVS/SĐKCĐ được lập và lưu giữ tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank vào ngày 23/11/2023.
Trích lục Sổ Đăng ký Cổ đông này chỉ có giá trị đối với thời gian hiệu lực của Sổ Đăng ký Cổ đông số 02/2023/NVS/SĐKCĐ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ